

PHẬT THUYẾT BỒ TÁT TUỆ THƯỢNG VẤN ĐẠI THIỆN QUYỀN KINH

Quyển Thượng

Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 345

Hán dịch: Trúc Pháp Hộ

Phiên âm & lược dịch điện tử: Nguyễn Tánh & Nguyễn Hiền

Việt dịch: Thích Nữ Liên Hương (01-2007)

Biên tập : Thích Phước Nghiêm



Tuệ Quang Wisdom Light Foundation

PO Box 91748, Henderson, NV 89009

Website <http://www.daitangvietnam.com>

Email info@daitangvietnam.com

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 345 《慧上菩薩問大善權經》

【Kinh Văn tu bản】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 345 《tuệ thượng Bồ-tát Văn Đại thiện quyền Kinh》

【版本記錄】CBETA 電子佛典 V1.11 (UTF-8) 普及版, 完成日期: 2004/11/20

【bản bản kí lục】CBETA điện tử Phật Điển V1.11 (UTF-8) phổ cập bản, hoàn thành nhật kỳ: 2004/11/20

【編輯說明】本資料庫由中華電子佛典協會 (CBETA) 依大正新脩大藏經所編輯

【biên tập thuyết minh】bản tu liệu khổ do Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội (CBETA) y Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh sở biên tập

【原始資料】蕭鎮國大德提供, 維習安大德提供之高麗藏 CD 經文, 北美某大德提供

【nguyên thủy tu liệu】Tiêu-Trần-Quốc Đại Đức đề cung, Duy-Tập-An Đại Đức đề cung chi cao lệ tạng CD Kinh Văn, Bắc-Mỹ-Mỗ Đại Đức đề cung

【其它事項】本資料庫可自由免費流通, 詳細內容請參閱【中華電子佛典協會資料庫基本介紹】(<http://www.cbeta.org/result/cbintr.htm>)

【kỳ tha sự hạng】bản tu liệu khổ khả tự do miễn phí lưu thông, tương tế nội dung thỉnh tham duyệt【Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội tu liệu khổ cơ bản giới thiệu】(<http://www.cbeta.org/result/cbintr.htm>)

=====

慧上菩薩問大善權經卷上
Tuệ thượng Bồ-tát Văn Đại thiện quyền Kinh quyển thượng
Kinh Bồ Tát Tuệ Thượng Văn Đại Thiện Quyền
Quyển thượng

西晉月氏國三藏竺法護譯
Tây Tấn nguyệt thị quốc Tam Tạng trúc Pháp hộ dịch
Tam tạng Trúc Pháp Hộ, người nước Nguyệt Thị, dịch vào đời Tây Tấn

聞如是。一時佛遊舍衛城祇樹給孤獨園。

Văn như thị. nhất thời Phật du xá Vệ thành Kỳ-Thọ Cấp cô độc Viên.

Nghe như vậy, một thời đức Phật đang đi trong vườn Kỳ Thọ Cấp Cô, thành Xá-vệ,

與大比丘眾俱。比丘八千諸大弟子學戒具足。

Dữ Đại bi khâu chúng câu. bi khâu bát thiên chu Đại đệ-tử học giới cụ túc.

cùng đại chúng Tỳ-kheo câu hội đồng đủ, gồm tám ngàn Tỳ-kheo và các đệ tử đang học giới Cụ Túc,

菩薩萬二千。一切聖通無所不達。

Bồ-tát Vạn nhị thiên. nhất thiết Thánh thông vô sở bất đạt.

một vạn hai ngàn Bồ-tát đều đã thông suốt hết thầy các pháp, không có chỗ nào mà không hiểu rõ.

已得總持辯才無量不起法忍。其德無限徹觀諸根。

Đĩ đắc tổng trì biện tài vô lượng bất khởi Pháp nhẫn

Các vị đó đã đắc pháp Tổng trì, biện tài vô ngại, chúng được vô sanh pháp nhẫn. Đức ấy không giới hạn thấy rõ các căn tánh chúng sanh,

應病授藥為師子吼。

ứng bệnh thụ dược Vi Sư-tử hồng.

tuỳ theo căn bệnh chúng sanh mà các ngài cho thuốc, là tiếng rống của Sư tử,

救濟十方眾生百千莫不蒙度。爾時世尊。從宴坐起斯須未久。

Cứu tế thập phương chúng sanh bách thiên mạc bất mộng độ. nhĩ thời Thế tôn. tông yển tọa khởi tu tu Vị cừu.

cứ độ hết thầy trăm ngàn chúng sanh trong mười phương mà chẳng thấy mình cứu độ. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn trong chốc lát từ chỗ ngồi đứng dậy

與無數之眾眷屬周匝而為說經。

Dù vô số chi chúng quyền chúc châu tạp nhi Vi thuyết Kinh.
cùng vô số đại chúng, quyền thuộc vây quanh vì đó mà thuyết kinh.

時會菩薩名曰慧上。即從坐起更整衣服。

Thời hội Bồ-tát danh Viết tuệ thượng, tức từng tọa khởi canh chỉnh y phục.
Lúc bấy giờ, ở trong hội chúng có Bồ-tát tên là Huệ Thượng từ chỗ ngồi đứng dậy sửa sang y phục tề chỉnh,

長跪叉手前白佛言。願欲有所問。唯如來至真。聽者乃敢陳說。

Trường quy xoa thủ tiền bạch Phật ngôn, nguyện dục hữu sở Vấn, duy Như Lai chí chân, thỉnh giả nãi cảm trần thuyết.

quỳ gối, chấp tay trước Phật bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Con có điều này muốn hỏi Ngài, xin Như Lai chí chon nghe con nói và giải rõ cho con.

世尊告曰。恣所欲問。佛當為汝開解結滯。

Thế tôn cáo Viết, tứ sở dục Vấn, Phật đương Vi nhữ khai giải kết trệ.
Đức Thế Tôn dạy rằng: tùy ý người muốn hỏi điều gì, Phật sẽ vì người mà giải rõ những chỗ người chưa biết.

慧上白佛。所云善權為何謂乎。佛告慧上。

Tuệ thượng bạch Phật, sở Vân thiện quyền Vi hà Vị hồ, Phật cáo tuệ thượng.
Huệ Thượng bạch Phật rằng: Con muốn hỏi ngài "Thiện quyền" nghĩa ấy là như thế nào? Phật bảo Huệ Thượng rằng:

善哉善哉族姓子。多所愍傷哀念。安隱諸天人民。

Thiện tai Thiện tai tộc tính tử, đa sở mẫn thương ai niệm, an ôn chư Thiên nhân dân.

Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử! Có nhiều chỗ thương xót nhớ nghĩ, an ổn chư thiên loài người,

勸化將來導引三塗。開闡佛法獲微妙慧。

Khuyến hóa tương lai đạo dẫn tam đồ, khai xiển Phật Pháp hoạch Vi diệu tuệ.
khuyến hoá, tương lai dẫn dắt tam đồ, khai mở Phật pháp khiến gặt được trí tuệ nhiệm mầu,

乃問闍士善權方便。佛言諦聽善思念之。

Nãi Vấn khải sĩ thiện quyền Phương tiện, Phật ngôn đế thỉnh thiện tu niệm chi.
mới hỏi về phương tiện quyền xảo của Bồ-tát. Đức Phật bảo Bồ-tát Huệ Thượng rằng: Người hãy lắng nghe và khéo suy xét đó,

吾當為汝申暢其要。

ngô đương Vi nhữ thân sướng kỳ yếu.
ta sẽ vì người mà nói rõ nghĩa lý cốt yếu của nó.

慧上菩薩及與眾會受教而聽。於是佛告慧上曰。族姓子。

Tuệ thượng Bồ-tát cập dữ chúng hội thọ giáo nhi thỉnh, u thị Phật cáo tuệ thượng Viết, tộc tính tử

Bồ-tát Huệ Thượng cùng với chúng hội vâng lời dạy mà lắng nghe. Lúc đó, đức Phật bảo Bồ-tát Huệ Thượng rằng: Này Thiện nam tử!

善權闍士以一揣食。隨時方便弘施流普。

Thiện quyền khải sĩ dĩ nhất sù thực, tùy thời Phương tiện hoằng thí lưu phổ.
Bồ-tát dùng phương tiện quyền xảo, suy lường trong một bữa ăn, tùy thời mà bố thí rộng khắp,

勸發黎元墜畜生者。使此二品悉趣德本。興諸通慧。

Khuyến phát lê nguyên trụy súc sanh giả, sử thử nhị phẩm tất thú đức bản, hưng chư thông tuệ.

khuyến phát những lương dân và người bị đọa lạc tại đường súc sanh, khiến hai loại này đều thú hướng về gốc của đức hưng khởi các thần thông, trí tuệ.

其心曉了具足佛慧。是謂菩薩善權方便。

Kỳ tâm hiểu liễu cụ túc Phật tuệ, thị Vị Bồ-tát thiện quyền Phương tiện.
Tâm ấy rõ biết đầy đủ tuệ giác của đức Phật. Đó là Bồ-tát khéo dùng phương tiện vậy.
vật lại họ. Thiện quyền. Nếu người殖德勸讚代喜.

Hộ tộc tính từ, thiện quyền khai sĩ, nhược nhân thực đức khuyến tán Đại hi.
Lại nữa, Thiện nam tử! Bồ-tát khéo dùng phương tiện, như mọi người biết gieo trồng công đức, khuyến trợ tán thán thay cho niềm vui,
以斯善本則施眾生。以覺之心。

Dĩ tu thiện bản tắc thí chúng sanh, dĩ giác chi tâm,
đem cội gốc lành này bố thí khắp chúng sanh, đem tâm giác ngộ
順一切心而不墮落。講斯教已。

Thuận nhất thiết tâm nhi bất đọa lạc, giảng tu giáo dĩ,
tuỳ thuận theo hết thầy nguồn tâm mà không bị đọa lạc, giảng giáo pháp này rồi
成諸弟子緣覺之乘為諸通慧。是謂菩薩善權方便。

Thành chu đệ-từ duyên giác chi thừa Vi chu thông tuệ, thị Vị Bồ-tát thiện quyền
Phương tiện,
trở thành đệ tử Duyên Giác thừa thành tựu thần thông, trí tuệ. Đó gọi là Bồ-tát khéo
dùng phương tiện.

又族姓子。善權闍士。十方諸樹其華燁燁。

Hộ tộc tính từ, thiện quyền khai sĩ, thập phương chu thụ kỳ hoa vĩ diệp.
Lại nữa, Thiện nam tử! Bồ-tát khéo dùng phương tiện, các loại cây trong mười phương
hoa quả tươi tốt

香氣芬馥人所欽尚。而無主名。

Hương khí phân phức nhân sở khâm thượng, nhi Vô chủ danh,
hương vị thơm phức ai cũng đều trân quý mà không có chủ,
敬採集合奉散諸佛誓以德本。

Kính thái tập hợp phụng tán chu Phật thệ dĩ đức bản,
mọi người hái về dâng lên chu Phật vì nguyện cầu cội gốc công đức,
已及眾庶志諸通慧使備道明。

Dĩ cập chúng thứ chí chu thông tuệ sử bị đạo minh,
xong cùng chu Hiền sĩ đầy đủ trí tuệ sáng suốt thần thông tụ tại,

具獲無量戒品定品慧品解脫品度脫知見品。是謂菩薩善權方便。

Cụ hoạch Vô lượng giới phẩm định phẩm tuệ phẩm giải thoát phẩm độ thoát tri kiến
phẩm, thị Vị Bồ-tát thiện quyền Phương tiện.

gặt hái đầy đủ vô lượng các phẩm bậc Giới, Định, Tuệ, Giải thoát và Giải thoát tri
kiến. Đó gọi là Bồ-tát khéo dùng phương tiện.

又族姓子。善權闍士愍察群萌。

Hộ tộc tính từ, thiện quyền khai sĩ mẫn sát quần manh.

Lại nữa, Thiện nam tử! Bồ-tát khéo dùng phương tiện, thương xót quán sát những người
ngụ si

在安助喜彼患代受。以諸通慧因緣方便。

Tại an trợ hi bỉ hoạn Đại thọ, dĩ chu thông tuệ nhân duyên Phương tiện,

giúp cho được tụ tại an ổn, vui vẻ, chịu hoạn nạn thay họ, dùng các phương tiện nhân
duyên thần thông, trí tuệ

建立德本用施眾類。為十方世界誓被德鎧。

Kiến lập đức bản dụng thí chúng loại, Vi thập phương thế giới thệ bị đức khải,

xây dựng nền tảng phước đức để bố thí cho khắp muôn loài, vì mười phương thế giới mà
khoác áo công đức.

其遭惱害者則救攝所。患代受其罪勸。以通慧使獲大安。

Kỳ tao nãi hại giả tắc cứu nhiếp sở, hoạn Đại thọ kỳ tội khuyến, dĩ thông tuệ sử
hoạch Đại An.

Gặp người nãi hại liền cứu giúp, hoạn nạn thì thay họ chịu tội, dùng thần thông, trí
tuệ hộ trì khiến cho được an ổn.

是謂菩薩善權方便。

thị Vị Bồ-tát thiện quyền Phương tiện,

Đó gọi là Bồ-tát khéo dùng phương tiện.

又族姓子。善權闍士供一如來。

Hộ tộc tính từ, thiện quyền khai sĩ cung nhất như lai.

Lại nữa, Thiện nam tử! Bồ-tát khéo dùng phương tiện cúng dường một đức Như Lai,
觀慮諸佛法身平等。戒定慧解度知見品亦復如之。

Quán lự chu Phật Pháp thân bình đẳng. giới định tuệ giải độ tri kiến phẩm diệc phục như chi.

quán thấy Pháp thân của chu Phật đều bình đẳng. Các phẩm Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến đều cũng như vậy.

知是供養一如來等。則為奉養十方諸佛。

Tri thị cung dưỡng nhất như lai đẳng. tắc Vi phụng dưỡng thập phương chu Phật.

Biết cúng dường một bậc Như Lai..., thì như phụng sự cúng dường mười phương chu Phật. 又族姓子。善權闍士敢所生處。

Hựu tộc tính tử. thiện quyền khải sĩ cảm sở sanh xứ.

Lại nữa, Thiện nam tử! Bồ-tát khéo dùng phương tiện, không sợ chỗ sanh ra. 其所住處不計吾我未曾自輕。如令諷讀四句之頌。

Kỳ sở trụ xứ bất kế ngô ngã Vị tăng tự khinh. như lệnh phúng đọc tứ cú chi tụng.

Trú xứ ấy, nhiều vô số, Ta cũng chưa từng khinh xuất. Như nay tụng đọc bốn câu kệ, 觀察其義心不怯羸。宜顯備具。不想利養。

Quan sát kỳ nghĩa tâm bất khiếp luy. tuyên hiển bị cụ. bất tưởng lợi dưỡng.

Quán xét nghĩa của nó mà tâm không khiếp sợ, tuyên bày đầy đủ không vì những lợi dưỡng.

蓋諸佛土若入國邑。輒興大哀踊躍說之。

Cái chu Phật độ nhược nhập quốc ấp. triếp hưng Đại ai dưng dục thuyết chi.

Bởi vì, vào quốc độ của chu Phật cũng giống như vào làng nước, Ta liền khởi tâm thương xót mà nói những lời đó.

誓願聞吾四句頌者。皆成諸佛無礙辯才。

Thệ nguyện Văn ngô tứ cú tụng giả. giai thành chu Phật Vô ngại biện tài.

Thệ nguyện những ai nghe bốn câu tụng này của ta đều trở thành những vị Phật biện tài vô ngại.

是謂菩薩善權方便。

Thị Vị Bồ-tát thiện quyền Phương tiện.

Đó là Bồ-tát khéo dùng phương tiện vậy.

又族姓子。善權闍士。假使生在貧匱之門。

Hựu tộc tính tử. thiện quyền khải sĩ. giả sử sanh tại bần quĩ chi môn.

Lại nữa, Thiện nam tử! Bồ-tát khéo dùng phương tiện, giả sử sanh ra ở nhà bần cùng, 設行乞求一夕膳。無鄙劣心轉奉賢眾。

Thiết hành khát cái cầu nhất tịch thiện. Vô bi liệt tâm chuyển phụng hiền chúng. làm người hành khát đi xin một bữa cơm, không vì tâm hèn hạ mà vì phụng sự Thánh chúng,

若惠獨人內自惟察。如來有言務恢廣施。

Nhuộc huệ độc nhân nội tự duy sát. Như Lai hữu ngôn vụ khôi quảng thí.

hoặc vì ban ân huệ riêng cho người, trong lòng suy nghĩ Như Lai có dạy việc bố thí rộng lớn,

今吾乞與所進微眇。建諸通慧誓意無量。

Kim ngô khát dĩ sở tiến Vi 眇. kiến chu thông tuệ thệ ý Vô lượng.

nay ta khát thực để tiến tới chỗ vi diệu nhiệm mầu, xây dựng các thần thông, trí tuệ, phát tâm vô lượng,

斯德本勸發眾生。僥獲寶掌若如來至真等正覺。

Thực tu đức bản khuyến phát chúng sanh. nghiêu hoạch bảo chương nhược Như Lai chí chân đẳng chánh giác.

lấy phước đức căn bản này để khuyến hoá chúng sanh, cầu được sức phi thường giống như bậc Như Lai Chí Chơn Đẳng Chánh Giác,

以斯妙慧光護夕供。所服納者持戒學道。

dĩ tu diệu tuệ quang hộ tịch cung. sở phục nạp giả trì giới học đạo.

rồi đem sự vi diệu này sớm ủng hộ, chiều cúng dường, chỗ y phục dâng cho người trì giới học đạo,

緣崇功德多所彼致。是謂菩薩善權方便。

Duyên sùng công đức đa sở bi trí. thị Vị Bồ-tát thiện quyền Phương tiện.

nhờ công đức cao lớn này mà đến được bờ bên kia. Đó là Bồ-tát khéo dùng phương tiện vậy.

又族姓子。善權闍士。與諸弟子緣覺俱遊。

Họ tộc tính tử. thiện quyền khái sĩ. dữ chư đệ-tử duyên giác câu du.

Lại nữa, Thiện nam tử! Bồ-tát khéo dùng phương tiện, với đệ tử Duyên-giác cùng đi du hoá

心不同歸。見人供養弟子緣覺。

Tâm bất đồng qui. kiến nhân cung dưỡng đệ-tử duyên giác.

do tâm ý không đồng, thấy người cúng dường đệ tử Duyên-giác

意不欽獲興于二念。一從菩薩心成佛世尊。

Ý bất khâm hoạch hưng vu nhị niệm. nhất tông Bồ-tát tâm thành Phật Thế tôn.

Thì ý không khâm phục liền khởi lên hai ý nghĩ: một là từ tâm Bồ-tát mà thành Phật Thế Tôn;

二弟子緣覺因佛法生。造斯觀已。諸所供養未以為上。

Nhị đệ-tử duyên giác nhân Phật Pháp sanh. tạo tu quán dĩ. chư sở cung dưỡng Vị dĩ Vi thượng.

hai là đệ tử Duyên-giác do nơi Phật pháp sanh ra. Khởi lên hai ý này rồi liền cho rằng sự cúng dường như vậy là chưa cao thượng.

吾所學習則三品最。觀無適莫無所貪樂。

Ngô sở học tập tắc tam phẩm tối. quán vô thích mạc vô sở tham lạc.

Ta nhờ học tập thời mới được ba việc tối thượng này, quán xét không yêu ghét, không tham muốn lạc thú.

是謂菩薩善權方便。

Thị Vị Bồ-Tát thiện quyền Phương tiện.

Đó là Bồ-tát khéo dùng phương tiện vậy.

又族姓子。善權闍士行一布施。

Họ tộc tính tử. thiện quyền khái sĩ hành nhất bố thí.

Lại nữa, Thiện nam tử! Bồ-tát khéo dùng phương tiện, chỉ thực hành một phẩm bố thí thì đủ sáu độ vô cực.何等六度。善權闍士見貧乞者。

Tắc cụ lục độ vô cực. hà đẳng lục độ. thiện quyền khái sĩ kiến bản khát giả.

túc hành đủ Lục-độ vô cực. Lục độ là như thế nào? Bồ-tát khéo dùng phương tiện thấy người nghèo cùng đến xin ăn,

具足大施無慳貪心。斯施度無極。身自護禁奉持戒者。

Cụ túc Đại thí Vô khan tham tâm. tu thí độ Vô cực. thân tự hộ cấm phụng trì giới giả.

thì phải cho họ đầy đủ vật dụng mà tâm không có lẫn tiếc. Đây là Bồ-thí độ Vô cực.

Tự thân phụng trì và giữ gìn giới cấm,

其犯惡者使立戒法。尋而給施令無所毀。

Kỳ phạm ác giả sử lập giới Pháp. tầm nhi cấp thí lệnh Vô sở hủy.

nếu có người vi phạm thời phải khiến họ thọ lại giới pháp, đồng thời bố thí cung cấp khiến họ không huỷ phạm.

斯戒度無極。若瞋患者。御以慈心淨心明心。

Tu giới độ Vô cực. nhược sân khúe giả. ngự dĩ từ tâm tịnh tâm minh tâm.

Đây là Trì giới độ vô cực vậy. Như có người sân giận, thời phải đem tâm từ bi, tâm thanh tịnh, tâm sáng suốt

愍哀等心。興施布施。斯忍度無極。

mẫn ai đẳng tâm. hưng thí bố thí. tu nhẫn độ Vô cực.

mà thương xót họ, phát tâm thực hành bố thí. Đây là Nhẫn-nhục độ Vô cực.

隨宜供辦飲食之饈。身口意行身等如空。斯進度無極。

Tùy nghi cung辦 ẩm thực chi thiện. thân khẩu ý hành thân đẳng như không. tu tiến độ Vô cực.

Tùy theo hoàn cảnh cung cấp thực phẩm, những hành nghiệp của thân, khẩu, ý phải như hư không. Đây là Tinh-tấn độ Vô cực.

一心等施進止臥夢而無亂行。斯定度無極。

Nhất tâm đẳng thí tiến chỉ ngọa mộng nhi Vô loạn hành hành. tách ra định độ Vô Vô cùng.

Một lòng bình đẳng bố thí, tinh tấn chấm dứt mộng寐 và không loạn động. Đây chính là Thiền-định độ vô cực.

如茲施已御念諸法。誰有施者。何所食者。

Như tư thí dĩ ngự niệm chư Pháp, thù hữu thí giả, hà sở thực giả.

Bồ thí như vậy rồi nhớ nghĩ các pháp. Ai là người cho? Cho thức ăn gì?

誰受報應。造斯求者法不可得。

Thùy thọ báo ứng, tạo tư cầu giả Pháp bất khả đắc.

Ai là người nhận? Phát khởi những cầu mong này thì không thể đắc pháp.

不見施者及食施者。無受報應。斯慧度無極。是族姓子。

Bất kiến thí giả cập thực thí giả, thị cố báo ứng, tư tuệ độ Vô cực, thị tộc tính tử.

Không thấy người cho và thức ăn cho, cũng không thấy người nhận. Đây là Trí-tuệ độ vô cực. Nay Thiện nam tử!

權施若斯。則具六度無極之法。

Quyền thí nhưc tư, tắc cụ lục độ Vô cực chi Pháp.

Phương tiện bồ thí như vậy thì có đầy đủ pháp Lục-độ vô cực.

於是慧上菩薩白佛言。未曾有也天中天。闍士丈夫權施具足。

Ư thị tuệ thượng Bồ-tát bạch Phật ngôn, Vị tăng hữu dã Thiên trung Thiên, khả sĩ trượng phu quyền thí cụ túc.

Lúc đó, Bồ-tát Huệ Thượng bạch đức Phật rằng: Chưa từng có vậy. Thưa Thế Tôn, bậc trượng phu Bồ-tát phương tiện bồ thí đầy đủ,

一切佛法多所攝護。振于生死贍及餘類。

Nhất thiết Phật Pháp đa sở nhiếp hộ, chấn Vu sanh tử thiêm cập dư loại.

hết thầy Phật pháp nhiều chỗ thu nhiếp, chấm dứt sanh tử, cứ giúp muôn loài.

佛言至哉。誠如所云。

Phật ngôn chí tai, thành như sở Vân.

Đức Phật dạy rằng: Lành thay! Đúng thật như vậy.

權施雖微審成眾德無量難計。又族姓子。行權闍士。何謂退還。

Quyền thí tuy Vi thẫm thành chúng đức Vô lượng nan kế, hựu tộc tính tử, hành quyền khả sĩ, hà Vị thối hoàn.

Phương tiện bồ thí xét ra dù chỉ một việc nhỏ nhưng thành tựu công đức vô lượng khó mà tính kể. Lại nữa, Thiện nam tử. Bồ-tát khéo dùng phương tiện làm sao thối chuyển, với quyền thuận mà với quyền thuận.縱隨惡友為之所拘。

Dĩ quyền Phương tiện nhi dĩ thí dĩ, túng tùy ác hữu Vi chi sở câu.

vì khéo dùng phương tiện mà bồ thí, dầu theo bạn ác chỉ vì muốn giữ bạn.

畢償罪者自觀念言。陰種諸入得無不滅。

Tất thường tội giả tự quán niệm ngôn, uẩn chủng chư nhập đắc Vô bất diệt.

Xong người bạn ác đó tự thấy và nghĩ rằng: Năm âm, lục nhập đều không phải chẳng mất,

當除斯患乃至無為。吾誓當被道德之鎧。

Đương trừ tư hoạn nãi chí Vô Vi, ngô thệ đương bị đạo đức chi khải.

ta phải tinh tấn loại trừ những hoạn nạn này cho đến khi không còn nữa, ta thể phải trồng nền tảng phước đức,

任力發起周旋終始則務究竟慧上又問。唯天中天。

Nhâm lực phát khởi châu toàn chung thùy tắc vụ cứu cánh tuệ thượng hựu Vân, duy Thiên trung Thiên.

tùy sức phát khởi trọn vẹn trước sau. Cuối cùng Bồ-tát Huệ Thượng lại hỏi: Bạch đức Thế Tôn,

假使有人犯于四罪有所想念。

Giả sử hữu nhân phạm Vu tứ tội hữu sở tưởng niệm.

giả sử có người bị phạm bốn tội trọng nhưng lại có ý niệm

發意出家為菩薩道然後云何。佛言。設當毀失四重之禁。

Phát ý xuất gia Vi Bồ-tát đạo nhiên hậu Vân hà, Phật ngôn muốn phát tâm xuất phát tâm xuất gia hành Bồ-tát đạo sau đó như thế nào? Đức Phật bảo rằng: Nếu đã phạm bốn giới cấm trọng,

以權消罪眾患悉除。是族姓子。

Dĩ quyền tiêu tội chúng hoạn tất trừ, thị tộc tính tử.

nhưng vì phương tiện thì tội đó sẽ tiêu mất thời các hoạn nạn khác đều được tiêu trừ. Nay Thiện nam tử,

為菩薩道無有罪罣。

Vi ồ Tát đạo Vô hữu tội hần.

hành Bồ-tát đạo thì không hề có tội lỗi gì.

爾時慧上菩薩白世尊曰。

Nhĩ thời tuệ thượng Bồ-tát bạch Thế tôn Việt.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát Huệ Thượng bạch đức Thế Tôn rằng:

何謂菩薩而有罪殃。佛言。若有闍士學得脫戒。

Hà Vị Bồ-tát nhi hữu tội ương. Phật ngôn. nhược hữu khải sĩ học đắc thoát giới.

Bạch đức Thế Tôn! Tại sao Bồ-tát mà cũng có tội? Phật dạy: Nếu có Bồ-tát học giới giải thoát,

得脫戒者則二百五十禁。於百千劫服食果蔬。

Đắc thoát giới giả tắc nhị bách ngũ thập cấm. u bách thiên kiếp phục thực quả lỏa. giới giải thoát ấy tức là hai trăm năm mươi giới cấm, ở trong trăm ngàn kiếp gặt hái được quả tốt đẹp,

為人所辱而皆忍之。若有想念弟子緣覺之行。

Vi nhân sở nhục nhi giai nhẫn chi. nhược hữu tưởng niệm đệ-tử duyên giác chi hành. bị người nhục mạ mà nhẫn nhục được, hoặc có người nghĩ nhớ đến hạnh của bậc Duyên giác,

闍士則為生死根縛。如族姓子。聲聞緣覺犯本諸禁。

Khái sĩ tắc Vi sanh tử căn phược. như tộc tính tử. thanh văn duyên giác phạm bản chư cấm.

Bồ-tát thì bị nguồn gốc sanh tử trói buộc. Nay Thiện nam tử, Thanh Văn Duyên giác phạm các giới cấm căn bản,

不除陰種諸入。不得滅度也。如族姓子。

Bất trừ uẩn chủng chư nhập. bất đắc diệt độ dã. như tộc tính tử.

không loại trừ năm âm, sáu nhập thì không thể nào mà diệt độ được. Cũng vậy Thiện nam tử,

闍士行不自改正而有想念。志求聲聞緣覺。

xả khái sĩ hành bất tự cải chánh nhi hữu tưởng niệm. chí cầu thanh văn duyên giác. hành hạnh Bồ-tát mà không tự mình sửa đổi lại nghĩ chí mong cầu quả Thanh văn, Duyên Giác,

欲得無上正真之道為最正覺者。終不能成也。

Dục đắc Vô thượng chánh chân chi đạo Vi tối chánh giác giả. chung bất năng thành dã. muốn chúng đắc đạo Vô Thượng Chánh Chân làm bậc Tối Chánh Giác thì trọn không thể thành tựu vậy.

於是阿難白世尊曰。

Ư thị A-nan bạch Thế tôn Việt.

Lúc đó, A-nan bạch đức Thế Tôn rằng:

憶念我昔入舍衛城而行分衛。見有闍士名重勝王。

Úc niệm ngã tích nhập xá Vệ thành nhi hành phân Vệ. kiến hữu khái sĩ danh trọng thắng Vương.

Nhớ nghĩ khi xưa con vào thành Xá-vệ khất thực, con gặp một vị Bồ-tát tên là Trọng Thắng Vương,

在他室坐與女人同床。我謂犯穢心用惟慮。

Tại tha thất tọa dữ nữ nhân đồng sàng. ngã Vị phạm uế tâm dụng duy lự.

toan.

ở trong nhà cùng với người nữ ngồi chung một giường, con cho là vi phạm làm tâm ô uế, liền suy nghĩ:

得無異人學梵行者。於如來教。將無造見聞想念於一切乎。

Đắc Vô dị nhân học phạm hành giả. u Như Lai giáo. tướng Vô tạo kiến Văn tưởng niệm u nhất thiết hồ.

Người đó không học được phạm hạnh, ở nơi lời dạy của Như Lai sẽ không tạo sự thấy nghe nhớ nghĩ đối với tất cả u!

時我世尊。瞻見立想歎發斯言。

Thời ngã Thế tôn. chiêm kiến lập tưởng thân phát tu ngôn.

Thế Tôn, lúc con nghĩ và phát ra lời ấy,

三千大千世界而六反震動。時重勝王。

Tam Thiên Đại Thiên thế giới nhi lục phản chấn động. thời trọng thắng Vương.
ba ngàn Đại thiên thế giới sáu lần chấn động. Lúc đó, Trọng Thắng Vương

即自踊身住於空中。去地四丈九尺。報阿難曰。云何賢者。

Túc tự dũng thân trụ u không trung. khứ địa tứ trượng cửu xích. báo A-nan Viêt. Vân hà hiền giả.

liền bay lên trụ giữa hư không, cách mặt đất bốn trượng chín thước, nói Với A-nan rằng: Hiền giả tại sao

犯禁穢者寧能踊身止虛空乎。

Phạm cấm uế giả ninh năng dũng thân chỉ hư không hồ.

người bị phạm giới cấm lại có thể bay lên trụ giữa hư không được ư?

在如來前何不問耶。何謂菩薩犯罪之法。

Tại Như Lai tiền hà bất vấn da. hà Vị Bồ-tát phạm

Tại sao trước mặt Như Lai, ông không hỏi lời ấy, mà lại hỏi tại sao Bồ-tát cũng phạm tội?

阿難投身即自悔過曰。唯然世尊。我甚迷謬。如何偏見求大龍短。

A-nan đầu thân túc tự hối quá Viêt. duy nhiên Thế tôn ngã mê mậu như hà thiên kiến cầu đại long đoản.

A-nan gặp đầu hồi lỗi mà nói rằng: Bạch đức Thế Tôn: Con quá mê lầm, Tâm con thiên kiến như thế làm sao thấy được bậc giác ngộ.

佛告阿難。

Phật cáo A-nan。

Phật bảo A-nan:。

宜自修慎無察大乘正士之便而想其闕。由如賢者志弟子乘。

Nghi tự tu 慎 Vô sát Đại thừa chánh sĩ chi tiện nhi tưởng kỳ khuyết. do như hiền giả chí đệ-tử thừa.

Nên tự mình cẩn thận chớ thiếu quán sát về phương tiện của Bồ-tát Đại thừa mà suy nghĩ sai lầm, giống như chí của đệ tử bậc Hiền sĩ,

若一若二同修雜行。不當視之狐疑懈廢得無盡漏。

Nhuộc nhất nhuộc nhị đồng tu tạp hành. bất đương thị chi hồ nghi giải phế đắc Vô tận lậu.

hoặc một người, hoặc hai người đồng tu, cùng làm nhiều việc hỗn tạp, không nên nhìn họ mà sanh tâm hồ nghi rằng giải đãi phế bỏ việc chúng đắc vô lậu.

如是阿難。勿觀善權闍士有廢退想於諸通慧。

Như thị A-nan. Vật quán thiện quyền khải sĩ hữu phế thối tưởng ư chu thông tuệ.

Như vậy A-nan, chớ thấy Bồ-tát phương tiện thiện xảo mà có ý nghĩ thối đoạ ở nói thần thông và trí tuệ.

所以者何。菩薩大士。愛納眷屬業以三寶。US

Sở dĩ giả hà. Bồ-tát Đại sĩ. ái nạp quyến chúc nghiệp dĩ Tam Bảo。

Tại sao như vậy? Bồ-tát đại sĩ xem Tam bảo như quyến thuộc thân yêu,

不違佛法賢聖眾也。使志無上正真之道。

Bất vi Phật Pháp hiền Thánh chúng dã. sử chí Vô thượng chánh chân chi đạo。

không trái Với Phật, Pháp, Thánh Hiền khiến ý hướng đến đạo Vô Thượng Chánh Chân.

佛語阿難。若族姓子族姓女。心存大乘不離諸通慧。

Phật ngữ A-nan. nhuộc tộc tính tử tộc tính nữ. tâm tồn Đại thừa bất ly chu thông tuệ。

Đức Phật dạy A-nan: Nếu như có Thiện nam tử, nữ nhân tâm luôn luôn hướng đến Đại-thừa không lìa thần thông và trí tuệ,

不荒五樂抑制五欲。觀于五通得如來根。

Bất hoang ngũ lạc ức chế ngũ dục. quán Vu ngũ thông đắc Như Lai căn。

không buông lung chạy theo năm món dục, biết tiết chế năm dục, quán suốt năm thần thông chúng được cội gốc Như Lai,

當知正士與女人俱。又聽阿難。

Đương tri chánh sĩ dữ nữ nhân câu. hựu thỉnh A-nan。

nên biết Bồ-tát và nữ nhân đều được như vậy. A-nan, lắng nghe!

Phật Thuyết Bồ Tát Tuệ Thượng Vấn Đại Thiện Quyền Kinh

9

Quyển Thượng

Tuequang Foundation

彼女人者乃往去世為重勝王百生之偶。

Bi nữ nhân giả nãi Vãng khứ thể Vi trọng thắng Vương
Người nữ kia ở thuở quả khứ đã trăm đời gặp Trọng Thắng Vương,

宿情未拔故有色恩。貪重勝顏口發誓言。若與我俱得遂所娛。

Tú tình Vị bạt cố hữu sắc ân, tham trọng thắng nhan khẩu phát thệ ngôn, nhược dĩ ngã
câu đắc thoả thích Vui.

vì tình trước chưa nhổ sạch cho nên còn bị sắc dục quyền rũ, tham muốn dung mạo của
Trọng Thắng, miệng liền phát ra những lời: Nếu cùng tôi được toại nguyện thời vui
sướng biết mấy!

當從其教發無上正真道意。

Đương tòng kỳ giáo phát Vô thượng chánh chân đạo ý.
Phải từ nơi lời dạy đó mà phát tâm Vô Thượng Chánh Chân.

時重勝王心知其念。晨現整服由斯法門入之其室。

Thời trọng thắng Vương tâm tri kỳ niệm, Thần hiện chỉnh phục do tu Pháp môn nhập chi
kỳ thất.

Lúc đó, Trọng Thắng Vương biết được tâm niệm của người nữ đó. Sáng sớm sửa sang y
phục chỉnh tề đem pháp môn này đi vào trong ngôi nhà đó.

觀內地心等無持。執手同處已如其欲。

Quán nội ngoại địa tâm đẳng Vô trì, chấp thủ đồng xử dĩ nhu kỳ dục.
Trọng Thắng Vương thấy được tâm địa con người bên trong bên ngoài vốn không sai
khác, liền chấp tay đứng yên rồi nói như điều mình muốn.

則頌曰。

Tắc tụng Viết.
Liên tụng kệ rằng:

愚哉悖於欲
Ngu tai bội ư dục
Ngu thay trái với đời
能蠲恩愛者

Năng quyên ân ái giả
Ái ân dứt sạch rồi

時女喜踊即從坐起。

Thời nữ hỉ dũng tức tùng tọa khởi.

Lúc bấy giờ, người nữ hoan hỷ vui mừng từ chỗ ngồi đứng dậy,

自投于地歸命自責伏罪悔過。為重勝王而歎頌曰。

Tự đầu Vu địa quy mạng tự trách phục tội hồi quá, Vi trọng thắng Vương nhi thán tụng
Viết.

gập đầu đành lễ sát đất hồi hận tự trách tội lỗi của mình rồi vì Trọng Thắng Vương
mà nói bài kệ rằng:

吾已離諸欲
Ngô dĩ ly chư dục
Con đã lìa tham muốn

節止恩愛著
Tiết chí ân ái trú
Ân ái không buộc ràng

前心之所想
Tiền tâm chi sở tưởng
Trước kia tâm điên đảo

傷愍諸群生
Thương mẫn chư quần sanh
Thương xót những quần sanh

爾時重勝王菩薩。

Nhĩ thời trọng thắng Vương Bồ-tát.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát Trọng Thắng Vương

隨欲化女使發無上正真道意。即從坐起而出其室。

Tùy dục hóa nữ sử phát Vô thượng chánh chân đạo ý, tức tùng tọa khởi nhi xuất kỳ
thất.

諸佛所不歎
Chư Phật sở bất thán
Chư Phật không tán thán.
得佛人中上
Đắc Phật nhân trung thượng
Thời thành tựu chánh giác.

世尊之所歎
Thê tôn chi sở thán
Được Thế Tôn khen ngợi
願佛無上道
Nguyện Phật Vô thượng đạo
Mong thành Vô thượng giác
今首自悔過
Kim thủ tự hồi quá
Nay tự mình hồi hận
究竟發道意
Cứu cánh phát đạo ý
Tâm phát Vô thượng đạo.

theo ý muốn giáo hoá người nữ khiến phát tâm Vô Thượng Chánh Chân rồi liền từ chỗ
ngồi đứng dậy đi ra khỏi ngôi nhà đó.

阿難觀斯心持清淨。今吾授彼女決。

A-nan quán tâm trì thanh tịnh. kim ngô thụ bi nữ quyết.

A-nan, thấy giữ được tâm thanh tịnh nay Ta quyết định thọ ký cho người nữ kia,
轉女身後九十九劫當得作佛。

Chuyển nữ thân hậu cửu thập cửu kiếp đương đắc tác Phật.
chuyển thân nữ chín mươi chín kiếp sau sẽ được làm Phật,

號離無數百千所受如來至真等正覺明行成為善逝世間解無上士道法御天人師
Hiệu ly Vô số bách thiên sở thọ Như Lai chí chân đẳng chánh Giác minh hành thành Vi
hệ thể gian giải Vô-thượng-Sĩ thiện tạo Pháp ngự Thiên Nhơn Sư
hiệu là Ly Vô Số Bách Thiên Sở Thọ Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc,
là Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư,
為佛眾祐。以是賢者觀菩薩行。

Vi Phật chúng hữu. dĩ thị hiền giả quán Bồ-tát hành.

là Phật Thế Tôn. Nhờ đó Hiền giả thấy được hạnh của Bồ-tát,

所行無短不墮罪法。重勝王菩薩從虛空下。

Sở hạnh Vô đoan bất đọa tội Pháp. trọng thắng Vương Bồ-tát tòng hư không hạ.
không có chỗ lầm lỗi, không bị rơi vào tội lỗi. Bồ-tát Trọng Thắng Vương từ nơi hư
không bay xuống,

稽首佛足白世尊曰。闍士當行善權方便立于大哀。

kê thủ Phật túc bạch Thế tôn Viêt. khải sĩ đương hành thiện quyền Phương tiện lập Vu
Đại ai.

đảnh lễ chân Phật, bạch Thế Tôn rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát nên dùng phương tiện
thiện xảo xây dựng lòng đại bi,

若勸一人導以法本。

Nhược khuyến nhất nhân đạo dĩ Pháp bản.

như khuyến hoá một người vào đạo thì phải lấy pháp này làm căn bản.

從其所生輒當獲之信於善權。墮大地獄至于百劫。所遭苦痛惱劇之患。

Tòng kỳ sở sanh triếp đương hoạch chí tín ưu thiện quyền. đọa Đại địa ngục chí Vu
bách Kiếp. sở tao khổ thống não kịch chí hoạn.

Từ nơi chỗ này phải phát khởi lòng tin đối với phương tiện quyền xảo, đọa đại địa
ngục hơn trăm kiếp, những hoạn nạn phiền não khổ đau đã gặp

則當忍之。寧化一人使立德本不避此難。

Tắc đương nhẫn chi. ninh hóa nhất nhân sử lập đức bản bất tị thử nan.
thì phải nhẫn nhục nó, nguyện giáo hoá mọi người khiến họ lập được nền tảng phước
đức mà không trốn tránh những khó khăn ấy.

世尊告曰。善哉善哉。正士通達。

Thế tôn cáo Viêt. Thiện tai Thiện tai. chánh sĩ thông đạt

Đức Thế Tôn bảo rằng: Lành thay! Lành thay! Bồ-tát đã thông suốt pháp này rồi,
是為菩薩大哀之行。超度諸受佛言族姓子。

Thị Vi Bồ-tát Đại ai chí hành. siêu độ chư thọ Phật ngôn tộc tính tử.

đó là hạnh đại bi của Bồ-tát để vượt qua các thọ, Phật dạy: Nay Thiện nam tử,
吾念過世無數劫時。有一學志。名曰焰光。

Ngô niệm quá thế Vô số kiếp thời. hữu nhất học chí. danh Viêt diệm quang.

Ta nhớ đời quá khứ vô số kiếp trước có một vị Bồ-tát tên là Diệm Quang

處於林藪行吉祥願。四百二十萬歲淨修梵行。

Xử u lâm tâu hành cát tường nguyện. tứ bách nhị thập Vạn tuế tịnh tu phạm hạnh.
nguyện ở nơi núi rừng làm những điều tốt lành, bốn trăm hai mươi vạn năm tịnh tu
phạm hạnh.

過闕歲已入沙竭國有陶家女。

Quá khuyết tuế dĩ nhập sa kiệt quốc hữu đào gia nữ.

Qua hết bốn trăm hai mươi vạn năm rồi, đi vào trong nước Sa-kiệt, có một người nữ
làm nghề gốm,

見此學志姿貌姝好端正絕妙。欲意隆崇即自投託。

Kiến thủ học chí tu mạo xu hào đoan chánh tuyệt diệu, dục ý long sùng túc tự đầu thác.

thấy vị Bồ-tát này dung mạo đoan chánh khôi ngô tuấn tú, trong lòng sùng mộ muốn gọi tâm thân.

問姊何所求乎。答曰慕仁。學志報言。吾不樂欲。

Học chí Vấn tí hà sở cầu hồ, đáp Viêt mộ nhân, học chí báo ngôn, ngô bất lạc dục.

Vị Bồ-tát hỏi cô mong cầu gì? Cô đáp: Mền mộ đức nhân. Bồ-tát đáp: Tôi không thích dục lạc.

女曰設不然者吾將自光自念。

Nữ Viêt thiết ất nhiên giả ngô tướng tự tặc, diệm quang tự niệm.

Người nữ nói rằng: Nếu không được như vậy tôi sẽ tự sát. Diệm Quang liền suy nghĩ:

吾護禁戒淨修梵行。四百二十萬歲。今若毀之非吉祥也。

Ngô hộ cấm giới tịnh tu phạm hạnh, tứ bách nhị thập Vạn tuế, kim nhược hủy chi phi cát tường dã.

Ta giữ gìn giới cấm tịnh tu phạm hạnh, trải qua bốn trăm hai mươi vạn năm, nay không lẽ vì thế mà phá bỏ những điều tốt đẹp.

念已捨却離之七步。乃發慈悲。

Niệm dĩ xả khuốc ly chi thất bộ, nãi phát từ ái.

Nghĩ rồi liền bỏ ra xa bảy bước, bèn khởi tâm từ bi,

毀犯禁戒則墮地獄。若不如是女自殘賊。

Hủy phạm cấm giới tắc đọa Địa-ngục, nhược bất như thị nữ tự tàn tặc.

huỷ phạm giới cấm thời đọa địa ngục, nhưng không làm như vậy thời người nữ đó sẽ chết mất.

寧令斯女獲致安隱。吾當堪忍地獄之痛。焰光即還。

Ninh lệnh tu nữ hoạch trí an ổn, ngô đương kham nhẫn Địa-ngục chi thống, diệm quang túc hoàn.

Thà rằng để cho người nữ này được sống an ổn, còn ta phải kham nhẫn những đau khổ ở địa ngục. Diệm Quang liền trở lại nhà của người nữ,

又執其臂而喻之曰。從女之欲幸勿自危。

Hựu chấp kỳ tý nhi dụ chi Viêt, tông nữ chi dục hạnh Vật tự nguy.

cầm tay cô ta mà nói rằng: Ta sẽ chiều theo ý muốn mong cầu của người, người đừng tự hại mình.

學志退居習家之業十有二年。厭礙止足乃淨四等。

Học chí thối cư tập gia chi nghiệp thập hữu nhị niên, yếm ngại chí túc nãi tịnh tứ đẳng.

Bồ-tát trở về nhà làm việc người thế tục mười hai năm, nhằm chán sự biết đủ, thậm chí cả việc tu phạm hạnh .v.v.

壽終之後生于梵天。佛言。族姓子。

Thọ chung chi hậu sanh Vu Phạm Thiên, Phật ngôn, tộc tính tử.

Sau khi mạng chung được sanh lên cõi trời Phạm Thiên. Đức Phật dạy rằng: Thiện nam tử!

知爾時焰光學志。豈異人乎。莫造此觀。則吾身是。

Dục trí nhĩ thời diệm quang học chí, khởi dị nhân hồ, mạc tạo thử quán, tắc ngô thân thị.

Người biết lúc bấy giờ Diệm Quang Bồ-tát đâu phải người nào lạ, chớ cho là như vậy, vì đó chính là thân ta.

陶家女者即瞿夷也。彼尚色欲此順其心。

Đào gia nữ giả túc Cồ di dã, bỉ thượng sắc dục thủ thuận kỳ tâm.

Người nữ làm nghề gốm ấy chính là Cù-di vậy. Người nữ kia vì còn ham muốn sắc dục nên ta làm cho cô ta vừa lòng.

吾以大哀越度生死百千之患。

Ngô dĩ Đại ai Viêt độ sanh tử bách thiên chi hoạn.

Ta vì lòng đại bi mà đã vượt qua trăm ngàn lần sanh tử.

賢者且觀餘人所犯墜趣地獄。善權闍士更昇梵天。

Hiền giả thả quán dư nhân sở phạm trụ thú Địa-ngục, thiện quyền khải sĩ canh thăng Phạm Thiên.

Hiện giả thử xem ngoài người này ra người nào bị phạm giới cấm đều phải đọa địa ngục. Bồ-tát phương tiện thiện xảo thì người được sanh lên cõi Phạm Thiên.

佛告慧上。設舍利弗大目犍連。

Phật cáo tuệ thượng, thiết Xá-lợi-phất Đại Mục-kiền-liên.

Phật bảo Huệ Thượng: Nếu Xá-lợi-phất hay Đại Mục-kiền-liên

行善權者不使瞿和離比丘墜于地獄。所以者何。

Hành thiện quyền giả bất sử Cồ hòa ly bi khâu trụ Vu Địa-ngục, sở dĩ giả hà, thực hành phương tiện khiến cho Tỳ-kheo Cù-Hòa-Ly không đọa vào địa ngục. Tại sao như vậy?

吾憶昔者拘樓秦佛時。有一比丘名曰無垢。

Ngô ức tích giả Câu lâu tần Phật thời, hữu nhất bi khâu danh Viết Vô cầu,

Ta nhớ thuở xưa thời đức Phật Câu Lâu Tần, có một Tỳ-kheo tên là Vô Cầu,

處於閑居國家山窟。去彼不遠有五神仙。

Xử ư nhàn cư quốc gia sơn quật, khứ bi bất Viễn hữu ngũ Thần tiên.

ở trong hang núi thanh vắng, cách đó không xa có năm vị Thần tiên.

有一女人道遇大雨。馳走避入無垢比丘所止之窟。雨霽出去。

Hữu nhất nữ nhân đạo ngộ Đại Vũ, trì tẩu tị nhập Vô cầu bi khâu sở chi chi quật, Vũ tễ xuất khứ.

Có một người con gái đi đường gặp mưa lớn liền chạy vào hang của Tỳ-kheo Vô Cầu để trú mưa, mưa tạnh liền ra đi.

時五仙人見女各言。比丘姦穢謂之不淨。

Thời ngũ Tiên nhân kiến nữ các ngôn, bi khâu gian uế Vị chi bất tịnh.

Lúc ấy năm vị Thần tiên thấy người con gái đều nói rằng: Vị Tỳ-kheo này dâm uế nên cho là bất tịnh.

無垢知諸神仙所念。

Vô cầu tri chư Thần tiên sở niệm,

Tỳ-kheo Vô Cầu biết những vị Thần tiên đó nghĩ như vậy,

即自踊身在于虛空去地四丈九尺。諸仙見之飛處空中。

Tức tự dũng thân tại Vu hư không khứ địa tứ trượng cửu xích, chư tiên kiến chi phi xử không trung

liền tự thân nhảy lên hư không cách mặt đất bốn trượng chín thước. Các vị Thần tiên thấy Tỳ-kheo bay ở trên hư không

各曰如吾經典所記。染欲塵者則不得飛。

Các Viết như ngô Kinh điển sở kí, nhiễm dục trần giả tắc bất đắc phi.

đều nói rằng: Như kinh điển của chúng ta đã nói: Nếu người bị nhiễm dục lạc trần thế thì không thể bay được.

尋五體投地伏首誣橫。假使比丘不現神變。

Tầm ngũ thể đầu địa phục thủ Vu hoạnh, giả sử bi khâu bất hiện Thần biến.

(Năm Vị Thần tiên) năm vóc sát đất, hướng đầu ngay thẳng. Giả sử Tỳ-kheo (Vô Cầu) không hiện thần thông biến hoá

其五仙士墮大地獄。爾時無垢比丘則慈氏菩薩也。

Kỳ ngũ tiên sĩ đọa Đại địa ngục, nhĩ thời Vô cầu bi khâu tắc từ thị Bồ-tát dã,

thì năm vị Thần tiên đó sẽ đọa địa ngục. Lúc bấy giờ, Tỳ-kheo Vô Cầu là Bồ-tát Từ Thị vậy.

若舍利弗目犍連有權飛昇。則瞿和離無由陷墜。

Nhuộc Xá-lợi-phất Mục-kiền-liên hữu quyền phi thăng, tắc Cồ hòa ly Vô do hãm trụ.

Nếu Xá-lợi-phất hay Mục-kiền-liên phương tiện thiện xảo bay lên được thời Cù-hòa-ly không bị đọa vậy.

當知此義。非聲聞緣覺所能及知。

Đương tri thử nghĩa, phi thanh Văn duyên giác sở năng cập tri.

Người phải biết nghĩa lý này, chẳng phải Thanh Văn, Duyên Giác có thể biết được,唯獨闍士分別曉了善權方便。

duy độc khải sĩ phân biệt hiểu liễu thiện quyền Phương tiện.

chỉ có Bồ-tát mới phân biệt rõ ràng phương tiện thiện xảo.

猶如放逸女人四時莊嚴貪財利欲。或無智者變改人性。

Do nhu phóng dật nữ nhân tứ thời trang nghiêm tham tài lợi dục. hoặc Vô trí giả biến cải nhân tánh.

Giống như người nữ buông lung suốt ngày dùng các thứ tiền tài danh lợi để trang nghiêm thân. Hoặc người vô trí thì biến đổi tính người,

使從其意示於施身。敬重彼人殫盡其產。 卍

Sử tông kỳ ý kì u thí thân. kính trọng bi nhân đàn tận kỳ sản.

khiến theo ý mình cho đến bố thí thân, kính trọng người khác cho đến tiêu tài tài sản,

遂棄遠之緣所獲入未曾有悔。善權菩薩亦復如斯。

Toại khí Viễn chi duyên sở hoạch nhập Vị tăng hữu hối. thiện quyền Bồ-tát diệc phục như tu ủng

Xa lìa các duyên, những vật thu nhập được chưa từng hối tiếc. Bồ-tát dùng phương tiện cũng lại như vậy.

觀察人根可開化者。以何方便則化立之。

Quan sát nhân căn khả khai hóa giả. dĩ hà Phương tiện tắc hóa lập chi.

Quán sát người có căn cơ có thể giáo hoá, dùng phương tiện gì để giáo hoá họ.

敬施眾生不恪其身。殖諸德本不藏情匿。

Kính thí chúng sanh bất恪 kỳ thân. thực chu đức bản bất tàng tình nặc.

Bố thí chúng sanh mà không tiếc thân mạng mình, xây dựng nền tảng phước đức, không che dấu tội lỗi.

設使知人已建德本。用其人故續命長善。

Thiết sử tri nhân dĩ kiến đức bản. dụng kỳ nhân cố tục mạng trường thiện.

Giả sử biết người đó đã xây dựng nền tảng phước đức rồi thì phải giúp họ tăng trưởng điều thiện,

一切欲樂無所貪慕。捨除恩愛令歸於無。

Nhất thiết dục lạc vô sở tham mộ. xả trừ ân ái lệnh quy u Vô.

tất cả dục lạc không còn tham đắm, xả bỏ ân ái khiến không còn,

其心清淨無所繫著。猶如蜜蜂接採眾花不計常想。

Kỳ tâm thanh tịnh Vô sở hệ trú. do nhu mật phong tiếp thái chúng hoa bất kế thường tưởng.

đề tâm trong sạch không còn bị trói buộc, giống như loài ong hút mật hoa mà không tính toán hay nghĩ về,

於花枝葉一無所損。行權菩薩隨俗方便。

Ư hoa chi diệp nhất Vô sở tổn. hành quyền Bồ-tát tùy tục Phương tiện.

đối với cành, lá, hoa không hề tổn hại. Bồ-tát thiện xảo tùy thế tục mà dùng phương tiện.

雖樂諸欲不計愛欲不發常想。不自毀身亦不損彼。

Tuy lạc chư dục bất kế ái dục bất phát thường tưởng. bất tự hủy thân diệc bất tổn bỉ.

Tuy vui với dục lạc mà không nghĩ đến ái dục, không toan tính, tự mình không hủy thân cũng không tổn hại người khác.

譬如樹種不失鮮色因而生牙無加茂者。

Thí như thụ chủng bất thất tiên sắc nhân nhi sanh nha Vô gia 茂 giả.

Thí như trồng cây mà cây không bị úa tàn mà còn phát sinh những mầm non tăng thêm vẻ đẹp.

如是族姓子。菩薩以空無想不願之法。

như thị tộc tính tử. Bồ-tát dĩ không Vô tưởng bất nguyện chi Pháp.

Như vậy, Thiện nam tử! Bồ-tát dùng pháp không, vô tưởng, vô nguyện,

智度無極廣大之慧。入諸塵勞隨所樂行。

Trí độ Vô cực quảng Đại chi tuệ. nhập chư trần lao tùy sở lạc hành.

Trí tuệ độ vô cực đi vào trong trần lao tùy chỗ mà ban vui,

不捨習俗欲不穢身。不違佛歎未曾退轉。

Bất xả tập tục dục bất uế thân. bất Vi Phật thán Vị tăng thối chuyển.

chẳng bỏ thói quen ái dục nhưng không uế thân, không trái với lời Phật dạy cũng chưa từng thối chuyển.

如捕魚工引網布網。恣意所欲截眾大流。

như bộ ngư công dẫn Vông bố Vông, tú ý sở dục tiết chúng Đại lưu.
Nhu ngư dân buông lưới bắt cá ý muốn ngăn chặn những dòng nước lớn,
收網攝網多所獲得。菩薩如是入空無想不願之法。

Thu cương nhiếp Vông đa sở hoạch đắc. Bồ-tát nhu thị nhập không Vô tướng bất nguyện
chi Pháp.

thu lưới, cuộn lưới mới thu hoạch được nhiều. Bồ-tát cũng vậy, nhập vào pháp không,
vô tướng, vô nguyện,

以細微心在一切慧。縛于大欲。

Dĩ tế Vi tâm tại nhất thiết tuệ. phược Vu Đại dục.

dùng cái tâm vi tế ở nơi trí tuệ sáng suốt trói buộc các dục lạc.

諸通慧心以無護心。自在所獲得生梵天。譬如丈夫工學呪術。

Chư thông tuệ tâm dĩ Vô hộ tâm, tự-tại sở hoạch đắc sanh Phạm Thiên, thí như trượng
phu công học chú chú nghề thuật.

Tâm thần thông, trí tuệ thì không cần hộ tâm, tự tại bất cứ nơi nào mới được sanh
Phạm thiên. Thí như bậc trượng phu đọc chú thuật,

為吏所捕五繫縛之。其人自恣則以一呪。

Vi lại sở bộ ngũ hệ phược chi, kỳ nhân tự tú tắc dĩ nhất chú,

vì bị trói buộc bởi năm triền phược, người đó tự mình tụng chú,

斷諸縲紲而得解去。如是族姓子。

Đoạn chư luy tiết nhi đắc giải khứ, như thị tộc tính tử,

cắt đứt mọi sự trói buộc mà được giải thoát. Như vậy Thiện nam tử!

善權菩薩五欲自樂。普與眾俱恣其所幸。

Thiện quyền Bồ-tát ngũ dục tự lạc, phổ dĩ chúng câu tú kỳ sở hạnh.

Bồ-tát khéo dùng phương tiện đối với năm dục, rộng vì chúng sanh đều tùy ý an vui,
tất cả đều buông lung chạy theo sự mong muốn này.

智力術力以一通慧。壞一切欲沒生梵天。

Trí lực thuật lực dĩ nhất thông tuệ, hoại nhất thiết dục một sanh Phạm Thiên,

súc trí tuệ, súc chú thuật đều do thần thông và trí tuệ, để hoại tất cả dục lạc, sau
khi chết được sanh lên cõi Phạm thiên.

譬安隱師以一其心無所惡忌。變現摩底送大賈人

Thí đan ổn sư dĩ nhất kỳ tâm Vô sở ác kị, biến hiện âm tí tống Đại cổ nhân.

Nhu vị thầy được an ổn vì tâm vị ấy không còn xấu ác, đồ kị, biến hiện che chở, xua
đuổi kẻ giả dối.

或有愚謗而傷之曰。忖察此師自眷屬財賄尚不合度。

Hoặc hữu ngu bàng nhi thương chi Viêt, thốn sát thử sư tự quyền chúc tài hồi thượng
bất hợp độ.

Hoặc có người ngu si phi bàng rằng: Suy xét kỹ thì vị thầy vẫn không thể tự cứu độ
tài sản quyền thuộc

安能濟眾使免賊乎。將必遺漏無量錢寶。

an năng tế chúng sử miễn tặc hồ, tuớng tất di lậu Vô lượng tiền bảo.

thì đâu có thể cứu chúng sanh thoát khỏi giặc ư! nên để lại vô lượng tiền của vật
báu.

於是導師激憤恥之。即從坐起秉心堅強。

ư thị Đạo sư kích phẫn si chi, tức tùng tọa khởi bình tâm kiên cường.

Lúc đó, vị đạo sư cảm thấy tức giận hổ thẹn về việc đó. Liên từ nơi chỗ ngồi đứng
dậy giữ tâm kiên cố,

帶鉞舞刀摧拉怨敵。所護安隱無所亡失。

đái giáp vũ đao tồ lạp oán địch, sở hộ an ổn Vô sở vong thất,

mang áo giáp, múa đao bẻ gãy oán địch, giữ cho dân an ổn không bị diệt mất.

行權菩薩。執智慧刀隨時所欲。以巧方便安習五樂。

Hành quyền Bồ-tát, chấp trí tuệ đao tùy thời sở dục, dĩ xảo phương tiện an tập ngũ
lạc.

Bồ-tát khéo dùng phương tiện cầm gươm trí tuệ tùy thời giáo hoá chúng sanh, dùng
phương tiện khéo léo đối trị năm dục khiến được an ổn.

志弟子乘所不悅可。為發慈愍。

chí đệ-tử thừa sở bất duyệt khả, Vi phát từ mẫn.

Người đệ tử có chí vì chỗ đó mà không vui, nhân đó khởi tâm từ bi thương xót.

云何若此興放逸行。尚不自度何能濟眾降魔怨乎。

Vân hà nhược thử hưng phóng dật hành. thượng bất tự độ hà năng tế chúng hàng ma oán hồ.

Tại sao lại khởi tâm buông lung như vậy, còn không tự độ mình làm sao có thể cứu vớt chúng sanh hàng phục ma oán?

所不堪偕也。菩薩以智慧度無極法。

Sở bất kham giai dã. Bồ-tát dĩ trí tuệ độ Vô cực Pháp.

Đó là những điều không tốt đẹp vậy. Bồ-tát dùng trí tuệ độ vô cực

善權方便恣意所欲。以智慧刀斷截塵勞裂諸羅網。

Thiện quyền Phương tiện tứ ý sở dục. dĩ trí tuệ đao đoạn tiết trần lao liệt chu la Vông.

phương tiện thiện xảo tùy ý để độ các dục, dùng guom trí tuệ chặt đứt lưới trần lao phiền não,

超遊自恣遍諸佛國。離女人土無有瑕穢。

Siêu du tự tứ biến chư Phật quốc. ly nữ nhân độ Vô hữu hà uest.

tùy ý dạo chơi khắp các cõi Phật, xa lìa quốc độ người nữ thì không còn lỗi lầm.

爾時有菩薩名曰愛敬。

Nhĩ thời hữu Bồ-tát danh Viêt ái kính.

Bây giờ có Bồ-tát tên là Ái Kính

入舍衛大城普次行乞至貴姓家。貴姓有女名曰執祥。

Nhập xá Vệ Đại thành phổ thứ hành khất chí quý tính gia. quý tính hữu nữ danh Viêt chấp tường

vào đại thành Xá Vệ thứ tự khất thực đến nhà quý tộc. Nhà quý tộc đó có một người nữ tên là Chấp Tường.

在樓觀上聞比丘音。受食便出則觀其形。發放逸意。

Tại lầu quán thượng Văn bi khâu âm. thọ thực tiện xuất tắc đồ kỳ hình. phát phóng dật ý.

Cô ta đứng ở trên lầu nghe tiếng của Vị Tỳ-kheo khất thực liền đi ra khỏi lầu, thấy hình tướng của vị Tỳ-kheo tâm sanh phóng dật,

其欲甚盛不得從志。氣絕命終其身動搖。

Kỳ dục thậm thịnh bất đắc tông chí. khí tuyệt mạng chung kỳ thân động dao.

dục tình hùng hực không được thoả mãn nên muốn nhảy lầu tự vẫn.

比丘見女興不淨想。即發念言。

Ti khâu kiến nữ hưng bất tịnh tưởng. tức phát niệm ngôn.

Vị Tỳ-kheo thấy người nữ khởi tư tưởng bất tịnh, liền nói rằng:

何謂法樂自所喜者。計空無實其猶泡水。

Hà Vị Pháp lạc tự sở hỷ giả. kế không Vô thật kỳ do phao thủy.

Các pháp lạc là gì sao lại tự thích thú, xét nó vốn không có thật, như bọt nước,

無所可遵耳目鼻口身意。如腐肉揣革裹皮覆。

Vô sở khả tuân nhĩ mục tỳ khẩu thân ý. như hủ nhục sù ý cách khoả bì phúc.

từ mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý không có chỗ nương vào, giống như một túi da đựng đầy thịt, xương, tùy thúì.

從足至頂何所可樂乎。觀無諍訟無想無念。

Tông túc chí đỉnh hà sở khả lạc hồ. quán Vô tranh tụng Vô tưởng Vô niệm.

Từ chân cho đến đỉnh đầu có gì vui đâu? Thấy được như vậy thì không có tranh tụng, không có mơ tưởng, không có nghĩ nhớ.

法無內外亦無壽命。都無所有。心何所著亦何所受。

Pháp Vô nội ngoại diệc Vô thọ mạng. đô Vô sở hữu. tâm hà sở trú diệc hà sở thọ.

Các pháp vốn không có bên trong, cũng không có bên ngoài, cũng không có thọ mạng.

Tất cả đều không có sở hữu, tâm không có gì để đắm trước, cũng không có gì để thọ nhận.

永離欲瑕亦無得也。諦觀諸法無所起者。

Vĩnh ly dục hà diệc Vô đắc dã. đế quán chư Pháp Vô sở khởi giả.

Vĩnh viễn xa lìa những tham muốn dục lạc cũng không có chỗ đắc vậy. Chân thật quán sát các pháp không có chỗ sanh khởi.

愛敬菩薩即得不起法忍。則時欣喜踊躍在虛空。

ái kính Bồ-tát tức đắc bắt khởi Pháp nhãn. tắc thời hân hi dưng được tại hư không. Bồ-tát Ái Kính liền chứng được Vô sanh pháp nhãn, liền vui mừng hớn hở ở trên hư không,

去地四丈九尺。繞舍衛城七匝。於時世尊。

Khứ địa tứ trượng cửu xích. nhiều xá Vệ thành thất tạp. u thời Thế tôn. cách mặt đất bốn trượng chín thước, bay quanh thành Xá Vệ bảy vòng. Lúc bấy giờ đức Thế Tôn

見愛敬菩薩昇在虛空。譬如鴈王。

Kiến ái kính Bồ-tát thăng tại hư không. thí như nhận Vương. thấy Bồ-tát Ái Kính bay lên hư không, giống như chim nhận chúa,

神足無礙自由自在。告賢者阿難曰。

Thần túc vô ngại tự do tự tại cáo hiền giả A-nan viết.

thần túc vô ngại, tự do, tự tại liền dạy tôn giả A-nan rằng:

汝見愛敬飛遊進止如鴈王乎。對曰已見。佛言阿難。愛敬菩薩。

nhữ kiến ái kính phi du tiến chỉ như nhận Vương hồ. đối viết dĩ kiến. Phật ngôn A-nan. ái kính Bồ-tát.

Người thấy Bồ-tát Ái Kính bay qua lại như chim nhận chúa không? A-nan đáp rằng: Con đã thấy. Đức Phật dạy A-nan rằng: Bồ-tát Ái Kính

因色欲行獲諸佛法。降伏魔兵則轉法輪。

Nhân sắc dục hành hoạch chư Phật Pháp. hàng phục ma binh tắc chuyển Pháp luân.

nhờ vì sắc dục mà chứng được pháp của chư Phật, hàng phục được ma binh thời chuyển bánh xe pháp.

執祥女終轉女人身。得生忉利紫紺天宮。

Chấp tường nữ chung chuyển nữ nhân thân. đắc sanh Đao

Nữ nhân Chấp Tường khi chết được chuyển thân nữ, sanh lên cõi trời Đao Lợi Tử Cám.

自然化有四百八十里殿。萬四千玉女俱共侍之。

Tự nhiên hóa hữu tứ bách bát thập lý điện. Vạn tứ thiên ngọc nữ câu cộng thị chi.

Tự nhiên hoá ra bốn trăm tám mươi cung điện, một vạn bốn ngàn ngọc nữ đều cùng nhau hầu hạ nàng.

緣此之德而發慧心。自念何行得生此乎。

Duyên thử chi đức nhi phát tuệ tâm. tự niệm hà hành đắc sanh thử hồ.

Nhân nơi công đức này mà phát sanh trí tuệ, tự nghĩ làm sao mà mình được sanh vào cõi này!

即知本在舍衛為貴姓女色惑愛敬。

Tức tri bản tại xá Vệ Vi quý tính nữ sắc hoặc ái kính.

Tức thì liền biết xưa kia ở thành Xá Vệ con gái của một gia đình quý tộc vì dùng sắc đẹp mà mê hoặc Ái Kính.

緣斯貪欲壽終轉女即為男子。自然神化無央數眾。

Duyên tư tham dục thọ chung chuyển nữ tức Vi Thiện nam tử. tự nhiên Thần hóa Vô ương số chúng.

Do nhân duyên tham muốn này mà sau khi mạng chung chuyển thân nữ thành thân nam, tự nhiên có thần thông biến hoá không thể tính kể.

志於欲著乃獲此報。豈況清淨恭肅之心。

Chí u dục trú nãi hoạch thử báo. khởi huông thanh tịnh cung túc chi tâm.

Ý chí ở nơi sự tham muốn đắm trước mà được phúc báu này, đâu phải vì tâm thanh tịnh cung kính

供養奉事盡敬菩薩乎。今伎樂之娛安可久。

Cung dưỡng phụng sự tận kính Bồ-tát hồ. kim kĩ nhạc chi ngu an khả cửu.

cúng dường phụng sự đối với Bồ-tát. Nay những thú vui kỹ nhạc đó đâu có thể giữ an vui lâu dài.

常當詣世尊及觀愛敬菩薩。於是天子與其眷屬。

Thường đương nghê Thế tôn cập quán ái kính Bồ-tát. u thị Thiên tử dữ kỳ quyến chúc.

Ta phải đi đến đức Thế Tôn và chiêm ngưỡng Bồ-tát Ái Kính. Lúc đó Thiên tử cùng quyến thuộc của ông

各執天花梅檀雜香。威光巍巍俱詣世尊愛敬大士。

Các chấp Thiên hoa chiên đàn tạp hương, uy quang nguy nguy câu nghệ Thế tôn ái kính Đại sĩ.

đều cầm thiên hoa chiên đàn trầm hương, oai nghi hào quang chiếu sáng vọi vọi, tất cả đều đến chỗ đức Thế Tôn và Bồ-tát Ái Kính,

皆以花香而供上之。前稽首禮繞佛三匝住。

giai dĩ hoa hương nhi cung thượng chi. tiền kê thủ lễ nhiều Phật tam tạp trụ. dâng hoa hương cúng dường, rồi đến trước Phật đánh lễ và nhiễu quanh Phật ba vòng. 各叉手而讚頌曰。

Các xoa thủ nhi tán tụng Việt.

Tất cả đều chấp tay mà tụng bài kệ rằng:

諸佛無思念

Chư Phật Vô tư niệm

Chư Phật không nhớ nghĩ

如來無心意

Như Lai Vô tâm ý

Như Lai tâm vắng lặng

我在舍衛為女人

Ngã tại xá Vệ Vi nữ nhân

Con tại Xá Vệ là nữ nhân

號曰執祥長者息

Hiệu Việt chấp tường Trưởng-Già tức

Danh hiệu Chấp Tường con trưởng già

以為父母所珍重

dĩ Vi phụ mẫu sở trân trọng

Nhờ cha nhờ mẹ luôn trân trọng

號曰愛敬威神大

Hiệu Việt ái kính uy Thần Đại

Hiệu là Ái Kính oai thần lớn

我聞其音柔軟妙

Ngã Văn kỳ âm nhu nhuyễn diệu

Nghe tiếng nói nhu nhuyễn diệu kỳ

即自往詣無極法

Tức tự Vãng nghệ Vô cực Pháp

Pháp vô cực con liền tự đến

吾見彼已起亂心

Ngô kiến bỉ dĩ khởi loạn tâm

Con thấy ngài tâm con dao động

假使不得從我願

giả sử bất đắc tòng ngã nguyện

Nếu không được thỏa lòng mong mỏi

當時不能發口言

Đương thời bất năng phát khẩu ngôn

Chính lúc ấy không nói nên lời

我以愛欲放逸故

Ngã dĩ ái dục phóng dật cố

Vì ái dục phóng túng buông lung

雖不能應于道行

tuy bất năng ứng Vu đạo hành

Tuy không thể ứng hợp đạo hành

得為男子佛所歎

đắc Vi Thiện nam tử Phật sở tán

Chuyển thân nam đức Phật ngợi khen

宮殿則尊微妙好

Cung điện tắc tôn Vi diệu hảo

Cung điện vàng quý báu Khang trang

有萬四千諸眷屬

Hữu Vạn tứ thiên chư quyến chúc

Với một vạn bốn ngàn quyến thuộc

即時心自發念言

最不可量

Tối bất khả lượng

Niềm vui không thể lường

則獲尊上道

Tắc hoạch tôn thượng đạo

Tôn quý nhất trên đời.

其大名德不可議

Kỳ Đại danh đức bất khả nghị

Danh đức lòng lấy cõi Ta bà.

端正姝好寶嚴身

Đoan chánh xu hảo bảo nghiêm thân

Bảo châu nghiêm sức thân đoan chánh

有正覺子無所著

hữu chánh giác tử Vô sở trú

Có bậc Chánh giác Vô sở trước

入舍衛城家分衛

Nhập xá Vệ thành gia phân Vệ

Vào thành Xá Vệ đi khát thực.

歡喜之心取飯食

Hoan hỉ chi tâm thủ phạn thực

Lòng đổi vui mừng dâng bát cơm

如來之子愛敬道

Như Lai chi tử ái kính đạo

Đấng Như Lai Ái Kính đạo mẫu.

迷惑愛欲貪放逸

Mê hoặc ái dục tham phóng dật

Lòng ái dục ham muốn buông lung.

即當壽終用活為

Tức đương thọ chung dụng hoạt ViGiả như

Thà chết đi chứ sống ích gì,

雖奉飲食不能授

Tuy phụng ẩm thực bất năng thụ

Thực phẩm ngon không dâng lên được

則在其處壽命終

Tắc tại kỳ xứ thọ mạng chung

Khiến nơi đây đời con chấm dứt,

降棄瑕穢女人身

Hàng khí hà uế nữ nhân thân

Nhưng thân nữ uế như rửa sạch.

即時得生忉利天

tức thời đắc sanh đao lợi Thiên

Tức thời sanh Đao Lợi thiên cung.

以寶合成無等倫

Dĩ bảo hợp thành Vô đẳng luân

Đem vật báu tạo thành Vô đẳng.

諸姝女樂悉具足

Chư 姝 nữ lạc tất cụ túc

Các nữ nhân hầu hạ đủ đầy.

吾何因緣得致此

Túc thời tâm tự phát niệm ngôn
Liên lúc ấy tâm con tự nghĩ
尋時識念如此事
Tâm thời thức niệm như thù sự
Đến giờ đây mới biết việc này
見於愛敬心歡喜
Kiến ư ái kính tâm hoan hỷ
Gặp Ái kính tâm con hoan hỷ
緣是之德獲是報
Duyên thị chi đức hoạch thị báo
Chính bởi duyên này đức báo ứng
當為正覺佛子弟
Đương Vi chánh giác Phật-Tử đệ
Con xin nguyện làm con của Phật
愛欲之心報如此
Ái dục chi tâm báo như thù
Tâm ái dục phước còn như vậy
吾身今即如來子
Ngô thân kim tức Như Lai tử
Nay con là con của Như Lai
便當修行恒沙劫
Tiện đương tu hành hằng sa kiếp
Dầu phải trải qua hằng sa kiếp
皆由善師因愛敬
Giai do thiện sư nhân ái kính
Đều nhờ ngài thiện sư Ái Kính
供事于道無親屬
Cung sự Vu đạo Vô thân chúc
Cúng vì đạo không vì thân quyến
修于尊妙道之行
Tu Vu tôn diệu đạo chi hành
Tu tập theo hạnh đạo nhiệm mầu
尋時則轉于女身
Tâm thời tắc chuyển Vu nữ thân
Trong phút chốc đổi thay thân nữ
父母在家皆號哭
Phụ mẫu tại gia giai hiệu khóc
Cha mẹ ở nhà đều khóc lóc,
心自念言是蠱道
Tâm tự niệm ngôn thị cổ đạo
Tâm nghĩ rằng đạo mầu xa xấu
應時天子承佛威
Ứng thời Thiên tử thừa Phật uy
Túc thời Thiên tử nương oai Phật
無得罵詈沙門
Vô đắc mạ lệ sân Sa Môn
Không được mắng chửi, hận Sa-môn
父母欲得知我不
Phụ mẫu dục đắc tri ngã bất
Cha mẹ muốn được như con không?
應時退轉女人身
Ứng thời hồi chuyển nữ nhân thân
Túc thời chuyển hoá thân nữ nhân
父母當至安住所
Phụ mẫu đương chí an trú sở
Mẹ cha phải đến nơi an ổn
更求救護不可得
Cánh cầu cứu hộ bất khả đắc
Lại cầu cứu hộ không thể được
時父母聞佛音響

Ngô hà nhân duyên đắc trí thù
Nhân duyên gì sanh được nơi đây
愛欲之心報應然
Ái dục chi tâm báo ứng nhiên
Tâm ái dục như vậy báo ứng.
以放逸心而貪視
Dĩ phóng dật tâm nhi tham thị
Buông lung tâm ý chạy theo ngài
猶如光明照好樹
Do như quang-minh chiếu hảo thụ
Giống như ánh sáng chiếu cỏ cây
所在遊欣安住慧
Sở tại du hân an trú tuệ
Tại nơi này an trú tuệ tâm
何況有人供養者
Hà huống hữu nhân cung dưỡng giả
Huống gì người cung kính cúng dường.
願發求尊佛智慧
Nguyện phát cầu tôn Phật trí tuệ
Phát nguyện cầu theo trí tuệ Phật.
未曾捨離大志性
Vị tăng xả ly Đại chí tánh
Nguyện một lòng giữ chí vững bền
則當供養法奉事
Tắc đương cung dưỡng Pháp phụng sự
Phải cúng dường pháp sự dâng lên.
唯願學求在覺軌
Duy nguyện học cầu tại giác quỹ
Chỉ nguyện cầu noi theo tính giác.
以放逸心所觀著
Dĩ phóng dật tâm sở đồ trú
Tâm phóng dật chỗ thấy buộc ràng
便獲勇猛男子形
Tiện hoạch dũng mãnh Thiện nam tử hình
Liên được thân nam đầy dũng mãnh.
臭死于地自摔 [打-丁+滅] 抵
Xú tử vu địa tự tốt [đả -đinh +diệt]
Muốn chôn vùi mảnh đất thiên thu
衝口罵詈此沙門
Xung khẩu mạ lệ thử Sa Môn
Buông những lời mắng nhiếc Sa-môn
往詣父母具解說
Vãng nghê phụ mẫu cụ giải thuyết
Đền nơi mẹ cha giải rõ ràng.
將無長夜獲苦惱
Tương Vô trường dạ hoạch khổ não
Sẽ không ngày nào không khổ não,
吾已躡至忉利天
Ngô dĩ đởng Chí đao lợi Thiên
Con đã sanh lên trời Đao Lợi
得為天子光巍巍
Đắc Vi Thiên tử quang nguy nguy
Được làm Thiên tử vòi vọi sáng.
首罵罪自悔過
Thủ mạ tội tự hồi quá
Trước sám hối tội lỗi mắng nhiếc.
唯有如來為道慧
Duy hữu Như Lai Vi đạo tuệ
Chỉ có Như Lai là đạo tuệ.
彼時勇猛勸化之

Thời phụ mẫu Văn Phật âm hưởng
Khi cha mẹ nghe tiếng nói Phật

皆和心解眷屬俱

Giai hòa tâm giải quyến chúc câu
Quyển thuộc mẹ cha đều đồng đủ
則共稽首兩足尊
Tắc cộng kê thủ lượng túc tôn
Cùng nhau đánh lễ đấng Thế Tôn

悉共恭敬於如來

Tất cộng cung kính ư Như Lai
Hết thấy đều cung kính Như Lai

以何供事應奉佛

Dĩ hà cung sự ứng phụng Phật
Làm sao để cúng dường phụng Phật?

唯為吾等分別說

Duy Vi ngô đẳng phân biệt thuyết
Chỉ có Ta mới phân biệt nói

最勝則知心所念

Tối thắng tắc tri tâm sở niệm
Tối Thắng Vương biết được như vậy

其欲供養一切佛

kỳ dục cung dưỡng nhất thiết Phật
Con muốn cúng dường mười phương Phật

父母親屬及男女

phụ mẫu thân chúc cập nam nữ
Mẹ cha thân quyến cùng nam nữ

聽聞大人之所講

thính Văn Đại nhân chi sở giảng
Lắng nghe Đại Nhân đang thuyết giảng

最勝所言仁無異

Tối thắng sở ngôn nhân Vô dị
Lời Tối Thắng đại Nhân không khác.

如菩薩行無端底

Như Bồ-tát hành Vô đoan đở
Như Bồ-tát hạnh không chấp chặc

敬菩薩願如此

Ái kính Bồ-tát nguyện như thử
Ái Kính Bồ-tát nguyện như vậy.

則當令轉女人形

Tắc đương lệnh chuyển nữ nhân hình
Thì phải khiến chuyển thân nữ nhân,

阿難且觀此名德

A-nan thả quán thử danh đức
A-nan thấy được danh đức này

以放逸心貪習色

Dĩ phóng dật tâm tham tập sắc
Tâm buông lung tham đắm sắc trần

其心天子供養我

kỳ tâm Thiên tử cung dưỡng ngã
Pháp cúng dường dâng đến cho tôi

彼所供養難計劫

bỉ sở cung dưỡng nan kế kiếp
Kia cúng dường tính sao cho kể

此五百人發道意

thử ngũ bách nhân phát đạo ý
Năm trăm người phát tâm Vô thượng

何人聞此不供佛

Hà nhân Văn thử bất cung Phật
Nghe lời này sao không cúng Phật

計其愛敬菩薩者

Phật Thuyết Bồ Tát Tuệ Thượng Văn Đại Thiện Quyển Kinh
Quyển Thượng

Bi thời dừng mãnh khuyên hóa chi
Tức thời đồng mãnh phát tâm theo.

同時往詣能仁佛

Đồng thời Vãng nghê năng nhân Phật
Đồng thời đi đến đấng Thế Tôn

即自悔過瞋恚心

Tức tự hối quá sân khuê tâm
Liên tự sám hối tâm sân hận.

啟問安住令決正

Khải Văn an trú lệnh quyết chánh
Khải bạch Ngài chỉ bày cho con

何謂順法佛眾僧

Hà Vị thuận Pháp Phật chúng tăng
Sao gọi là thuận Phật Pháp Tăng?

假使聞者無異心

Giả sử Văn giả Vô dị tâm
Giả sử nghe rồi tâm không khác.

救世口則說如此

Cứu thế khẩu tắc thuyết như thử
Vì thế gian mới nói lời này.

堅固道意御諸想

kiên cố đạo ý ngự chư tưởng
Đạo vững bền vọng tưởng tiêu tan.

具足五百無減少

cụ túc ngũ bách Vô giảm thiểu
Năm trăm đầy đủ không thiếu sót.

同時皆發大道心

đồng thời giai phát Đại Đạo tâm
Tức thời phát khởi đại đạo tâm.

阿難聽我之所語

A-nan thính ngã chi sở ngữ
A-nan nghe những lời Ta nói

善權方便住智慧

Thiện quyền Phương tiện trụ trí tuệ
Khéo dùng phương tiện tuệ chiếu soi

假使女人愛敬我

Giả sử nữ nhân ái kính ngã
Giả như người nữ đã thương tôi

速為男子人中上

Tốc Vi Thiện nam tử nhân trung thượng
Mau thành Thiện nam tử đấng trượng phu.

餘人所因墮地獄

Dư nhân sở nhân đọa Địa-ngục
Địa ngục mọi người không bị đọa.

因愛欲變為男子

Nhân ái dục biến thành Thiện nam tử.
Vì ái dục biến thành Thiện nam tử.

常以恭敬獲豐安

Thường dĩ cung kính hoạch phong an
Lòng cung kính giàu sang yên ổn

當得為佛號盡見

đương đắc Vi Phật hiệu tận kiến
Được làm Phật hiệu là Tận Kiến

亦當自致人中尊

diệc đương tự trí nhân trung tôn
Phải tự mình đạt chúng trung tôn.

其歡悅心安無量

Kỳ hoan duyệt tâm an Vô lượng
Lòng hỷ hoan an Vui Vô lượng.

所開化女不一二

Kể kỳ ái kính Bồ-tát giả
Ái Kính ngài Bồ-tát thân thương
無量百千億那術
Vô lượng bách thiên ức na thuật
Vô lượng trăm ngàn ức na thuật
則為藥王大名德
Tắc Vi dược Vương Đại danh đức
Dược Vương ngài đại danh đức ấy

因緣塵勞施安隱
Nhân duyên trần lao thí an ổn
Vì trần lao bổ thí an ổn

爾時賢者阿難白佛言。猶如有人近須彌山。

Nhĩ thời hiền giả A-nan bạch Phật ngôn. do như hữu nhân cận Tu-Di sơn.
Lúc bấy giờ, Hiền giả A-nan bạch đức Phật rằng: Thí như có người ở gần núi Tu Di
皆隨山光炤為金色。

Giai tùy sơn quang 炤 Vi kim sắc
nhờ ánh sáng ngọn núi chiếu nên thân có sắc vàng,

設懷歡喜欲義心奉道法心。得近菩薩皆獲一類。

Thiết hoài hoan hỷ dục nghĩa tâm phụng đạo Pháp tâm. đắc thệ Bồ-tát giai hoạch nhất
loại.

ôm lòng hoan hỷ với tâm niệm phụng sự đạo pháp, để được gần gũi các bậc Bồ-tát.

趣諸通慧心性自然。我從今始奉持菩薩。如須彌山。

Thú chu thông tuệ tâm tánh tự nhiên. ngã tòng kim thủy phụng trì Bồ-tát. như Tu-Di
sơn.

huống đến tâm tánh tự nhiên của thần thông, trí tuệ. Con nay sẽ phụng trì các vị Bồ-
tát như núi Tu di.

猶如藥王。名曰見愈。有清淨心若瞋恚意。

Do như dược Vương. danh Viết kiến dĩ. hữu thanh tịnh tâm nhược sân khuể ý.

Như ngài Dược Vương tên là Kiến Dĩ. Nếu tâm thanh tịnh hoặc sân hận,

見此藥者眾病皆除。菩薩如是淨不淨心。

Kiến thử dược giả chúng bệnh giai trừ. Bồ-tát như thị tịnh bất tịnh tâm.

gặp ngài Dược Vương thời bệnh tật đều tiêu trừ. Bồ-tát cũng vậy, tâm tịnh hoặc bất
tịnh,

姪怒癡心覲菩薩者悉為除愈。時佛讚曰。善哉阿難。

dâm nộ si tâm cận Bồ-tát giả tất Vi trừ dĩ. thời Phật tán Viết. Thiện tai A-nan.

tâm sân hận si mê mà thân cận Bồ-tát thì đều được trừ diệt. Lúc bấy giờ đức Phật
khen ngợi rằng: Lành thay! A-nan!

誠如爾言。

Thành như nhĩ ngôn.

Đúng như lời người nói.

於是賢者大迦葉白佛言。甚難及也。

ư thị hiền giả Đại ca diệp bạch Phật ngôn. thậm nan cập dã.

Lúc ấy, Hiền giả đại Ca-diếp bạch đức Phật rằng: Thật khó thay!

天中天菩薩大士不可思議。在所遊至。

Thiên trung Thiên Bồ-tát Đại sĩ bất khả tư nghị. tại sở du chí.

Thế Tôn! Bồ-tát Đại sĩ không thể nghĩ bàn, bất cứ chỗ nào quý ngài đến

為諸眾生現無畏。欲空無想不願。聲聞緣覺唯行此法。

Vi chu chúng sanh hiện Vô úy. dục không Vô tướng bất nguyện

đều vì chúng sanh hiện sự vô úy, đem pháp không, vô tướng, vô nguyện để gàng Thanh
Văn, Duyên Giác thực hành,

菩薩普護。轉使更入諸通慧跡。

Bồ-tát phổ hộ. chuyển sử canh nhập chu thông tuệ tích.

Bồ-tát rộng ủng hộ, chuyển hoá khiến chúng sanh nhập vào thần thông, trí tuệ,

以善方便將順其心。終不穢厭色聲香味細滑法也。

dĩ thiện Phương tiện tướng thuận kỳ tâm. chung bất ố yếm sắc thanh hương Vị tế hoạt
Pháp dã.

Sở khai hóa nữ bất nhất nhị
Lòng đại bi giáo hoá khắp nơi.

以愛欲心立於道

dĩ ái dục tâm lập ư đạo

Vì ái dục tâm đi đến đạo.

何因菩薩當有穢

Hà nhân Bồ-tát đương hữu ố

Nhân gì Bồ-tát có ố thân?

何況供養奉事者

Hà huống cung dưỡng phụng sự giả

Huống gì cúng dường phụng sự ư?

dùng phương tiện khéo điều phục tâm trọn không bị sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp làm nhơ bản.

大迦葉復白佛言。

Đại ca diệp phục bạch Phật ngôn。

Đại Ca-diệp lại bạch đức Phật rằng:

我可歎喻菩薩大士之所行乎。佛言可歎。迦葉曰。譬大曠野斷絕無人。

Ngã khả thán dụ Bồ-tát Đại sĩ chi sở hạnh hồ。Phật ngôn khả thán。ca diệp Viết。thí Đại khoáng dã đoạn tuyệt Vô nhân。

Con có thể tán thán sở hạnh của các vị Bồ-tát chăng? Phật dạy: Có thể tán thán! Ca-diệp bạch rằng: Giống như cánh đồng trống không có một bóng người,

自然有牆。上至三十三天。唯有一門。

tự nhiên hữu tường。thượng chí tam thập tam Thiên。duy hữu nhất môn。

tự nhiên lại có một bức tường cao đến cõi trời thứ ba mươi ba mà chỉ có một cửa。

無央數人皆入曠野。去之不遠有一大城。

Vô ương số nhân giai nhập khoáng dã。khứ chi bất Viễn hữu nhất Đại thành。

Vô số người đều vào trong cánh đồng đó。Cách cánh đồng đó không xa lại có một thành lớn。

其國豐熟米穀卒賤快樂難言。人民眾多不可稱計。

Kỳ quốc phong thực mỹ cốc tốt tiện khoái lạc nan ngôn。nhân dân chúng đa bất khả xưng kê。

Nước đó giàu có, lúa gạo sung túc, vua tôi vui vẻ khó mà diễn tả hết。Dân chúng đông đúc không thể tính kê。

其在彼城則如金剛城。旁有江江側有路曠。

kỳ tại bỉ thành tắc như Kim cương thành。bàng hữu giang giang trắc hữu lộ khoáng。

Thành của cõi nước kia như bằng kim cương, bên thành có một con sông, con sông lại có một con đường。

路之中有點慧人。聰識念義。

Lộ chi trung hữu hiệt tuệ nhân。thông thức niệm nghĩa。

Trên con đường đó, có người trí tuệ thông minh, nhận thức thông suốt,

懷愍欲度入曠野者。舉聲而盟稱。去曠野不遠。

Hoài mẫn dục độ nhập khoáng dã giả。cử thanh nhi minh xưng。khứ khoáng dã bất Viễn。thương xót muốn dẫn mọi người vào cánh đồng đó liền cất tiếng nói rằng: Cách cánh đồng này không xa,

大城之安永無死懼。吾為導師來趣所樂。眾人報曰。

Đại thành chi an Vĩnh Vô tử cụ。ngô Vi Đạo sư lai thú sở lạc。chúng nhân báo Viết。

Có một bức thành lớn an ổn không còn sợ chết。Ta sẽ làm vị đạo sư đưa các người đến nơi an ổn。Mọi người đáp rằng:

吾等不行於此不動。欲觀城像城自然現。

Ngô đẳng bất hành ư thử bất động。dục đồ thành tượng thành tự nhiên hiện。

Chúng tôi không đi đến nơi đó đâu, chúng tôi muốn thấy thành tự nhiên hiện ra,

爾乃往耳。時復有人解微妙者應曰。

Nhĩ nãi Vãng nhĩ。thời phục hữu nhân giải Vi diệu giả ứng Viết。

được vậy mới đi đến đó。Lúc ấy có người hiểu rõ sự mầu nhiệm liền đáp rằng:

常往隨仁所湊。吾等如是薄福之人。聞此聲已不信不樂。

thường Vãng tùy nhân sở thẩu。ngô đẳng như thị bạc phúc chi nhân。Văn thử thanh dĩ bất tín bất lạc。

Phải đi theo chỗ nhân giả vừa nói, chúng ta là những người bạc phước, nghe lời dạy rồi mà không thể tin vui。

不從其教不度曠野。彼微妙人則度曠野。

Bất tòng kỳ giáo bất độ khoáng dã。bỉ Vi diệu nhân tắc độ khoáng dã。

Không nghe theo những lời dạy đó để vượt qua cánh đồng。Người hiểu rõ sự vi diệu kia liền vượt qua cánh đồng này,

觀路由河。則乘而進路之。

Quán lộ do hà。tắc thừa nhi tiến lộ chi。

thấy con đường từ con sông liền ven theo mà đến con đường đó。

左右有百千丈深大溪澗。布諸草木四方作橋。

Tả hữu hữu bách thiên丈深大溪澗。bố chư草木四方作橋。

Hai bên đường lại có khe suối sâu trăm ngàn trượng, có các loại cây làm cầu cho bốn phương,

則濟厄路四出無礙。大賊從後追而不懼。

Tắc tế ách lộ tứ xuất Vô ngại. Đại tắc tông hậu truy nhi bất cụ. giúp mọi người bốn phía ra vào không ngăn ngại, giặc cướp có đuổi theo sau cũng không lo sợ,

賊自然却終不還顧。稍稍前行亦不恐懼。不左右視則見大城。

Tặc tự nhiên khước chung Bất hoàn cố. sảo sảo tiền hành diệc bất khủng 懼. bất tả hữu thị tắc kiến Đại thành giặc cướp tự nhiên rút lui rất cuốc không dám quay trở lại. Nhẹ nhàng hướng lên phía trước mà đi không lo lắng, không nhìn hai bên mà chỉ nhìn thẳng vào thành lớn.

稍近城郭心不狐疑。入彼城邑為無量人。

Sảo cận thành quách tâm bất hồ nghi. nhập bí thành ấp Vi Vô lượng nhân. Gần đến thành quách tâm không nghi ngờ, vào thành ấp kia thì người vô số

現其儀式增益福祚。迦葉歎已陳。喻大曠野者。

hiện kỳ nghi thức tăng ích phúc tộ. ca diệp thán dĩ trần. dụ Đại khoáng dã giả. hiện đủ các nghi thức làm tăng thêm phúc đức. Ngài Ca-diệp khen ngợi xong rồi trình bày: Cánh đồng lớn đó

謂生死之難。牆至三十三天者。

Vị sanh tử chi nan. tường chí tam thập tam Thiên giả. dụ cho nạn của sanh tử. Bức tường cao đến cõi trời thứ ba mươi ba ấy

謂無點所著恩愛之欲也。唯一門者。謂大乘也。

Vị Vô hiệt sở trú ân ái chi dục dã. duy hữu nhất môn giả. Vị Đại thừa dã. dụ cho người không sáng suốt, đắm trước ân ái, dục lạc. Chỉ có một cánh cửa dụ cho Đại thừa vậy.

人入曠野者。謂眾愚冥凡夫之士也。

Nhân nhập khoáng dã giả. Vị chúng ngu minh phạm phu chi sĩ dã. Người mà đi vào trong cánh đồng ấy dụ cho những người ngu si phạm phu vậy.

點人發願呼眾人者。謂菩薩大士所樂度無極也。

Hiệt nhân phát nguyện hô chúng nhân giả. Vị Bồ-tát Đại sĩ sở lạc độ Vô cực dã. Người sáng suốt phát nguyện kêu gọi dụ cho Bồ-tát Đại sĩ ban vui vô cùng vậy.

志劣不行欲見城者。謂聲聞緣覺也。

chí liệt bất hành dục kiến thành giả. Vị thanh Văn duyên giác dã. Người ý chí hạ liệt không muốn đến để thấy thành ấy, dụ cho hàng Thanh Văn, Duyên Giác vậy.

應日當往隨仁所湊則菩薩也。聞聲不信者。

Ứng Viết đương vãng tùy nhân sở thâu tắc Bồ-tát dã. Văn thanh bất tín giả. Người bảo nên đến chỗ nhân giả dạy là đã thâu hiểu dụ cho Bồ-tát. Hàng Thanh Văn không tin những lời đó

謂外道異學眾邪行也。度曠野者。

Vị ngoại đạo dị học chúng tà hành dã. độ khoáng dã giả. dụ cho hàng ngoại đạo, học các tà thuật vậy. Qua được cánh đồng ấy

謂奉精進至諸通慧修諸三昧也。路由河者謂法門也。

Vị phụng tinh tấn chí chu thông tuệ tu chu tam muội dã. lộ do hà giả Vị Pháp môn dã. dụ cho sự hành trì tinh tấn, đạt được thân thông trí tuệ, chúng được Tam muội vậy. Con sông ở bên đường ấy dụ cho các pháp môn vậy.

左大溪澗百千丈者。謂聲聞地也。右大溪澗百千丈者。

tả Đại Khê gián bách thiên trượng giả. Vị thanh Văn địa dã. hữu Đại Khê gián bách thiên trượng giả.

Khe suối bên trái sâu trăm ngàn trượng ấy dụ cho Thanh Văn địa vậy. Khe suối bên phải sâu trăm ngàn trượng ấy

謂緣覺乘也。大布置草木作四方橋者。

Vị duyên giác thừa dã. Đại bố trí thảo mộc tác tứ phương kiều giả. dụ cho Duyên Giác thừa vậy. Sắp đặt cây cối làm cầu cho bốn phương đi lại ấy

謂善權方便慧度無極也。四出無礙者。

Vị thiện quyền Phương tiện tuệ độ Vô cực dã. tứ xuất Vô ngại giả.

dụ cho Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo, đó là trí tuệ độ vô cực vậy. Bốn bên ra vào không trở ngại ấy

謂菩薩四恩之行攝無量人也。賊迫不懼自然却者。

Vị Bồ-tát tứ ân chi hành nhiếp Vô lượng nhân dã. tặc truy bắt cụ tự nhiên khước giả. dụ cho Bồ-tát thực hành bốn ân, nhiếp độ Vô lượng chúng sanh vậy. Giặc đuổi mà không sợ, tự nhiên mà đi lui ấy

謂魔官屬及諸猗行也。終不還顧者。謂忍度無極也。

Vị ma quan chúc cập chư y hành dã. chung Bất hoàn cố giả. Vị nhẫn độ Vô cực dã. dụ cho ma quân, quyến thuộc của ma và các việc làm của ma vậy. Trợn chẳng quay trở lại ấy đó là nhẫn nhục độ vô cực vậy.

稍稍前行。謂為菩薩之所開化進度無極也。

Sào sào tiền hành. Vị Vi Bồ-tát chi sở khai hóa tiến độ Vô cực dã.

Nhẹ nhàng tiến lên phía trước dụ cho Bồ-tát khai thị giáo hoá chúng sanh, đó là tinh tấn độ vô cực vậy.

亦不恐懼者。

Diệc bất khủng cụ giả.

Cũng không lo sợ ấy

謂以清淨心發起眾生志平等覺也。不視左右者。

Vị dĩ thanh tịnh tâm phát khởi chúng sanh chí bình đẳng giác dã. bất thị tả hữu giả. dụ cho cái tâm thanh tịnh phát tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sanh vậy.

Không nhìn thấy hai bên ấy

謂不志樂聲聞緣覺之利也。則見大城者。謂達諸通慧也。稍近城者。

Vị bất chí lạc thanh Văn duyên giác chi lợi dã. tắc kiến Đại thành giả. Vị đạt chu thông tuệ dã. sào cận thành giả.

dụ cho cái chí không mong cầu quả vị Thanh Văn, Duyên Giác vậy. Thấy được thành lớn ấy dụ cho đã đạt được thần thông trí tuệ vậy. Gần đến thành lớn ấy

謂見道功德習行佛慧也。心無狐疑者。

Vị kiến đạo công đức tập hành Phật tuệ dã. tâm Vô hồ nghi giả.

dụ cho đã thấy đạo, công đức đầy đủ thực hành theo trí tuệ của đức Phật vậy. Tâm không hồ nghi ấy

謂曉智慧善權諸度無極。

Vị hiểu trí tuệ thiện quyền chu độ Vô cực.

dụ cho trí tuệ biết rõ phương tiện thiện xảo với các độ vô cực vậy.

則能遍觀一切眾生無所畏惡。適入城已為無量人。

tắc năng biến đồ nhất thiết chúng sanh Vô sở úy ác. Thích nhập thành dĩ vi vô lượng nhân.

Đi vào trong thành rồi thời có vô lượng người, có thể thấy khắp tất cả chúng sanh không còn sợ hãi,

造現儀式增益福祚者。謂如來至真等正覺也。

tạo hiện nghi thức tăng ích phúc tộ giả. Vị Như Lai chí chân đẳng chánh giác dã.

hiện ra các nghi thức tăng thêm phước đức ấy dụ cho Như Lai bậc Chí Chân Đẳng Chánh giác vậy.

佛天中天適興在世。則為菩薩立于名號廣建利義。

Phật Thiên trung Thiên thích hưng tại thế. tắc Vi Bồ-tát lập Vu danh hiệu quảng kiến lợi nghĩa.

Thế Tôn thị hiện ở đời tức là Bồ-tát lập danh hiệu Quảng Kiến Lợi Nghĩa vậy.

於是世尊讚迦葉曰。善哉善哉乃歎斯喻。

Ư thị Thế tôn tán ca diệp Viết. Thiện tai Thiện tai nãi thán tu dụ.

Lúc đó, Thế Tôn khen ngợi ngài Ca-diếp rằng: Lành thay! Lành thay! Thật đáng khen ngợi cho những thí dụ này.

說此言時萬二千天與人發無上正真道意。

thuyết thử ngôn thời Vạn nhị thiên Thiên dữ nhân phát Vô thượng chánh chân đạo ý. Khi ngài Ca-diếp nói những lời này, một vạn hai ngàn trời người phát tâm Vô Thượng Chánh Chân.

佛語迦葉菩薩。德行不可稱計。

Phật ngữ ca diệp Bồ-tát. đức hành bất khả xưng kế.

Phật dạy Bồ-tát Ca-diếp: Đức hạnh của ông không thể tính kể,

學諦微妙善權方便。大士所作。不為已舉不他人施。

học để Vi diệu thiện quyền Phương tiện. Đại sĩ sở tác. bất vi kỳ cử bất tha nhân thí.

Học giáo pháp vi diệu, khéo sử dụng phương tiện thiện xảo là việc làm của Bồ-tát, chẳng phải tự mình biết, không thể ban cho người,

不言有我亦不言彼。時慧上菩薩白世尊曰。

bất ngôn hữu ngã diệc bất ngôn bỉ. thời tuệ thượng Bồ-tát bạch Thế tôn Viết.

không nói có ngã cũng không nói có người. Lúc đó Bồ-tát Huệ Thượng bạch đức Thế Tôn rằng:

何謂一生補處。而迦葉佛時。口說斯言。

hà Vĩ Nhất-sanh-bổ-xứ. nhi ca diệp Phật thời. khẩu thuyết tu ngôn.

Thế nào gọi là: "Nhất sanh bổ xứ" mà vào thời đức Phật Ca-diếp đã nói lời này,

用為觀是剃頭沙門。安能有道佛道難得。

dùng Vi cận thị thế đầu Sa Môn. an năng hữu đạo Phật đạo nan đắc.

dùng để chỉ sự thân cận, cắt tóc làm Sa-môn, làm sao có thể có đạo Phật, đạo khó chúng đắc?

世尊爾時何緣說此。佛語慧上。且止族姓子。

Thế tôn nhi thời hà duyên thuyết thử. Phật ngữ tuệ thượng. thả chỉ tộc tính tử.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn do duyên gì mà nói như vậy? Đức Phật dạy Huệ Thượng rằng: Ta dựa vào Thiện nam tử.

無得節限平相如來及開士行。所以者何。

Vô đắc tiết hạn bình tướng Như Lai cập khai sĩ hành. sở dĩ giả hà.

Không được hạn chế mà nhìn vào việc làm của Bồ-tát và Như Lai là ngang nhau. Tại sao như vậy?

菩薩大士善權方便不可思議。其有正士。當作斯觀緣是化人。

Bồ-tát Đại sĩ thiện quyền Phương tiện bất khả tư nghị. kỳ hữu chánh sĩ. đương tác tu quán duyên thị hóa nhân.

Bởi vì Bồ-tát khéo dùng phương tiện không thể nghĩ bàn. Các vị Bồ-tát nên quán nhân duyên ấy để giáo hoá mọi người.

族姓子聽。善思念之。有法號曰善權方便。

Tộc tính tử thính. thiện tư niệm chi. hữu Pháp hiệu Viết thiện quyền Phương tiện.

Thiện nam tử lắng nghe, khéo suy nghĩ nghĩa đó! Có pháp tên là: "Thiện quyền Phương tiện."

菩薩從定光佛已來。所興之慧不可思議。

Bồ-tát tông định quang Phật dĩ lai. sở hưng chi tuệ bất khả tư nghị.

Bồ-tát từ trong ánh sáng của Phật phát sinh trí tuệ không thể nghĩ bàn,

隨時之宜敢可發起。講菩薩法。

tùy thời chi nghi cảm khả phát khởi. giảng Bồ-tát Pháp.

tùy thời mà có thể phát khởi, giảng rõ pháp của Bồ-tát,

從見定光世尊以來。得不起法忍。無一瑕闕無所忘失。

tông kiến định quang Thế tôn dĩ lai. đắc bất khởi Pháp nhẫn. Vô nhất hà khuyết Vô sở Vong thất.

từ nơi hào quang của Thế Tôn liền chứng được vô sanh pháp nhẫn, không còn tỳ vết, không còn chỗ mất,

亦無亂心智慧無損。已得法忍所造菩薩。

Diệc Vô loạn tâm trí tuệ Vô tổn. dĩ đắc Pháp nhẫn sở tạo Bồ-tát.

tâm cũng không tán loạn, trí tuệ không bị tổn giảm, đã chứng đắc vô sanh pháp nhẫn trở thành Bồ-tát,

一念之頃七日成佛。有菩薩志。發意之間一劫之喻。

Nhất niệm chi khoảnh thất nhật thành Phật. hữu Bồ-tát chí. phát ý chi gian nhất kiếp chi dụ.

trong khoảnh khắc một niệm bảy ngày thành Phật. Chí của Bồ-tát thời gian phát tâm dụ trong một kiếp,

為一切人所在示現開化眾生。

Vi nhất thiết nhân sở tại thị hiện khai hóa chúng sanh.

làm tất cả hạng người, tùy chỗ thị hiện giáo hoá chúng sanh,

以智慧力欲得成佛大平等覺。

dĩ trí tuệ lực dục đắc thành Phật Đại bình đẳng giác.
dùng sức trí tuệ mong chứng quả Phật, đạt sự giác ngộ bình đẳng.

無量億劫稱歎邪見多所發起。是為菩薩善權方便。

Vô lượng ức kiếp xưng tán tà kiến đa sở phát khởi. thị Vi Bồ-tát thiện quyền Phương tiện.

Vô lượng ức kiếp xưng tán tà kiến phần nhiều để phát khởi tâm, đó là Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo.

又族姓子。諸聲聞學設使自在。

Hựu tộc tính tử. chư thanh văn học thiết sử tự tại.

Lại nữa Thiện nam tử! Hàng Thanh Văn hữu học giả sử được tự tại,

於三昧者未曾有也。不逮菩薩三昧之定。

Ư tam muội giả Vị tăng hữu dã. bất đãi Bồ-tát tam muội chi định.

đối với Tam muội chưa từng chứng đắc, không chứng được định Tam muội của Bồ-tát, thân亦不動心無所想。亦非眾人身心所及。

Thân diệc bất động tâm Vô sở tưởng. diệc phi chúng nhân thân tâm sở cập.

thân không dao động, tâm không vọng tưởng cũng chẳng phải thân tâm mọi người mong cầu.

又使菩薩三昧正受不進不退。常以四恩救攝群萌。

Hựu sử Bồ-tát tam muội chánh thọ bất tiến bất thoái. thường dĩ tứ ân cứu nhiếp quần萌.

Lại nữa, Bồ-tát chúng được Tam muội chánh thọ không tiến tới mà cũng không thối lui. Thường vì bốn ân cứu độ nhiếp hoá những người còn mê mờ.

不失精進不為懈怠。而為眾人講六度無極。

Bất thất tinh tấn bất Vi giải đãi. nhi Vi chúng nhân giảng lục độ Vô cực.

Không mất tinh tấn, cũng không giải đãi, vì mọi người giảng rõ Lục độ vô cực.

是謂菩薩善權方便。

Thị Vị Bồ-tát thiện quyền Phương tiện.

Đó là, Bồ-tát dùng Phương tiện thiện xảo.

又族姓子。菩薩發意之頃。

Hựu tộc tính tử. Bồ-tát phát ý chi khoảnh.

Lại nữa Thiện nam tử! Bồ-tát trong khoảnh khắc phát tâm,

於兜術天逮正真覺轉于法輪。閻浮利人不能自致。

Ư đầu thuật Thiên đãi chánh chân giác chuyển Vu Pháp luân. diêm phù lợi nhân bất năng tự trí.

ở nơi cõi trời Đầu Thuật chúng Đẳng Chánh Giác chuyển bánh xe pháp, người ở nơi cõi Diêm Phù Lợi không thể tự mình đến được

昇兜術天聽受經法。菩薩心念天上諸天能下至此。

Thăng đầu thuật Thiên thỉnh thọ Kinh Pháp. Bồ-tát tâm niệm Thiên thượng chư Thiên năng hạ chí thử.

cõi trời Đầu Thuật nghe kinh pháp. Tâm niệm của Bồ-tát lên đến cõi trời nhưng cũng có thể xuống nơi này.

是故正士。於閻浮利而現成佛。

Thị cố chánh sĩ. ư diêm phù lợi nhi hiện thành Phật.

Cho nên Bồ-tát ở nơi cõi Diêm Phù Lợi mà thị hiện thành Phật.

為菩薩善權方便。

Thị Vị Bồ-tát thiện quyền Phương tiện.

Đó là Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo vậy.

又族姓子。菩薩發意。能從兜術忽然沒已。

Hựu tộc tính tử. Bồ-tát phát ý. năng tòng đầu thuật hốt nhiên một dĩ.

Lại nữa Thiện nam tử! Bồ-tát phát tâm có thể từ nơi cõi trời Đầu Thuật bỗng nhiên biến mất.

不由胞胎。一時之頃成最正覺。

Bất do bào thai. nhất thời chi khoảnh thành tối chánh giác.

Bồ-tát không từ nơi bào thai mà sanh ra, tròn khoảnh khắc liền thành tựu Tối Chánh Giác.

傍人有疑此所從來為是天耶。撻陀羅變化所為乎。

Bàng nhân hữu nghi thù sở tòng lai Vi thị Thiên da, kiền Đà-la biến hoá sở Vi hồ. Có người nghi ngờ, cho là nơi Bồ-tát đến là từ cõi trời, hay Kiền-đà-la biến hoá những điều này chẳng!

若懷狐疑不聽受法。是故菩薩現處胞胎。

Nhuộc hoài hồ nghi bất thỉnh thọ Pháp. thị cố Bồ-tát hiện xử bào thai. Nếu ôm mối hồ nghi sẽ không lãnh thọ được pháp. Vì thế Bồ-tát thị hiện từ nơi bào thai.

是為菩薩善權方便。

Thị Vi Bồ-tát thiện quyền Phương tiện.
Đó là Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo.

又族姓子。無得興念菩薩處胎。

Hựu tộc tính tử. Vô đắc hưng niệm Bồ-tát xử bào.
Lại nữa Thiện nam tử! Không nên nghĩ Bồ-tát sanh từ nơi bào thai.

勿懷斯意菩薩大士不由精胎。所以者何。

Vật hoài tu ý Bồ-tát Đại sĩ bất do tinh thai. sở dĩ giả hà. Chớ ôm giữ ý nghĩ này mà cho rằng, Bồ-tát Đại sĩ không từ nơi bào thai tinh sạch sanh ra. Tại sao như vậy?

有三昧名曰無垢。菩薩大士以斯正受而自莊嚴。

hữu tam muội danh Viêt Vô cấu. Bồ-tát Đại sĩ dĩ tu chánh thọ nhi tự trang nghiêm. Vì chúng định Tam muội thì gọi là Vô Cấu, Bồ-tát Đại sĩ dùng định ấy để tự trang nghiêm.

兜術天人謂菩薩沒而無動搖。不觀菩薩遊於胞胎。

Đâu thuật Thiên Nhơn Vị Bồ-tát một nhi Vô động dao. bất đồ Bồ-tát du ư bào thai. Thiên nhân cõi trời Đâu Thuật cho rằng Bồ-tát chết thì không có dao động, không thấy Bồ-tát ở bào thai,

現處母腹而從脇生。棄國捐家尋坐佛樹。

hiện xử mẫu phúc nhi tòng hiệp sanh. khí quốc quyên gia tầm tọa Phật thụ. hiện ở trong bụng mẹ nhưng từ hông sinh ra, bỏ nước, bỏ nhà, ngồi dưới gốc cây Phật, siêng khổ hành phổ hiện khắp không chỗ nào mà không thị hiện.

Kì tinh cần khổ hành phổ hiện tất biến Vô sở bất biến. tinh cần khổ hạnh, hiện khắp không chỗ nào mà không thị hiện,

無有勞擾而無染汚。所以者何。菩薩之瑞所化清淨。

Vô hữu lao nhiễu nhi Vô nhiễm 汚. sở dĩ giả hà. Bồ-tát chi thụ sở hóa thanh tịnh. không mệt nhọc cũng không nhiễm ô. Tại sao như vậy? Vì việc giáo hoá của Bồ-tát là thanh tịnh.

是為菩薩善權方便。

Thị Vi Bồ-tát thiện quyền Phương tiện.
Đó là Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo vậy.

佛告慧上。何故菩薩自化其身。

Phật cáo tuệ thượng. hà cố Bồ-tát tự hóa kỳ thân.
Đức Phật dạy Huệ Thượng: Bồ-tát làm sao mà tự mình hoá hiện thân

紫磨金色現入胞胎。慧上答曰。寂然清淨明白之品。

Tử ma kim sắc hiện nhập bào thai. tuệ thượng đáp Viêt. tịch nhiên thanh tịnh minh bạch chi phẩm.

Màu tím sắc vàng hiện vào trong bào thai. Huệ Thượng đáp rằng: Phẩm hạnh vắng lặng thanh tịnh, trong sạch.

世尊曰然。其菩薩者處眾生上則第一尊。

Thế tôn Viêt nhiên. kỳ Bồ-tát giả xử chúng sanh thượng tắc đệ nhất tôn.
Thế Tôn bảo: Đúng vậy, Bồ-tát đối với chúng sanh là bậc nhất,

是則化來。諸天人民所不能及。

Thị tắc hóa lai. chư Thiên nhân dân sở bất năng cập.
đó là việc giáo hoá của Bồ-tát chu thiên loài người không thể bì kịp.

是為菩薩善權方便。

Thị Vi Bồ-tát thiện quyền Phương tiện.
Đó là Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo vậy.

何故菩薩在母胞胎。具足十月無見而生。

Hà cổ Bồ-tát tại mẫu bào thai. cụ túc thập nguyệt Vô kiến nhi sanh.
Tại sao Bồ-tát ở trong thai mẹ đầy đủ mười tháng không thấy hình tượng mà sanh?
人儻起念在母之懷。

Nhân thảng khởi niệm tại mẫu chi hoài.
Mọi người thảng nhiên nghĩ rằng ở trong bụng người mẹ
日月不足諸根不具現滿十月。是為菩薩善權方便。

Nhật nguyệt bất túc chư căn bất cụ hiện mãn thập nguyệt. thị Vi Bồ-tát thiện quyền
Phương tiện.
ngày tháng không đủ thì các căn thiếu hụt. Nếu không đủ mười tháng thì làm sao sinh
ra? Đó là Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo vậy.

何故菩薩生於樹園不在中宮。

Hà cổ Bồ-tát sanh ư thụ Viên bất tại trung cung.
Tại sao Bồ-tát sinh ở nơi vườn cây mà không sinh ở trong cung điện?

菩薩長夜習在閑居。志樂寂寞行平等淨。

Bồ-tát trường dạ tập tại nhàn cư. chí lạc tịch tịch hành bình đẳng tịnh.
Vi Bồ-tát tu tập hằng đêm nơi thanh vắng, chí muốn yên tĩnh để thực hành tâm bình
đẳng.

欲令天龍鬼神捷杳和阿須倫迦留羅真陀羅摩睺羅人與非

Dục lệnh Thiên Long quý Thần kiến đạ hòa a tu luân ca luu la chân Đà-la ma hầu la
nhân dữ phi

Muốn cho Thiên-long, Quý-thần, Kiến-đạ-hoà, A-tu-la, Ca-luu-la, Chân-đà-la, Ma-hầu-
la-già, Nhân Và Phi-nhân

人皆捨室宇寂然供養。此諸華香普流天下。

Nhân giai xả thất Vũ tịch nhiên cung dưỡng. thủ chu hoa hương phổ lưu Thiên hạ.
đều thoát ly gia đình đến nơi thanh vắng mà cúng dường những thứ hoa hương rộng khắp
thiên hạ.

使迦維羅衛國中人民歡喜悅預不為放逸。

Sử ca duy la Vệ quốc trung nhân dân hoan hỉ duyệt dự bất Vi phóng dật.
khiến cho dân chúng trong nước Ca-duy-la-vệ vui mừng không còn buông lung nữa.

是故菩薩在於樹下寂寞處生。不在宮館。

Thị cổ Bồ-tát tại ư thụ hạ tịch tịch xứ sanh. bất tại cung quán.
Cho nên Bồ-tát sanh ở dưới gốc cây thanh vắng, không sanh ở nơi cung điện.

是為菩薩善權方便。

Thị Vi Bồ-tát thiện quyền Phương tiện.
Đó là Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo vậy.

何故菩薩從右脇生。若不如是眾人有疑。

Hà cổ Bồ-tát tòng hữu hiếp sanh. nhược bất như thị chúng nhân hữu nghi.
Tại sao Bồ-tát từ bên hông phải mà sinh ra? Vì Bồ-tát nếu không như vậy thì mọi
người sẽ hồ nghi.

則謂菩薩因由遺精。而處胎藏不為化育。

Tắc Vị Bồ-tát nhân do cấu tinh. nhi xử thai tạng bất Vi hóa dục.
Cho là Bồ-tát vì do tinh cha huyết mẹ mà có thai tạng chứ không vì hoá hiện mà có,
眾必懷結猶預難決。是故示現令人開解。

Chúng tất hoài kết do dự nan quyết. thị cổ thị hiện lệnh nhân khai giải.
tất ôm lòng hoài nghi, do dự khó quyết định. Vì thế Bồ-tát thị hiện để cho mọi người
hiểu rõ.

菩薩雖從右脇而生。母無瘡瘡出入之患。

Bồ-tát tuy tòng hữu hiếp nhi sanh. mẫu Vô sang tích xuất nhập chi hoạ.
Bồ-tát tuy từ hông bên phải sinh ra nhưng người mẹ không bị cái nạn đau đớn của sự
sinh ra.

往古尊聖因時如然。所行無違。是為菩薩善權方便。

Vãng cổ tôn Thánh nhân thời như nhiên. sở hạnh Vô Vi. thị Vi Bồ-tát thiện quyền
Phương tiện.

Thời xưa, các bậc thánh nhân cũng như vậy, việc làm không trái ngược với người
thường. Đó là Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo vậy.

何故菩薩母攀樹枝然後而生。

Hà cổ Bồ-tát mẫu phàn thụ chi nhiên hậu nhi sanh.

Tại sao mẹ của Bồ-tát phải vịn ở cành cây rồi sau đó mới sanh?

設不爾者眾人當謂。皇后雖生菩薩必有惱患。

thiết ắt nhĩ giả chúng nhân đương Vị. hoàng hậu tuy sanh Bồ-tát tất hữu não hoạn.
Bởi vì, nếu không như vậy thời mọi người sẽ cho là hoàng hậu tuy sanh Bồ-tát nhưng vẫn chịu sự khổ não,

若如凡庶而無殊別。欲為黎元示現安隱。

Nhuộc như phàm thứ nhi Vô thù biệt. dục Vi lê nguyên thị hiện an ổn.

giống như hạng người phàm phu không có gì đặc biệt, muốn làm dân bình thường mà thị hiện nơi chỗ an ổn.

母適攀樹枝。志性柔和。則菩薩誕育。

Mẫu thích phân thụ chi. chí tánh nhu hòa. tắc Bồ-tát đản dục.

Mẹ của Bồ-tát vịn ở nơi cành cây là chỉ cho tánh nhu hòa, tức là Bồ-tát được đản sinh.

是為菩薩善權方便。

thị Vi Bồ-tát thiện quyền Phương tiện.

Đó là Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo vậy.

何故菩薩安和澹泊忽然而生。

Hà cố Bồ-tát an hòa đạm bạc hốt nhiên nhi sanh.

Vì sao Bồ-tát an hòa đạm bạc bỗng nhiên mà sanh?

其身清淨無有垢穢。菩薩至尊三界之上。

Kỳ thân thanh tịnh Vô hữu cấu uế. Bồ-tát chí tôn tam giới chi thượng.

Bởi vì, thân của Bồ-tát thanh tịnh không có cấu uế. Bồ-tát là bậc chí tôn trong tam giới,

雖處胎中如日炤水。淨無所著不增不減。

Tuy xử thai trung như nhật 炤 thủy. tịnh Vô sở trú bất tăng bất giảm.

tuy ở trong thai mẹ mà giống như mặt trời chiếu xuống mặt nước, trong sạch không bị dính mắc, không tăng, cũng không giảm.

故現脇生不與凡同。是為菩薩善權方便。

cố hiện hiếp sanh bất dữ phàm đồng. thị Vi Bồ-tát thiện quyền Phương tiện.

Vì thế, Bồ-tát sanh ở bên hông là khác hẳn với phàm phu. Đó là, Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo vậy.

何故菩薩適生斯須。

Hà cố Bồ-tát thích sanh tu tu.

Tại sao Bồ-tát phải sanh nơi cõi này?

帝釋即下前稽首奉不使餘天。其釋無始立茲本願。菩薩若生。

đế thích tức hạ tiền kê thủ phụng bất sử dư Thiên. kỳ thích Vô thủy lập tu Bồn

Nguyện. Bồ-tát nhuộc sanh

Bởi vì trời Đế thích xuống trước đánh lễ thỉnh Bồ-tát đùng sanh nơi cõi khác. Trời

Đế thích ban đầu lập ra bản nguyện như vậy: Nếu Bồ-tát sanh ra

當以淨意而奉受之。亦為菩薩本德之徵。

Đương dĩ tịnh ý nhi phụng thọ chi. diệc Vi Bồ-tát bản đức chi trung.

chúng ta phải đem tâm thanh tịnh mà phụng hành lãnh thọ; cũng vì Bồ-tát muốn chúng

cứ bản của mình.

是為菩薩善權方便。

thị Vi Bồ-tát thiện quyền Phương tiện.

Đó là Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo vậy.

何故菩薩適見受已。行地七步亦不八步。

Hà cố Bồ-tát thích kiến thọ dĩ. hành địa thất bộ diệc bất bát bộ.

Tại sao Bồ-tát thị hiện lại đi trên mặt đất bảy bước mà không đi tám bước?

是為正士吉祥之應。應七覺意覺不覺者也。

thị Vi chánh sĩ cát tường chi ứng. ứng thất giác ý giác bất giác giả dã.

Đó là Bồ-tát hiện điềm tốt lành, ứng hiện bảy ý giác ngộ để giác ngộ cho những người không giác ngộ vậy.

自古迄于今。未有能現行七步者。

Tự cổ hất Vu kim. Vị hữu năng hiện hành thất bộ giả.

Từ xưa đến nay, chưa từng có ai sinh ra đã đi bảy bước giống Ngài,

是為菩薩善權方便。

Phật Thuyết Bồ Tát Tuệ Thượng Ván Đại Thiện Quyền Kinh

Thị Vi Bồ-tát thiện quyền Phương tiện.
đây là Bồ-tát khéo dùng phương tiện.

何故菩薩已行七步舉手而言。

Hà cổ Bồ-tát dĩ hành thất bộ cử thủ nhi ngôn.

lời

Tại sao Bồ-tát đã đi bảy bước lại đưa tay chỉ lên trời mà nói rằng:

吾於世尊天上天下為最第一。當盡究竟生死原。

Ngô u Thế tôn Thiên thượng Thiên hạ Vi tối đệ nhất. đương tận cứu cánh sanh lão tử nguyên.

Ta đối với sư tôn kính trong thế gian, trên trời dưới đất là tối tôn bậc nhất, sẽ đoạn tận rốt ráo cội nguồn sanh lão bệnh tử.

釋梵梵志及諸天子。彼時眾會莫不遍集。

Thích phạm phạm chí cập chư Thiên tử, bỉ thời chúng hội mạc bất biến tập.

Để thích, Phạm chí và các Thiên tử ở trong chúng hội lúc ấy không ai là không đến,設不現斯當各自尊。則懷憍慢。便不復欲禮侍菩薩。

Thiết bất hiện tu đương các tự tôn. tắc hoài kiêu mạn. tiện bất phục dục lễ thị Bồ-tát.

nếu như Bồ-tát không thị hiện như thế này, thời mọi người đều tự tôn, ôm lòng kiêu mạn, không muốn đành lễ hầu hạ Bồ-tát.

菩薩愍念外道梵志諸天之眾。

Bồ-tát mẫn niệm ngoại đạo phạm chí chư Thiên chi chúng.

Bồ-tát thương xót hàng ngoại đạo, Phạm chí và chư Thiên

長夜不安必墜惡趣而受苦痛。是故菩薩舉聲自讚。

trường dạ bất an tất trụy ác thú nhi thọ khổ thống. thị cổ Bồ-tát cử thanh tự tán.

đêm ngày không an ổn nên vào nẻo ác chịu vô lượng khổ não nên Bồ-tát lên tiếng mà tự tán dương rằng:

吾於世尊天上天下第一。權慧超異獨步無侶。

ngô u Thế tôn Thiên thượng Thiên hạ đệ nhất. quyền tuệ siêu dị độc bộ vô侶.

Trên trời dưới đất Ta là bậc tối tôn bậc nhất trong thiên hạ, khéo dùng trí tuệ để vượt qua, một mình không có bạn bè,

當究竟盡生死根。以此音告三千大千世界。

đương cứu cánh tận sanh lão tử căn. dĩ thủ âm cáo tam Thiên Đại Thiên thế giới.

phải rất ráo đoạn tận gốc rễ sanh, lão, bệnh, tử; đem âm thanh này, mà phổ độ khắp ba ngàn đại thiên thế giới.

其諸天子未有來者應聲便至。

kỳ chư Thiên tử vị hữu lai giả ứng thanh tiện chí.

Những Thiên tử kia chưa đến khi nghe âm thanh ấy liền đến.

爾時異學梵志及諸天子。皆共稽首敬禮讚音叉手歸誠。

nhĩ thời dị học phạm chí cập chư Thiên tử. giai cộng kê thủ kính lễ tán âm xoa thủ quy thành.

Lúc bấy giờ, những học giả Phạm chí và các Thiên tử đều cùng nhau cúi đầu đánh lễ khen ngợi âm thanh của Bồ-tát, chấp tay xin quy y.

是為菩薩善權方便。

thị Vi Bồ-tát thiện quyền Phương tiện.

Đó là Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo vậy.

何故菩薩大悅而笑不懷輕戲。笑而不諂笑。

hà cổ Bồ-tát Đại duyệt nhi tiếu bất hoài khinh hí. tiếu nhi bất siểm tiếu.

Tại sao Bồ-tát quá vui vẻ cười không đùa cợt, cười mà không cười một cách nịnh bợ?

菩薩興念。一切眾類本與我俱。

Bồ-tát hưng niệm. nhất thiết chúng loại bản dĩ ngã câu.

Bồ-tát liền khởi niệm, hết thấy các loại chúng sanh đều cùng một cái ngã,

發上道意無上正覺。恐畏懈怠放逸自恣。

phát thượng đạo ý vô thượng chánh giác. khủng úy giải đãi phóng dật tự tú.

phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Tự mình lo sợ sự biếng nhác, buông lung, phóng túng,

故為卑賤愚冥貢高。或音聲者解一切法。

cổ Vi ti tiện ngu minh công cao, hoặc âm thanh giả giải nhất thiết Pháp.
 cho nên Bồ-tát vì hạng người thấp kém, ngu si, công cao để họ nghe được âm thanh ấy
 mà hiểu tất cả các pháp,
 至諸通慧精進敏達。使歸命佛猶斯大哀。
 chí chu thông tuệ tinh tấn mãn đạt. sử quy mạng Phật do tu Đại ai.
 cho đến các thần thông, trí tuệ, tinh tấn để đạt được khiến quay về nương tựa Phật
 như nương tựa lòng đại bi ấy,
 發起萌類除却放逸。見已願果彼亦普具。以故正士現大欣笑。
 phát khởi manh loại trừ khước phóng dật. kiến dĩ nguyện quả bi diệc phổ cụ. dĩ cố
 chánh sĩ hiện Đại hân tiếu.
 mới phát khởi tâm để loại trừ những tập khí buông lung. Được như vậy rồi
 nguyện kết quả kia được đầy đủ khắp.
 Vì thế, cho nên Bồ-tát mới sinh ra mà đã thị hiện sự hân hoan vui vẻ.
 是為菩薩善權方便。
 thị Vi Bồ-tát thiện quyền Phương tiện.
 Đó là Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo vậy.
 何故菩薩清淨無垢而復洗浴。
 hà cố Bồ-tát thanh tịnh Vô cấu nhi phục tẩy dục.
 Tại sao Bồ-tát thân thể sạch sẽ đâu có như bản gì mà còn tắm rửa?
 釋梵四天所見供侍。凡人初生皆當洗浴。
 thích phạm tứ Thiên sở kiến cung thị. phạm nhân sơ sanh giai đương tẩy dục.
 Trời Đế-thích, Phạm-thiên, Tứ-thiên-Vương thấy đều cung kính hầu hạ. Người phạm lúc
 mới sinh ra đều phải tắm rửa.
 菩薩清淨隨俗而浴況世人乎。故現此義。
 Bồ-tát thanh tịnh tùy tục nhi dục hưởng thể nhân hồ. cố hiện thử nghĩa.
 Bồ-tát thân thể sạch sẽ nhưng vì thuận theo thể tục mà tắm rửa như người đời, cho
 nên thị hiện như vậy.
 是為菩薩善權方便。
 thị Vi Bồ-tát thiện quyền Phương tiện.
 Đó là Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo vậy.
 何故菩薩初生之後。去到空閑於樹下坐。
 hà cố Bồ-tát sơ sanh chi hậu. khứ đảo không nhân u thụ hạ tọa.
 Tại sao Bồ-tát sau khi sinh ra, lại đi đến nơi thanh vắng ngồi ở dưới gốc cây,
 然後入城。欲以具足諸根之本。
 nhiên hậu nhập thành. dục dĩ cụ túc chu căn chi bản.
 sau đó mới đi vào trong thành? Bởi vì Bồ-tát muốn biết nguồn gốc của các căn.
 示現中宮絃歌倡伎音樂之娛。然火四錠由斯現緣。
 Thị hiện trung cung huyền ca xướng kỹ âm lạc chi ngu. nhiên hỏa tứ đĩnh do tu hiện
 duyên.
 Thị hiện ở trong cung vui thích đờn ca xướng hát, lửa bốn bên do đây mà biến hiện,
 令眾學勸。棄離財寶樂昇微妙。
 lệnh chúng học khuyến. khí ly tài bảo lạc thăng Vi diệu.
 khiến cho Bồ-tát lìa bỏ tiền tài vật báu mà tìm cầu pháp vi diệu.
 入家復出不興異行。去家學道則坐佛樹。是為菩薩善權方便。
 Nhập gia phục xuất bất hưng dị hành. khứ gia học đạo tắc tọa Phật thụ. thị Vi Bồ-tát
 thiện quyền Phương tiện
 Vào nhà lại ra không khởi niệm đi đâu khác, lìa nhà học đạo thời ngồi dưới gốc cây
 để tu hành thành Phật. Đó là Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo vậy.
 何故菩薩生後七日其母便薨。
 hà cố Bồ-tát sanh hậu thất nhật kỳ mẫu tiện hoăng
 Tại sao Bồ-tát sau khi sanh bảy ngày thì mẹ ngài băng hà?
 后壽終盡福應昇天非菩薩咎。
 hậu thọ chung tận phúc ứng thăng Thiên phi Bồ-tát cữu.
 Bởi vì hoàng hậu thọ mạng đã hết sanh lên cõi trời, chẳng phải là do nhân xấu của
 Bồ-tát.
 前處兜術觀后摩耶大命將終。餘有十月七日之期。

tiền xử đầu thuật quán hậu ma da Đại mạng tướng chung, dư hữu thập nguyệt thất nhật chi kỳ.

Trước kia Bồ-tát ở cõi trời Đâu Thuật thấy hoàng hậu Ma Da thọ mạng sắp hết, chỉ trong vòng mười tháng bảy ngày,

故從兜術神變來下現入后藏。以是推之非菩薩咎。

Cổ tông đầu thuật Thần biến lai hạ hiện nhập hậu tạng. dĩ thị thôi chi phi Bồ-tát cữu.

cho nên từ cõi trời Đâu Thuật Bồ-tát hiện xuống đi vào trong thai của hoàng hậu. Vì thế suy cho cùng chẳng phải là do nhân xấu của Bồ-tát.

是為菩薩善權方便。

Thị Vi Bồ-tát thiện quyền Phương tiện.

Đó là Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo vậy.

何故菩薩學書射御兵仗伎術擣菡戲樂。

Hà cổ Bồ-tát học thư xạ ngự binh trượng kỹ thuật sư bồ hí lạc.

Tại sao Bồ-tát còn ham học những loại sách bắn tên, điều ngự binh mã, kỹ thuật, đánh cờ và âm nhạc?

隨世習俗現前因緣。

Tùy thế tập tục hiện tiền nhân duyên.

Bởi vì Bồ-tát tùy thuận theo tập tục thế gian mà thị hiện nhân duyên này.

三千大千世界諸所伎樂。經藏道要詩頌術數。神呪所療言談嘲調。

Tam Thiên Đại Thiên thế giới chư sở kĩ nhạc. Kinh tạng đạo yếu thi tụng thuật số, thần chú sở liệu ngôn đàm trào điệu

Các loại kỹ nhạc trong ba ngàn đại thiên thế giới, kinh tạng, đạo lý, thi tụng, số thuật, thần chú, ngôn ngữ trào phúng.

示現悉學無所不博。欲令庶人不自憍慢。

Thị hiện tất học vô sở bất bác. dục lệnh thứ nhân bất tự kiêu mạn.

Bồ-tát thị hiện không có điều gì mà không biết rộng, vì Bồ-tát muốn cho mọi người không tự cao, kiêu mạn.

是為菩薩善權方便。

Thị Vi Bồ-tát thiện quyền Phương tiện.

Đó là Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo vậy.

慧上菩薩問大善權經卷上

Tuệ thượng Bồ-tát Vấn Đại thiện quyền Kinh quyền thượng

Kinh Bồ-Tát Tuệ Thượng Vấn Đại Thiện Quyền quyền thượng.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangVietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiến Huyền Phiên Âm Và Lược Dịch Sun

Apr 30 21:54:21 2006

KINH BỒ TÁT TUỆ THƯỢNG VẤN ĐẠI THIÊN QUYỀN Quyển Hạ

Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 345

Hán dịch: Trúc Pháp Hộ
Phiên âm & lược dịch điện tử: Nguyễn Tánh & Nguyễn Hiễn
Việt dịch: Thích Đạo Không (02-2007)
Biên tập : Thích Phước Nghiêm



Tuệ Quang Wisdom Light Foundation

PO Box 91748, Henderson, NV 89009

Website <http://www.daitangvietnam.com>

Email info@daitangvietnam.com

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>
 Nguyên Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyên Hiền Trần Tiễn Huyền Phiên Âm và Lược Dịch
 Sun Apr 30 21:54:21 2006

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 345 《慧上菩薩問大善權經》CBETA 電子佛典 V1.11 普及版

【Kinh văn tu tần】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 345 《tuệ thượng Bồ-tát vấn Đại thiện quyền Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.11 phổ cập bản

【Kinh văn tu tần】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 345 《tuệ thượng Bồ-tát hỏi Đại thiện/khéo quả cân Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.11 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 345 慧上菩薩問大善權經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.11, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 345 tuệ thượng Bồ-tát vấn Đại thiện quyền Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.11, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 345 tuệ thượng Bồ-tát hỏi Đại thiện/khéo quả cân Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.11, Normalized Version

慧上菩薩問大善權經卷下
 Tuệ thượng Bồ-tát vấn Đại thiện quyền Kinh quyển hạ
 KINH BỔ TÁT TUỆ THƯỢNG VẤN ĐẠI THIỆN QUYỀN
 Quyển Hạ

西晉月氏國三藏竺法護譯

Tây Tấn nguyệt thị quốc Tam Tạng trúc Pháp hộ dịch

Tam tạng Trúc Pháp Hộ, người nước Nguyệt Thị, dịch vào đời Tây Tấn
 何故菩薩而有室娶。菩薩無欲不尚配匹。

hà cố Bồ-tát nhi hữu thất thú. Bồ-tát vô dục bất thượng phối thất.
 Có sao Bồ-tát mà còn có lập gia đình? Bồ-tát vô dục không còn kết đôi,
 其於離欲則為正士。所以示現眷屬妻息。

kỳ ư ly dục tắc vi chánh sĩ. sở dĩ thị hiện quyền chúc thê tức.
 người ấy ly dục tức là Chánh sĩ. Sở dĩ thị hiện quyền thuộc vợ con,
 傍人懷疑。菩薩非男斯黃門耳。

bàng nhân hoài nghi. Bồ-tát phi nam tu hoàng môn nhi.
 là vì người ngoài hoài nghi, Bồ-tát không phải nam đó là hoàng môn chẳng!
 欲除沈吟故納瞿夷釋氏之女。緣此現生子男羅云。

dục trừ trầm ngâm cố nạp Cô di thích thị chi nữ. duyên thủ hiện sanh tử nam la
 vân。

Muốn trừ sự trầm ngâm nên thu nạp Cô-di con gái dòng họ Thích, nhân đó hiện
 sanh con trai La-vân.

假論羅云胞胎生者則非義也。所以者何。

giả luận la vân bào thai sanh giả tắc phi nghĩa dã. sở dĩ giả hà.
 Giả sử La-vân do bào thai thai sanh tức không có nghĩa, tao sao như vậy?

羅云於天變沒化生。不由父母合會而育。

la vân ư Thiên biến một hóa sanh. bất do phụ mẫu hợp hội nhi dục。

Vì La-vân do Trời biến mất mà hóa sanh, không do cha mẹ giao hợp mà sanh.

又是菩薩本願所致。昔錠光佛瞿夷有誓。

hựu thị Bồ-tát bản nguyện sở trí. tích đĩnh quang Phật Cồ di hữu thệ.

Lại là do bản nguyện đạt đến của Bồ-tát đó, xưa Phật Đĩnh Quang, Cồ-di có lời thề

後世為仁妻殖其德本。不違久要故娉納之。

hậu thế vi nhân thê thực kỳ đức bản. bất vi cửu yếu cố phinh nạp chi.

đời sau làm vợ sinh cội công đức ấy, không trái lời thề xưa nên nhận đáng đẹp. tình không所在俗人擾動迷惑色欲慳懃戀著。

tình vô sở tại tục nhân nhiễu động mê hoặc sắc dục ân cần luyện trước.

Tình không chỗ ở, người đời ân ái luyện trước bị sắc dục quấy động mê hoặc.

菩薩示現妻子眷屬。尋復捨國。或有人言。正士之妃端正姝妙。

Bồ-tát thị hiện thê tử quyến chúc. tâm phục xả quốc. hoặc hữu nhân ngôn. chánh sĩ chi phi đoan chánh xu diệu.

Bồ-tát thị hiện vợ con quyến thuộc, lại còn xả bỏ nước, hoặc có người nói: Vợ của Chánh sĩ xinh đẹp mỹ miều,

乃尚捐去何況吾等。又菩薩本始學道時。

nãi thượng quyền khứ hà hưởng ngô đẳng. hựu Bồ-tát bản thủy học đạo thời.

mà còn bỏ đi hưởng nữa chúng tôi v.v.. Lại nữa, xưa Bồ-tát lúc mới học đạo,

所有妻婦群從眷屬。相敬重故各共發願。

sở hữu thê phụ quần tùng quyến chúc. tướng kính trọng cố các cộng phát nguyện.

có vợ con xum vầy theo quyến thuộc, kính trọng lẫn nhau đều cùng phát nguyện:

世世與仁俱生生相待隨至成佛道。

thế thế dữ nhân câu sanh sanh tướng thị tùy chí thành Phật đạo.

Đời đời cùng làm người đều sanh sống hầu hạ lẫn nhau theo đến thành Phật đạo,

故廣敷演清白之法。

cố quảng phu diễn thanh bạch chi Pháp.

nên rộng diễn bày pháp thanh tịnh,

中宮嫔女四萬二千人發無上正真道意。其餘群類悉度惡趣。

trung cung thê nữ tứ vạn nhị thiên nhân phát vô thượng chánh chân đạo ý. kỳ dư quần loại tất độ ác thú.

quần loại tất độ ác thú.

bốn vạn hai ngàn người thê nữ trong cung phát ý đạo Vô thượng chánh chân, ngoài ra có nhiều loài khác đều độ khỏi đường ác,

以故菩薩現有眷屬。其諸嫔女以恩愛情自煩惱者。

dĩ cố Bồ-tát hiện hữu quyến chúc. kỳ chu thê nữ dĩ ân ái tình tự phiền não giả.

do đó Bồ-tát hiện có quyến thuộc. Các thê nữ ấy do ân ái tình nên tự nhiên phiền não,

適見菩薩澹然清淨如明月珠。則離色欲。

thích kiến Bồ-tát đạm nhiên thanh tịnh như minh nguyệt châu. tắc ly sắc dục.

vừa thấy Bồ-tát yên lặng thanh tịnh như ngọc minh nguyệt, liền lìa sắc dục.

假使菩薩化於所化顏姿容貌由若己身。

giả sử Bồ-tát hóa ư sở hóa nhan tư dung mạo do nhược kỳ thân.

Giả sử Bồ-tát hóa sanh ở chỗ ta hóa sanh dáng dấp dung mạo giống như thân mình,

爾時嫔女與化人俱恣可所娛。各心念言。

nhĩ thời thê nữ dữ hóa nhân câu tứ khả sở ngu. các tâm niệm ngôn.

lúc bấy giờ thê nữ cùng người hoá sanh đều có thể thỏa thích vui đùa, đều tâm niệm rằng:

吾等今日與菩薩俱志慕永異。於時菩薩往閻浮樹蔭下。

ngô đẳng kim nhật dữ Bồ-tát câu chí mộ vĩnh dị. u thời Bồ-tát vãng diêm phù thụ
âm hạ.

Hôm nay chúng ta cùng Bồ-tát đều cùng chí hướng mém mộ vĩnh viễn không thay đổi,
而坐禪思歡喜行安。由如化人所造之變。

nhi tọa Thiền tu hoan hỉ hành an. do như hóa nhân sở tạo chi biến.
để ngồi Thiền tu vui vẻ yên ổn, giống như việc biến hiện của người hóa sanh.

菩薩昔從錠光佛來。所見愛欲因緣之業。

Bồ-tát tích tòng đĩnh quang Phật lai. sở kiến ái dục nhân duyên chi nghiệp.
Xưa Bồ-tát theo Phật Đĩnh Quang đến, chỗ thấy ái dục nhân duyên của nghiệp,
皆是無始感發之應。是為菩薩善權方便。

giai thị vô thủy cảm phát chi ứng. thị vi Bồ-tát thiện quyền phương tiện.
đều là ứng hiện của sự cảm phát từ vô thủy, đó là Bồ-tát khéo dùng phương tiện
quyền biến.

何故菩薩於閻浮樹蔭而坐禪思。

hà cố Bồ-tát ư diêm phù thụ âm nhi tọa Thiền tu.
Có sao Bồ-tát ở nơi bóng cây diêm phù để ngồi Thiền tu,

化七十億諸所天子令發道意。又復欲使皇后見之。

hóa thất thập ức chư sở Thiên tử lệnh phát đạo ý. hựu phục dục sử hoàng hậu kiến
chi.

biến hoá bảy mươi ức các Thiên tử khiến phát ý đạo? Lại còn muốn khiến cho Hoàng
Hậu được thấy?

心自念言。會當捨家。

tâm tự niệm ngôn. hội đương xả gia.
Tâm tự nghĩ rằng: Tóm lại nên phải bỏ nhà,
是故菩薩坐閻浮樹蔭而寂思惟。是為菩薩善權方便。

thị cố Bồ-tát tọa diêm phù thụ âm nhi tịch tư duy. thị vi Bồ-tát thiện quyền
phương tiện.

vì vậy Bồ-tát ngồi dưới bóng cây diêm phù mà yên lặng suy nghĩ, đó là Bồ-tát
khéo dùng phương tiện quyền biến.

何故菩薩夜半出家。至于江流而自洗浴。

hà cố Bồ-tát dạ bán xuất gia. chí vu giang lưu nhi tự tẩy dục.
Tại sao Bồ-tát nửa đêm xuất gia, đi đến dòng sông để tự tắm rửa?

感諸群生為現德本。悉當念言。

cảm chư quần sanh vi hiện đức bản. tất đương niệm ngôn.
cảm hóa các quần sanh làm hiện gốc công đức, Tất nên nghĩ rằng:

所立之處功德自然清白法故。

sở lập chi xứ công đức tự nhiên thanh bạch Pháp cố.
Lập nên chỗ pháp thanh tịnh công đức tự nhiên,

由此夜半出家無礙極樂事皆當捨棄。清白之法不可離也。

do thử dạ bán xuất gia vô ngại cực lạc sự giai đương xả khí. thanh bạch chi Pháp
bất khả ly dã.

do đó nửa đêm xuất gia vô ngại việc vui sướng đều nên xả bỏ, pháp thanh tịnh
không thể xa rời vậy.

是為菩薩善權方便。何故菩薩在兜術天勸化諸天。

thị vi Bồ-tát thiện quyền phương tiện. hà cố Bồ-tát tại đầu thuật Thiên khuyến
hóa chư Thiên.

đó là Bồ-tát khéo dùng phương tiện quyền biến. Tại sao Bồ-tát ở cõi trời Đầu
Thuật khuyến hóa chư Thiên,

來下現生天人叉手。時到可去門自然開。菩薩有念。

lai hạ hiện sanh Thiên Nhơn xoa thủ, thời đáo khả khứ môn tự nhiên khai. Bồ-tát hữu niệm,

xuống dưới hiện sanh Trời người chấp tay, lúc đến có thể đi cửa tự nhiên mở. Bồ-tát có niệm,

王儻懷疑聞此不了長夜不安。

Vương thảng hoài nghi văn thủ bất liễu trường dạ bất an.

Vua bỗng dung hoài nghi nghe vậy không hiểu đêm dài không yên,

遭值恐患墜于惡趣。故化天人天人開門。

tao trị khủng hoạn trụ vu ác thú. cổ hóa Thiên Nhơn Thiên Nhơn khai môn. gặp hoạn nạn lo sợ đọa đến đường ác, nên biến hóa chư Thiên, để chư Thiên mở cửa.

諸天坐中舉聲稱揚非菩薩咎。欲慰王心委之于天。

chư Thiên tọa trung cử thanh xưng dương phi Bồ-tát cữu. dục úy Vương tâm ủy chi vu Thiên.

Chư Thiên ngồi trong cất tiếng tán dương không phải lỗi Bồ-tát, muốn an ủi tâm vua nên ủy thác đến Trời.

由觀斯義有所勸化。是為菩薩善權方便。

do quán tu nghĩa hữu sở khuyến hóa. thị vi Bồ-tát thiện quyền phương tiện.

do quán nghĩa này nên có chỗ khuyến hóa. Đó là Bồ-tát khéo dùng phương tiện quyền biến.

何故菩薩棄國捐王而現捨去。

hà cổ Bồ-tát khí quốc quyền Vương nhi hiện xả khứ.

Cớ sao Bồ-tát quyền nước bỏ vua mà hiện xả bỏ,

人當解知菩薩畏生老病死是故出家。

nhân đương giải tri Bồ-tát úy sanh lão bệnh tử thị cổ xuất gia.

người sẽ hiểu biết Bồ-tát sợ sanh, già, bệnh, chết cho nên xuất gia.

不為增避家室親族眷屬枝黨。是為菩薩善權方便。

bất vi tăng tị gia thất thân tộc quyền chúc chi đảng. thị vi Bồ-tát thiện quyền phương tiện.

không vì tăng lánh nhà cửa thân thích quyền thuộc xóm làng, đó là Bồ-tát khéo dùng phương tiện quyền biến.

何故菩薩自剃頭鬚髮。

hà cổ Bồ-tát tự thể đầu tu phát.

Cớ sao Bồ-tát tự cắt tóc cạo râu?

三千大千世界諸天龍神。撻杳和人與非人。無能堪見菩薩頂者。

tam Thiên Đại Thiên thế giới chư Thiên long Thần. kiến đạ hòa nhân dữ phi nhân. vô năng kham kiến Bồ-tát đỉnh giả.

Ba ngàn Đại Thiên thế giới chư Thiên, rồng, thần, kiến-đạ-hoà, nhân và phi nhân, không thể nhìn thấy đỉnh đầu của Bồ-tát,

況能為尊除鬚髮者。

huống năng vi tôn trừ tu phát giả.

huống có thể vì tôn trọng trừ bỏ râu tóc.

於時菩薩勸度眾生自除鬚髮。念白淨王當起恨意。誰剃子首。

ư thời Bồ-tát khuyến độ chúng sanh tự trừ tu phát. niệm bạch tịnh Vương đương khởi hận ý. thùy thể tử thủ.

Lúc bấy giờ Bồ-tát khuyến độ chúng sanh tự trừ bỏ râu tóc, niệm Bạch Tịnh vương sẽ khởi ý hận, ai cắt tóc đầu con,

從使者聞。自剃之耳。王乃默然。是為菩薩善權方便。

tòng sử giả văn. tự thể chi nhĩ. Vương nãi mặc nhiên. thị vi Bồ-tát thiện quyền phương tiện.
 người hầu nghe, trả lời tự cắt tóc vậy, vua bèn lặng yên. Đó là Bồ-tát khéo dùng phương tiện quyền biến.

何故菩薩取寶瓔珞冠幘手付車匿。

hà cổ Bồ-tát thủ bảo anh lạc quan trách thủ phó Xa nặc.

Có sao Bồ-tát lấy chuỗi ngọc anh lạc, mũ, khăn búi tóc tự tay giao phó Xa nặc,發起眾念。菩薩為道。不復貪樂珍寶之飾。

phát khởi chúng niệm. Bồ-tát vi đạo. bất phục tham lạc trần bảo chi sức.
 phát khởi mọi niệm? Bồ-tát vì đạo, không còn ham thích châu báu trang sức,
 於一切物而無所著故皆釋之。後世邊地法効菩薩。

ư nhất thiết vật nhi vô sở trước cổ giai thích chi. hậu thế biên địa Pháp hiệu Bồ-tát.

không còn chấp trước nơi tất cả vật nên đều cởi bỏ, đời sau bên cõi kia Pháp hiệu Bồ-tát.

吾等出家亦當請學。

ngô đẳng xuất gia diệc đương thỉnh học.

Chúng ta xuất gia cũng nên thỉnh học,

從佛法則猗四賢行一切無著。不為陰入狐疑出家。

tòng Phật Pháp tắc y tứ hiền hành nhất thiết Vô trước. bất vi âm nhập hồ nghi xuất gia.

theo phép tắc của Phật khen ngợi hạnh tứ hiền tất cả không chấp trước, không vì âm nhập hồ nghi mà xuất gia.

設不如是人當疑言。不知產業故出家也。

thiết át như thị nhân đương nghi ngôn. bất tri sản nghiệp cố xuất gia dã.

Giả sử không như vậy thì người sẽ nghi rằng: Không biết sản nghiệp nên xuất gia.

是為菩薩善權方便。佛言。族姓子今且聽。

thị vi Bồ-tát thiện quyền phương tiện. Phật ngôn. tộc tính tử kim thà thỉnh.

Đó là Bồ-tát khéo dùng phương tiện quyền biến. Phật nói: Thiện nam tử! Hôm nay tạm nghe,

此菩薩何故六年志修苦行。為諸菩薩有殃罪故。故現勤苦。

thử Bồ-tát hà cố lục niên chí tu khổ hạnh. vi chư Bồ-tát hữu ương tội cố. cố hiện cần khổ.

Bồ-tát này có sao sáu năm chí tu khổ hạnh? Vì các Bồ-tát có lỗi lầm, nên hiện siêng năng khổ hạnh,

為諸群生權其方便。於斯菩薩所興為也。

vi chư quần sanh quyền kỳ phương tiện. ư tu Bồ-tát sở hưng vi dã.

vì các quần sanh quyền biến phương tiện, nơi Bồ-tát này làm hưng thịnh.

迦葉佛時口發是言。髻頭沙門耳云何為佛。

Ca-diếp Phật thời khẩu phát thị ngôn. khôn đầu Sa Môn nhĩ vân hà vi Phật.

Lúc Phật Ca-diếp miệng phát lời này: Sa-môn cắt tóc rồi làm sao để làm Phật?

是則菩薩善權方便當知是義。何故菩薩而有斯言。

thị tắc Bồ-tát thiện quyền phương tiện đương tri thị nghĩa. hà cổ Bồ-tát nhi hữu tu ngôn.

ắt hẳn Bồ-tát Thiện Quyền phương tiện phải biết nghĩa đó. Có sao Bồ-tát mà có lời này.

優多摩納 (晉言上志一名焰花) 有五親友及五百弟子。

ưu đa ma nạp (tân ngôn thượng chí nhất danh diệm hoa) hữu ngũ thân hữu cập ngũ bách đệ-tử.

Ưu-đa-ma-nạp (đời Tấn gọi Thượng Chí một tên Diệm Hoa) có năm người bạn thân cùng với năm trăm đệ tử,

為大梵志貴族姓子。本學大乘。

vi Đại phạm chí quý tộc tính tử, bản học Đại thừa,
là Đại Phạm Chí, chu thiện nam tử, vốn học Đại thừa,
為惡知友所見迷謬。失其道意。

vi ác tri hữu sở kiến mê mậu, thất kỳ đạo ý.

vì bạn ác sở kiến sai lầm, mất ý đạo ấy.

其五親友信外異學不從真教。修外道經不習佛法。自謂有道為彼師長。

kỳ ngũ thân hữu tín ngoại dị học bất tông chân giáo. tu ngoại đạo Kinh bất tập Phật Pháp. tự vị hữu đạo vi bi sư trưởng.

Năm người bạn thân ấy tin chỗ học khác bên ngoài không theo lời dạy chân chính, tu kinh ngoại đạo, không học tập Phật pháp, tự cho có đạo làm Sư trưởng người khác,

其身自號吾等是佛。五百弟子亦復如是。

kỳ thân tự hiệu ngô đẳng thị Phật. ngũ bách đệ-tử diệc phục như thị.

thân ấy tự cho chúng ta là Phật, năm trăm đệ tử cũng lại như vậy.

焰花學志以權方便入斯志類。

Diệm Hoa học chí dĩ quyền phương tiện nhập tu chí loại.

Học chí Diệm Hoa dùng quyền biến phương tiện vào loại chí ấy,

因發言呵難提和曰。何所為佛。

nhân phát ngôn hà-nan đề hòa viết. hà sở vi Phật.

nhân đó phát lời trách Nan-đề-hòa rằng: Thế nào là Phật?

髡頭沙門佛道難得用往覲乎。

khôn đầu Sa Môn Phật đạo nan đắc dụng vãng cận hồ.

Sa-môn cắt tóc Phật đạo khó được khiến đi hầu hạ ư?

焰花稍稍化五族姓子及五百弟子在異學者。故發斯言何所是佛。髡頭沙門佛道難得。

Diệm hoa sảo sảo hóa ngũ tộc tính tử cập ngũ bách đệ-tử tại dị học giả. cố phát

Diệm Hoa tu ngôn hà sở thị Phật. khôn đầu Sa Môn Phật đạo nan đắc.

Diệm Hoa dần dần hoá làm năm trăm Tu sỹ và năm trăm đệ tử ở đạo học khác, mà phát lời này: Sa-môn cắt tóc Phật đạo khó được.

佛語慧上。觀於彼世焰花學志。

Phật ngữ Huệ Thượng. quán ư bi thế diệm hoa học chí.

Phật nói Huệ Thượng: Hãy nhìn vào thế nhân Học chí Diệm Hoa,

時在別處與五親友五百眷屬俱共正立。

thời tại biệt xứ dữ ngũ thân hữu ngũ bách quyến chúc câu cộng chánh lập.

Lúc ở chỗ khác cùng với năm người bạn thân và năm trăm quyến thuộc đều cùng nơi Chánh vị.

於時陶家者名難提和(晉言歡豫)。往至其所嗟嘆迦葉如來功德。

ư thời đào gia giả danh nan đề hòa (tấn ngôn hoan dự). vãng chí kỳ sở ta thán

Ca-diếp Như-Lai công đức.

Lúc ấy người thợ gốm tên là Nan-đề-hòa (Nước Tấn gọi là Hoan Dự), đi đến chỗ ấy than thở công đức với Ca-diếp Như Lai.

謂焰花學志。來共俱往詣迦葉佛。焰花心念。

vị diệm hoa học chí. lai cộng câu vãng nghệ Ca-diếp Phật. diệm hoa tâm niệm.

Bảo học chí Diệm Hoa cùng nhau đi đến Phật Ca-diếp. Diệm Hoa nghĩ rằng:

此諸學志德本未滿。

thử chư học chí đức bản vị mãn.

Các học chí ấy gốc công đức chưa đầy đủ,

設吾今歎迦葉如來道之功德。毀諸異學族姓子等。

thiết ngộ kim thân Ca-diếp Như-Lai đạo chi công đức. hủy chu dị học tộc tính từ đấng.

giả sử hôm nay ta than thở với Như Lai Ca-diếp về công đức của Đạo, sợ vị ở đạo học khác,

便當愕住必不俱行。以故焰花護其本願智慧無極。

tiện đương ngạc trụ tất bất câu hành. dĩ cố diệm hoa hộ kỳ Bổn Nguyên trí tuệ vô cực.

dễ dàng kinh ngạc ở lại tất đều không đi. Do đó Diệm Hoa che chở bổn nguyên Trí tuệ vô cực ấy,

因權方便故言髡頭沙門非是佛。

nhân quyền phương tiện cố ngôn khôn đầu Sa Môn phi thị Phật.

nhân đó quyền biến phương tiện nên nói rằng Sa-môn cắt tóc không phải là Phật,

佛道難得智慧無極何所處乎。行智度者無彼此想亦無道想。

Phật đạo nan đắc trí tuệ vô cực hà sở xử hồ. hành trí độ giả vô bỉ thử tưởng

diệc vô đạo tưởng.

Phật đạo khó đắc Trí tuệ vô cực nằm chỗ nào? Người hành Trí độ không có tưởng này kia cũng không tưởng đạo.

焰花通達究竟空慧普無所著。

diệm hoa thông đạt cứu cánh không tuệ phổ vô sở trước.

Diệm Hoa thông suốt rốt ráo Không tuệ, hoàn toàn không có chỗ chấp trước.

善權方便隨一切法故發斯言。

thiện quyền phương tiện tùy nhất thiết Pháp cố phát tu ngôn.

Thiện Quyền Phương Tiện tùy theo tất cả Pháp nên phát lời này:

焰花學志與五親友五百弟子。至池水側浴訖出水。乘馬車侶五親友。

diệm hoa học chí dữ ngũ thân hữu ngũ bách đệ-tử. chí trì thủy trắc dục cật xuất thủy. thừa mã xa lữ ngũ thân hữu.

Học chí Diệm Hoa cùng với năm người bạn thân và năm trăm đệ tử, đến bên hồ nước tắm xong ra khỏi nước, ngồi lên xe ngựa cùng với năm người bạn thân,

從弟子遊行講經。

tòng đệ-tử du hành giảng Kinh.

theo đệ tử đi đến giảng Kinh.

爾時歡豫承佛威神欲化彼師從。迎焰花乘及侶弟子。

nhĩ thời hoan dự thừa Phật uy Thần dục hóa bỉ sư tòng. nghênh diệm hoa thừa cập lữ đệ-tử.

Lúc bấy giờ Hoan Dự thừa oai thần của Phật muốn hóa theo thầy kia, đón tiếp xe Diệm Hoa cùng với bạn thân và đệ tử.

即相問訊言所從來。歡豫以誠答曰。覲迦葉佛還。焰花曰。

túc tương vấn tân ngôn sở tòng lai. hoan dự dĩ thành đáp viết. cận Ca-diếp Phật hoàn. diệm hoa viết.

bèn cùng nhau hỏi han rằng từ chỗ nào đến? Hoan Dự thành tâm đáp rằng: Hầu Phật Ca-diếp về. Diệm Hoa nói:

髡頭沙門非為是佛佛道難得。

khôn đầu Sa Môn phi vi thị Phật Phật đạo nan đắc.

Sa-môn cắt tóc không phải là Phật, Phật đạo khó được.

陶者聞之甚用不悅。以手捉髮。卿不信者可俱往質也。

đào giả văn chi thậm dụng bất duyệt. dĩ thủ tróc phát. khanh bất tín giả khả câu vãng chất dã.

Người thợ gốm nghe được rất lấy làm không vui lòng, lấy tay vò đầu, ngài không tin thì có thể cùng nhau qua hỏi vậy.

焰花籌慮。歡豫志性安隱仁和未曾卒暴。

Diệm Hoa trù lự, hoan dự chí tánh an ổn nhân hòa vị tăng tốt bạo.
Diệm Hoa suy nghĩ tính toán; Hoan Dự chí tánh an ổn, nhân hoà chưa từng tàn bạo,
今旋吾急終不忘也。

kim toàn ngô cấp chung bắt vong dã.
nay nhanh chóng gặp ta hoàn toàn không quên.

吾及弟子宜當共侶俱觀其道。僉曰唯然。於是陶者。

ngô cập đệ-tử nghi đương cộng lữ câu quán kỳ đạo. thêm viết duy nhiên. u thị
đào giả.

Ta và đệ tử nên cùng với bạn bè đều quán đạo ấy, tất cả đều dạ. Lúc đó người thợ
gốm,

焰花五友五百弟子。便共俱行觀迦葉佛。

diệm hoa ngũ hữu ngũ bách đệ-tử. tiện cộng câu hành cận Ca-diếp Phật.
Diệm Hoa, năm người bạn và năm trăm đệ tử, bèn cùng nhau đi hầu Phật Ca-diếp.
佛則為說前世所興道德之本。心即喜踊。讚焰花曰。

Phật tác vi thuyết tiền thế sở hưng đạo đức chi bản. tâm tức hi dưng. tán diệm
hoa viết.

Phật liền vì họ nói gốc đạo đức hương thanh của đời trước, tâm liền vui vẻ hơn
hở, than Diệm Hoa rằng:

世尊道德權慧乃爾。何惜不早為吾等說。

Thế tôn đạo đức quyền tuệ nãi nhĩ. hà tích bất tảo vi ngô đẳng thuyết.
Thế Tôn đạo đức trí tuệ quyền biến như vậy, tiếc gì không sớm nói cho chúng ta!
五友弟子見迦葉佛道德巍巍辯才無量。

ngũ hữu đệ-tử kiến Ca-diếp Phật đạo đức nguy nguy biện tài vô lượng.
Năm người bạn và đệ tử thấy Phật Ca-diếp đạo đức cao lớn biện tài vô lượng,
皆發無上正真道意。時迦葉如來至真等正覺。

giai phát vô thượng chánh chân đạo ý. thời Ca-diếp Như-Lai chí chân đẳng chánh
giác.

đều phát ý đạo vô thượng chân chánh. Lúc đó Như Lai Ca-diếp đến chân đẳng chánh
giác,

說大乘業開闡法藏不退轉輪。

thuyết Đại thừa nghiệp khai triển Pháp tạng bất thối chuyển luân.
nói nghiệp Đại thừa khai mở Pháp tạng không thoái chuyển.

五大梵志五百弟子皆得不起法忍。佛告慧上。族性子聽。

ngũ Đại phạm chí ngũ bách đệ-tử giai đắc bất khởi Pháp nhẫn. Phật cáo tuệ
thượng. tộc tính tử thỉnh.

Năm Đại phạm chí và năm trăm đệ tử đều được bất khởi Pháp nhẫn. Phật nói Tuệ
Thượng: Dòng họ lắng nghe,

焰花若以佛智慧歎迦葉尊毀異學者。

Diệm Hoa nhược dĩ Phật trí tuệ tán Ca-diếp tôn hủy dị học giả.
Diệm Hoa nếu đem trí tuệ Phật khen Ca-diếp Tôn hủy bỏ đạo học khác.

五大梵志五百弟子終不從化。又無由得觀迦葉佛。

ngũ Đại phạm chí ngũ bách đệ-tử chung bất tông hóa. hựu vô do đắc cận Ca-diếp
Phật.

Năm Đại phạm chí và năm trăm đệ tử trọn không theo hoá hiện. Lại không giống như
được hầu Phật Ca-diếp,

用欲開化之故因行權慧。故發斯言。

dụng dục khai hóa chi cố nhân hành quyền tuệ. cố phát tu ngôn.
để muốn khai hoá như xưa, nhân đó hành tuệ quyền biến, nên phát lời này:

髡頭沙門非為是佛佛道難得。

khôn đầu Sa Môn phi vi thị Phật Phật đạo nan đắc.
Sa-môn cắt tóc không phải là Phật, Phật đạo khó được,
得不退轉無所不達不復疑道。是為菩薩善權方便。

đắc bất thoái chuyển vô sở bất đạt bất phục nghi đạo. thị vi Bồ-tát thiện quyền
phương tiện.

được quả Bất thoái chuyển, không chỗ nào không thông suốt, không còn nghi đạo. Đó
là Bồ-tát khéo dùng phương tiện quyền biến.

佛告慧上。菩薩所以隨時如而化。

Phật cáo tuệ thượng. Bồ-tát sở dĩ tùy thời nhi hóa.
Phật bảo Tuệ Thượng! Bồ-tát sở dĩ tùy lúc mà biến hóa,
現有餘殃勤苦之行。設不然者沙門梵志清淨奉誠。

hiện hữu dư ương cần khổ chi hành. thiết bất nhiên giả Sa Môn phạm chí thanh
tịnh phụng giới.

hiện có dư ương nên siêng năng hành hạnh khổ. Giả sử không như Sa-môn Phạm-chí
thanh tịnh thành tâm hầu hạ.

諸餘黎民將無知之。懈怠不進。

chư dư lê dân tướng vô tri chi. giải đãi bất tiến.
Các chúng sanh sẽ không biết, biếng nhác không siêng năng,
適相見已得無說之。是藏異藏。斯等長夜曾無利義。

thích tướng kiến dĩ đắc vô thuyết chi. thị tạng dị tạng. tu đẳng trường dạ tăng
vô lợi nghĩa.

ua thích thấy nhau xong được không nói, tạng này tạng khác, những thứ đó đem dài
tùng không có nghĩa lợi ích,

不得安隱則歸惡趣。用眾罪鬻如來故現餘殃未盡。

bất đắc an ổn tắc quy ác thú. dụng chúng tội hỷ Như-Lai cố hiện dư ương vị
tận.

không được an ổn tức về nẻo ác, đem mọi tội để bán vào nên Như Lai hiện dư ương
chưa hết.

菩薩都無罪蓋之患。持戒沙門梵志。

Bồ-tát đô vô tội cái chi hoạn. trì giới Sa Môn phạm chí.
Bồ-tát đều không che đậy tai hoạn tội lỗi, trì giới Sa-môn Phạm chí,
若說僞言即當自疑。不加精進不得解脫。

nhược thuyết thô ngôn tức đương tự nghi. bất gia tinh tấn bất đắc giải thoát.
nếu nói lời thô tức nên tự nghi, không thêm tinh tấn, không được giải thoát.

欲建斯等猶豫志者。菩薩以權口發此言。

dục kiến tu đẳng do dự chí giả. Bồ-tát dĩ quyền khẩu phát thử ngôn.
Muốn tạo dựng những thứ đó giống như Dự chí, Bồ-tát dùng quyền biến miệng phát
lời này:

緣是度之即當自說。吾等無智自責悔過。

duyên thị độ chi tức đương tự thuyết. ngô đẳng vô trí tự trách hồi quá.
Nhân duyên độ thoát đó tức nên tự nói, chúng tôi vô trí tự trách hồi lỗi,
唯學道慧普行恭敬。又外異學貢高自由。

duy học đạo tuệ phổ hành cung kính. hựu ngoại dị học cống cao tự do.
chỉ học đạo tuệ rộng thực hành sự cung kính. Lại đạo học khác cống cao tự do,
以故如來勤苦六年非為餘殃。所以者何。或有沙門梵志。

dĩ cố Như-Lai cần khổ lục niên phi vi dư ương. sở dĩ giả hà. hoặc hữu Sa Môn
phạm chí.

do đó Như Lai siêng năng khổ hạnh không phải là dư ương. Tại sao như vậy? Vì nếu có Sa-môn Phạm chí,

食一麻一米清淨自在。欲攝此等具足其願故。

thực nhất ma nhất mẽ thanh tịnh tự-tại. dục nhiếp thủ đẳng cụ túc kỳ nguyện cố. ăn một hạt mè, một hạt gạo thanh tịnh tự tại, muốn thu nhiếp những điều ấy đầy đủ nguyện vọng ấy,

菩薩日服一麻一米以為限度。

Bồ-tát nhật phục nhất ma nhất mẽ dĩ vi hạn độ.

Bồ-tát ngày ăn một hạt, một hạt gạo dùng làm giới hạn,

若不時食不得不還致于聖道。菩薩發言。髡頭沙門。

nhược bất thời thực bất đắc Bất hoàn trí vu Thánh đạo. Bồ-tát phát ngôn. khôn đầu Sa Môn .

nếu ăn không đúng lúc không được không về đạt đến Thánh đạo. Bồ-tát phát lời rằng: Sa-môn cắt tóc,

不得是佛佛道難得故以罪殃六年苦行。

bất đắc thị Phật Phật đạo nan đắc cố dĩ tội ương lục niên khổ hạnh.

không được quả Phật, Phật đạo khó được nên dùng tội ương khổ hạnh sáu năm.

六年之中所可開度。則非異學之所及知。

lục niên chi trung sở khả khai độ. tắc phi dị học chi sở cập tri.

Trong sáu năm chỗ có thể khai độ, tức không phải chỗ biết đến của đạo học khác, mà令外道五百二十萬人住平等慧。所可見發誘化人民。

nhì lệnh ngoại đạo ngũ bách nhị thập vạn nhân trụ bình đẳng tuệ. sở khả kiến phát dụ hóa nhân dân.

nhưng khiến cho năm trăm hai mươi vạn người ngoại đạo trụ Tuệ bình đẳng, chỗ có thể thấy phát tâm để chúng sanh.

是為菩薩善權方便。

thị vi Bồ-tát thiện quyền phương tiện.

Đó là Bồ-tát khéo dùng phương tiện quyền biến.

何故如來聚會四輩。諸天龍神及人非人。

hà cố Như-Lai tụ hội tứ bối. chư Thiên long Thần cập nhân phi nhân.

Có sao Như Lai tụ hội bốn hạng, chư Thiên Long Thần cùng với người và không phải người?

為講說經初夜欲竟。佛告阿難。

vi giảng thuyết Kinh sơ dạ dục cánh. Phật cáo A-nan.

Vì giảng nói Kinh đầu đêm sắp xong, Phật bảo A-nan,

取中衣來吾體少冷。阿難受教即取奉進。

thủ trung y lai ngô thể thiếu lãnh. A-nan thọ giáo túc thủ phụng tiến.

lấy Trung y đến thân ta ít lạnh, A-nan nghe lời liền lấy đến dâng.

上夜已竟入於中夜。復命阿難取上衣來。吾寒欲著。

thượng dạ dĩ cánh nhập ư trung dạ. phục mạng A-nan thủ thượng y lai. ngô hàn dục trước.

Đầu đêm xong rồi vào giữa đêm, lại bảo A-nan lấy Thượng y đến, Ta lạnh muốn mặc, 即復進之。中夜已竟入於後夜。復命阿難。

túc phục tiến chi. trung dạ dĩ cánh nhập ư hậu dạ. phục mạng A-nan.

A-nan liền mang đến. Giữa đêm xong rồi vào cuối đêm, lại bảo A-nan,

取眾集衣來。吾欲著之。即復重進。佛便服著告諸比丘。

thủ chúng tập y lai. ngô dục trước chi. túc phục trọng tiến. Phật tiện phục trước cáo chư tỳ kheo.

lấy Chúng tập y đến, ta muốn mặc, A-nan lại liền mang đến, Phật bèn mặc áo nói với các Tỳ kheo;

吾聽出家學者一時著三法衣。

ngô thính xuất gia học giả nhất thời trước tam Pháp y.
Ta nghe người xuất gia học đạo một lúc mặc ba Pháp y,
假使寒者亦可復之。所以者何。

giả sử hàn giả diệc khả phục chi. sở dĩ giả hà.
giả sử trời lạnh cũng có thể mặc chồng. Vì sao?

後世邊地寒涼國城不堪單薄。隨其土地應著複重。

hậu thế biên địa hàn lương quốc thành bất kham đơn bạc. tùy kỳ độ địa ứng trước
phức trọng.

Vì đời sau quốc thành biên địa rét lạnh không chịu nổi mỏng manh, tùy theo địa
phương mà mặc chồng chất.

佛無寒無熱無飢無渴。所以者何。為處寒土不著複重。

Phật vô hàn vô nhiệt vô cơ vô khát. sở dĩ giả hà. vì xứ hàn độ bất trước phức
trọng.

Phật không lạnh không nóng không đói không khát. Vì sao? Vì nơi xứ rét không mặc
chồng chất,

或致疾病。或能悔退不能究竟求道之意。

hoặc trí tật bệnh. hoặc năng hối thôi bất năng cứu cánh cầu đạo chi ý.
hoặc mắc bệnh tật, hoặc ý luôn hối hận thoái lui không thể rút ráo cầu đạo.

是為如來善權方便。

thị vi Như-Lai thiện quyền phương tiện.

Đó là Như Lai khéo dùng phương tiện quyền biến.

何故如來坐於草蓐。為來世人出家學者。

hà cố Như-Lai tọa ư thảo nhục. vì lai thế nhân xuất gia học giả.

Có sao Như Lai ngồi nơi đệm cỏ? Vì người xuất gia đời vị lai,

或貪鮮好床座榻机。志在安軟不加精進。

hoặc tham tiên hảo sàng tọa ư tháp ky. chí tại an nhuyễn bất gia tinh tấn.

hoặc tham giường đệm dài mới đẹp, chí ở an ôn mềm mại không thêm siêng năng.

或有少福不得好坐氍毹毹[登*毛]重莛被蓐。

hoặc hữu thiếu phước bất đắc hảo tọa cù lữ tháp đặng trọng diên bị nhục.

hoặc người phước ít không được ngồi đệm thảm bằng lông tốt chịu ngồi đệm cỏ diên
tốt.

怨望退却。心當念言。如來世尊身欲成佛。

oán vọng thôi khước. tâm đương niệm ngôn. như lai thế tôn thân dục thành Phật.

oán giận ước muốn từ, tâm sẽ nghĩ rằng: Như Lai Thế Tôn thân muốn thành Phật,

坐於草蓐不著好床乃成佛道。何況我等當慕好座。

tọa ư thảo nhục bất trước hảo sàng nãi thành Phật đạo. hà huống ngã đặng đương
mộ hảo tọa.

ngồi nơi đệm cỏ không tạo giường tốt mới thành Phật đạo. Huống gì chúng con đang
thích chỗ ngồi tốt đẹp.

佛言所教隨其習俗。重茵累蓐不妨于道。

Phật ngôn sở giáo tùy kỳ tập tục. trọng nhân lụy nhục bất phương vu đạo.

Phật dạy rằng tùy theo tập tục của nơi ấy, phải dùng đệm cỏ xanh tươi không hại
đến đạo,

細軟不悅儻堅不憂。人心難齊志行若干。

tê nhuyễn bất duyệt thô kiên bất ưu. nhân tâm nan tê chí hạnh nhược can.

mịn mềm mềm mại lòng không vui thô cứng không buồn, lòng người khó đều nhau chí
hạnh rất nhiều.

故以權變現若干教。是為如來善權方便。

cổ dĩ quyền biến hiện nhược can giáo. thị vi Nhu-Lai thiện quyền phương tiện. nên dùng quyền biến hiện rất nhiều sự dạy bảo. Đó là Nhu Lai khéo phương tiện quyền biến.

何故菩薩復起飯食。傍無德者自餓求道。

hà cổ Bồ-tát phục khởi phạn thực. bàng vô đức giả tự nọ cầu đạo.

Tại sao Bồ-tát còn nãy lên việc ăn uống? Tựa người không có đức mặc cho đói khát cầu đạo.

夫以飢餓不能興慧。故安隱食因成道德。

phù dĩ cơ nọ bất năng hưng tuệ. cố an ổn thực nhân thành đạo đức.

Phàm do đói khát thì trí tuệ không thể hưng khởi, nên ăn tự nhiên nhân đó mà thành đạo đức.

說菩薩法開化群萌。多所安隱不以勤苦。

thuyết Bồ-tát Pháp khai hóa quần manh. đa sở an ổn bất dĩ cần khổ.

Nói pháp Bồ-tát khai hóa quần manh, nhiều chỗ an ổn không do cực khổ,

菩薩受食得用成佛。由斯逮于一三昧定。

Bồ-tát thọ thực đắc dụng thành Phật. do tu dài vu nhất tam muội định.

Bồ-tát nhận đồ ăn nhờ vậy được thành Phật, nhờ vậy đạt tới định nhất tam muội,

以一三昧住百千劫。是為菩薩善權方便。

dĩ nhất tam muội trụ bách thiên kiếp. thị vi Bồ-tát thiện quyền phương tiện.

dùng nhất tam muội trụ trăm ngàn kiếp. Đó là Bồ-tát khéo phương tiện quyền biến.

何故菩薩閑居求道。草蓐敷于樹下。

hà cổ Bồ-tát nhàn cư cầu đạo. thảo nhục phu vu thụ hạ.

Tại sao Bồ-tát rảnh rang cầu đạo, trải đệm cỏ dưới gốc cây,

用過去佛不食床座。坐敷說諦吉祥禮義。

dụng quá khứ Phật bất tham sàng tọa. tọa phu thuyết đế cát tường lễ nghĩa.

dùng như Phật quá khứ không tham tòa giường, trải ngồi nói kỹ lễ nghi cho Cát Tường.

設使菩薩說法粗略則入利義。

thiết sử Bồ-tát thuyết Pháp thô lược tắc nhập lợi nghĩa.

Giả sử Bồ-tát nói pháp sơ xài tức vào nghĩa ích lợi,

其有以草施菩薩者因發道意。佛時授吉祥之決。

kỳ hữu dĩ thảo thí Bồ-tát giả nhân phát đạo ý. Phật thời thụ cát tường chi

quyết.

có người dùng cỏ cúng dường Bồ-tát nhân đó phát khởi ý đạo. Lúc ấy Phật quyết định thọ ký Cát Tường.

汝於方來當得成為佛。號離垢如來至真等正覺。

nhữ ư phương lai đương đắc thành vi Phật. hiệu ly cấu Như Lai chí chân đẳng

chánh giác.

Ông ở đời sau sẽ được thành Phật, hiệu là Ly Cấu Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác.

是為菩薩善權方便。

thị vi Bồ-tát thiện quyền phương tiện.

Đó là Bồ-tát khéo phương tiện quyền biến.

何故菩薩坐佛樹下使魔雲集。

hà cổ Bồ-tát tọa Phật thụ hạ sử ma vân tập.

Có sao Bồ-tát ngồi dưới cây Phật khiến ma tập trung đến?

設不速趣無上正真道者。其魔波旬不敢至菩薩所。

thiết át tốc thú vô thượng chánh chân đạo giả. kỳ Ma ba tuần bất cảm chí Bồ-tát sở.

Giả sử không nhanh tới Vô thượng chánh chân đạo, ma Ba-tuần ấy không dám đến chỗ Bồ-tát.

又族姓子。菩薩初坐樹下。心自念言。

hộ tộc tính tử. Bồ-tát sơ tọa thụ hạ. tâm tự niệm ngôn.

Lại nữa chú vị! Bồ-tát mới ngồi dưới cây, tâm tự nghĩ rằng:

誰於欲界四域最尊。人從教者當令詣吾俱戰決之。

thùy u dục giới tứ vực tối tôn. nhân tòng giáo giả đương lệnh nghê ngô câu chiến quyết chi.

Ai ở nơi bốn cõi dục giới tối tôn, người theo sự dạy dỗ nên khiến đến ta cùng nhau tranh quyết.

爾時具足入諸通慧故使魔試。

nhĩ thời cụ túc nhập chư thông tuệ cố sử ma thí.

Lúc bấy giờ đầy đủ các vị thuộc bậc thông tuệ nên khiến ma thi,

其魔兵師八萬四千億。

kỳ ma binh sư bát vạn tứ thiên ức.

thầy quân ma ấy tám vạn bốn ngàn ức người,

天龍鬼神捷杵和阿須倫迦留羅真陀羅摩睺勒。皆發無上正真道意。

Thiên Long quý Thần kiên đạ hòa a tu luân ca lưu la chân Đà-la ma hầu lạc. giai phát vô thượng chánh chân đạo ý.

Rồng, Trời, quý, Thần, kiên-đạ-hoà, a-tu-luân, ca-lưu-la, chân-đà-la, ma-hầu-lạc, đều phát ý đạo Vô thượng chánh chân.

是為菩薩善權方便。

thị vi Bồ-tát thiện quyền phương tiện.

Đó là Bồ-tát khéo phương tiện quyền biến.

何故如來已成佛道。

hà cố Như-Lai dĩ thành Phật đạo.

Tạo sao Như Lai thành Phật đạo rồi,

正坐七日而不起行察樹無厭。是諸天子見其德行變化感動。

chánh tọa thất nhật nhi bất khởi hành sát thụ vô yếm. thị chư Thiên tử kiến kỳ đức hành biến hoá cảm động.

ngồi ngay ngắn bảy ngày không đứng dậy để xét lại gốc cây mà không chán. Các Thiên tử thấy cảm động đức hạnh biến hoá cảm ấy,

心大歡喜。各心念言。

tâm Đại hoan hỷ. các tâm niệm ngôn.

tâm rất hoan hỷ, ai cũng nghĩ rằng:

吾等當求斯如來心何所倚乎。宿夜七日一心專精求之不得。

ngô đẳng đương cầu tư Như-Lai tâm hà sở y hồ. tú dạ thất nhật nhất tâm chuyên tinh cầu chi bất đắc.

Chúng ta nên cầu tâm Như Lai này, chú dựa chỗ nào nữa u? Trải bảy ngày đêm nhất tâm chuyên tinh cầu mà không được,

緣是之故乃觀世尊三十二相。

duyên thị chi cố nãi quán Thế tôn tam thập nhị tướng.

nhân đó nên mới nhìn thấy ba mươi hai tướng Thế Tôn,

心益踊躍則發無上正真道意。當來之世亦逮如茲坐于佛樹。

tâm ích dũng dục tắc phát vô thượng chánh chân đạo ý. đương lai chi thế diệc đãi như tư tọa vu Phật thụ.

tâm rất vui mừng hớn hờ liền phát ý đạo Vô thượng chánh chân, đời sắp đến cũng kịp đến ngồi cây Phật như vậy,

由斯如來坐樹七日。是為菩薩善權方便。

do tu Như-Lai tọa thụ thất nhật. thị vi Bồ-tát thiện quyền phương tiện. giống Như Lai ấy ngồi bảy ngày dưới cây. Đó là Bồ-tát khéo phương tiện quyền biến.

何故菩薩得成佛已。勸率無數天人之眾。

hà cố Bồ-tát đắc thành Phật dĩ. khuyến suất vô số Thiên Nhơn chi chúng. Vì sao Bồ-tát được thành Phật xong, khuyến vô số chúng trời người noi theo 梵天不請亦不說法。於是如來心自念言。

Phạm Thiên bất thỉnh diệc bất thuyết Pháp. ư thị Như-Lai tâm tự niệm ngôn. Phạm Thiên không thỉnh cũng không nói Pháp, do đó Như Lai tâm tự nghĩ rằng: 其在欲界不可稱計諸天集會。

kỳ tại dục giới bất khả xưng kế chư Thiên tập hội.

Nơi dục giới ấy không thể tính đếm được số chư Thiên tập họp,

及魔眷屬鬼神羅刹。設見菩薩師子吼步輒發道意。

cập ma quyến chúc quỷ Thần La sát. thiết kiến Bồ-tát Su-tử hồng bộ triếp phát đạo ý。

cùng với số quyến thuộc của ma, quỷ, Thần la-sát. Giả sử thấy Su tử hồng Bồ-tát bước đi bộ liền phát ý đạo,

見歡喜者緣致無為。又族姓子。詣佛樹下。

kiến hoan hỉ giả duyên trí vô vi. hựu tộc tính tử. nghệ Phật thụ hạ.

thấy người hoan hỉ, nhân đó đạt đến vô vi. Lại nữa, thiện nam tử! Đến dưới cây Phật,

菩薩即時放頂相光。普照魔宮及三千大千世界。

Bồ-tát tức thời phóng đỉnh tướng quang. phổ chiếu ma cung cập tam Thiên Đại Thiên thể giới。

Bồ-tát lập tức phóng tướng sáng trên đỉnh đầu, rọi khắp cung ma cùng với Ba ngàn đại Thiên thể giới,

於其光明出一音聲。今釋種子能仁之尊。

ư kỳ quang-minh xuất nhất âm thanh. kim thích chủng tử năng nhân chi tôn.

ở nơi ánh sáng ấy xuất một âm thanh; hôm nay bậc nhân từ dòng họ Thích, 棄國捐家今成無上正真之道。

khí quốc quyên gia kim thành vô thượng chánh chân chi đạo.

bỏ nước bỏ nhà nay thành đạo Vô thượng chánh chân,

已過汝界多度人民不可質量空汝國境。宜當尋往與共戰鬪。

dĩ quá nhữ giới đa độ nhân dân bất khả ti lượng không nhữ quốc cảnh. nghi đương tầm vãng dĩ cộng chiến đấu。

đã qua cõi ông độ nhiều chúng sanh không thể lường số cõi ông trống không, nên phải tìm qua cùng nhau tranh đấu.

時魔聞斯甚大愁毒。

thời ma văn tu thậm Đại sầu độc。

Lúc đó ma nghe lời đó rất là giận dữ,

嚴四部兵具足三十那術姪。俱往詣佛樹。

nghiêm tứ bộ binh cụ túc tam thập na thuật cai. câu vãng nghệ Phật thụ。

chính đồn bốn bộ binh đầy đủ ba mươi na-thuật-cai, đều đến cây Phật.

於時菩薩以智慧寶建立大慈。慧明之勝紫磨金臂。諸天龍神釋梵所敬。

ư thời Bồ-tát dĩ trí tuệ bảo kiến lập Đại từ. tuệ minh chi thắng tử ma kim tý. chư Thiên long Thần thích phạm sở kính。

Lúc đó Bồ-tát dùng trí tuệ báu kiến lập Đại từ, ánh sáng trí tuệ hơn cánh tay sắc vàng tía, chư Thiên, rồng, Thần Thích phạm đều cung kính.

時梵志念。梵天化我。我從梵生。莫能超躡。

thời phạm chí niệm. Phạm Thiên hóa ngã. ngã tòng phạm sanh. mạc năng siêu du. Lúc ấy Phạm Chí nghĩ: Phạm Thiên biến hóa ta, ta từ Phạm sanh, không thể vượt qua,

世無尊師。梵天為上。如來念曰。

thế vô tôn sư. Phạm Thiên vi thượng. Như-Lai niệm viết.

đời không tôn sư, Phạm thiên là trên cả. Như Lai nghĩ rằng:

吾致梵天令眾人見。諸天龍神皆倚于梵。

ngô trí Phạm Thiên lệnh chúng nhân kiến. chư Thiên long Thần giai ý vu phạm. Ta đến Phạm thiên khiến mọi người thấy, chư Thiên, rồng, Thần đều dựa vào Phạm thiên.

梵天猶尚稽首禮佛。宜當勸助如應說法。若無勸請如來不說。

Phạm Thiên do thượng kê thủ lễ Phật. nghi đương khuyến trợ như ứng thuyết

Pháp. nhược vô khuyến thỉnh Như-Lai bất thuyết.

Phạm thiên mà còn cúi đầu lễ Phật, nên phải khuyến bảo như vậy nên nói Pháp, nếu không khuyến thỉnh Như Lai không nói.

承佛威神令梵天來以法助勸。

thừa Phật uy Thần lệnh Phạm Thiên lai dĩ Pháp trợ khuyến.

Nhờ oai thần của Phật khiến cho Phạm thiên đến dùng Pháp thỉnh cầu.

假使眾人敬念梵天當勸如來。於是梵天。

giả sử chúng nhân kính niệm Phạm Thiên đương khuyến Như-Lai. ư thị Phạm Thiên.

Giả sử mọi người cung kính nghĩ Phạm thiên nên khuyến Như Lai, do vậy Phạm thiên,

自捨其宮來詣世尊。大梵勸佛轉法輪。

tự xả kỳ cung lai nghê Thế tôn. Đại phạm khuyến Phật chuyển Pháp luân.

tự rời khỏi cung, đến chỗ Thế Tôn, Đại phạm thỉnh Phật chuyển Pháp luân.

時六百八十萬梵天皆發無上正真道意。悉歎頌曰。

thời lục bách bát thập vạn Phạm Thiên giai phát vô thượng chánh chân đạo ý. tất tán tụng viết.

Lúc ấy sáu trăm tám mươi vạn Phạm thiên đều phát ý đạo Vô thượng chánh chân, đều khen tụng rằng:

佛尊無有極

最勝不可及

Phật tôn vô hữu cực

tối thắng bất khả cập

Phật Tôn không có cùng,

Tối thắng không thể bằng.

行善權方便

是亦為如來

hành thiện quyền phương tiện

thị diệc vi Như-Lai

Khéo hành quyền phương tiện,

Cũng chính là Như Lai.

佛告慧上菩薩。如來所現餘殃有十。

Phật cáo tuệ thượng Bồ-tát. Như-Lai sở hiện dư ương hữu thập.

Phật bảo Bồ-tát Tuệ thượng! Chỗ dư ương Như Lai hiện có mười,

是亦世尊善權方便。當了至誠。欲使如來有毛髮瑕。

thị diệc Thế tôn thiện quyền phương tiện. đương liễu chí thành. dục sử Như-Lai hữu mao phát hà.

đó cũng chính là Thế Tôn khéo phương tiện quyền biến, nên hiểu chí thành, muốn khiến Như Lai có chút tỳ vết,

不具殖德本。欲令有短行不具足。

bất cụ thực đức bản. dục lệnh hữu đoản hành bất cụ túc.

không trồng đủ gốc công đức. Muốn khiến có sự thiếu thốn làm chưa đầy đủ,

逮成正覺坐佛樹者此亦不然。所以者何。

đãi thành chánh giác tọa Phật thụ giả thử diệc bất nhiên. sở dĩ giả hà.

kíp thành chánh giác ngồi cây Phật, đấy cũng không như vậy. Vì sao như vậy?

暢清白法無有罣礙。族姓子。

sương thanh bạch Pháp vô hữu chúng hà. tộc tính tử.
Vì thông suốt pháp thanh bạch không có mọi tỳ vết. Thiện nam tử!
欲知如來皆以[才慧][才滅]諸不善法。世尊無礙。況復立穢而有餘殃。

dục tri Như-Lai giai dĩ toát diệt chu bất thiện Pháp. Thế tôn vô ngại. hưởng
phục lập uế nhi hữu dư ương.

Muốn biết Như Lai đều dùng quét sạch hết các pháp bất thiện, Thế Tôn không ngăn
ngại, hưởng lại còn tạo uế để có dư ương?

佛為醫王除一切病無有陰蓋。祐眾生故示現餘孽。

Phật vi y Vương trừ nhất thiết bệnh vô hữu uẩn cái. hữu chúng sanh cố thị hiện
dư hân.

Phật là Y vương trừ tất cả bệnh không có che đậy, cứu giúp chúng sanh nên thị
hiện xung đột còn lại.

欲令眾庶護身口意修清淨行。

dục lệnh chúng thứ hộ thân khẩu ý tu thanh tịnh hạnh.

Muốn khiến chúng sanh hộ giữ gìn thân miệng ý tu hạnh thanh tịnh,

由如尊貴族姓有子。各長王家習于乳酪。

do như tôn quý tộc tính hữu tử. các trường Vương gia tập vu nữ lạc.

Giống như chu thiện nam tử có con, các Trường vương gia quen đi lấy sữa lạc,
體生瘡瘡上至頸項腹藏亦痛。

thể sanh sang tích thượng chí cảnh hạng phúc tạng diệp thống.

thân thể sanh bệnh nhọt trên đến cổ trong bụng cũng đau,

當服醫藥飲乳乃除困而獲差。父母念之喜其得瘳。又族姓子。

đương phục y dược ẩm nữ nãi trừ khốn nhi hoạch sai. phụ mẫu niệm chi hi kỳ đắc
sưu. hựu tộc tính tử.

phải uống thuốc thang uống sữa mới trừ khốn đốn để được lành bệnh, cha mẹ thương
tưởng vui mừng con được lành bệnh. Lại nữa, thiện nam tử!

如來至真為普世父。除群犁惱使獲安隱。

Như-Lai chí chân vi phổ thế phụ. trừ quần lê não sử hoạch an ổn.

Như Lai chí chân làm cha khắp thế gian, trừ bầy trâu phiền não khiến được an ổn,
以故現疾。人間餘殃不敢作罪。

dĩ cố hiện tật. nhân văn dư ương bất cảm tác tội.

do vậy hiện sự đau ốm, người nghe dư ương không dám tạo tội.

是為菩薩善權方便。

thị vi Bồ-tát thiện quyền phương tiện.

Đó là Bồ-tát khéo phương tiện quyền biến.

又告慧上菩薩。往昔久遠世時不知罪福。

hựu cáo tuệ thượng Bồ-tát. vãng tích cửu viễn thế thời bất tri tội phúc.

Lại bảo Bồ-tát Tuệ Thượng: Quá khứ lâu xa lúc đờ không biết tội phúc,

故為眾人示現殃孽。

cố vi chúng nhân thị hiện ương hân.

nên vì mọi người thị hiện cái hoạ phân tranh,

如來故說吾為法王不離宿罪。汝等之類安得離殃。

Như-Lai cố thuyết ngô vi Pháp Vương bất ly tú tội. nữ đẳng chi loại an đắc ly
ương.

Như Lai nói Ta là Vua pháp không lìa tan tội đời trước, hạng các ông an ổn được
lìa tai ương.

由斯有言如來永無餘殃。譬如有善學書疏計校之術。

do tu hữu ngôn Như-Lai vĩnh vô dư ương. thí như hữu nhân thiện học thu sơ kế giáo chi thuật.

Do đó có lời nói Như Lai vĩnh viễn không có dư ương. Thí như có người khéo học sách thông suốt nghề tính toán,

教諸童子欲令成就。無所不知不以為礙。

giáo chư Đồng tử dục lệnh thành tựu. vô sở bất tri bất dĩ vi ngại.

dạy các đồng tử muốn cho chúng thành tựu, không chỗ nào không biết chẳng lấy làm ngại,

小兒見聞則受學了稍稍達本。

tiểu nhi kiến văn tắc thọ học liễu sảo sảo đạt bản.

bọn trẻ thấy nghe liền nhận học hỏi dần dần đạt được căn bản.

如來如是悉學諸法無所不博。示現餘殃欲令眾生具清淨法。

Như-Lai như thị tất học chư Pháp vô sở bất bác. thị hiện dư ương dục lệnh chúng sanh cụ thanh tịnh Pháp.

Như Lai như vậy đều học các pháp không chỗ nào không uyên bác, thị hiện dư ương muốn làm cho chúng sanh đầy đủ pháp thanh tịnh.

譬如有醫始學治病。解方曉藥應病救療。

thí như hữu y thủy học trị bệnh. giải phương hiểu dược ứng bệnh cứu liệu.

Thí như có thầy thuốc mới học trị bệnh, rõ cách hiểu thuốc theo bệnh cứu chữa,既能自愈廣能愈人轉復嗟歎。錠光佛時。乃於彼世。

ký năng tự dĩ quang năng dĩ nhân chuyển phục ta thán. đĩnh quang Phật thời. nãi ư bi thế.

đã có thể làm cho mình khỏi bệnh còn rộng chữa khỏi bệnh cho người quay lại than thở. Lúc Phật Đĩnh Quang, mới ở đời ấy,

有五百賈人入海求寶。有異心者。

hữu ngũ bách cổ nhân nhập hải cầu bảo. hữu dị tâm giả.

có năm trăm người buôn bán vào biển tìm châu báu, có người tâm khác,

心罪甚重開其罪門工學邪術殃害劇賊。

tâm tội thậm trọng khai kỳ tội môn công học tà thuật ương hại kịch tặc.

tâm tội rất nặng mở cửa tội ấy khéo học tà thuật tai hại đùa ăn cắp,

觀賈人貌則上有船於時導師號曰吉財。

quán cổ nhân mạo tắc thượng hữu thuyền ư thời Đạo sư hiệu viết cát tài.

nhìn thấy dáng người buôn bán liền lên trên thuyền lúc đó đạo sư tên là Cát Tường,

護眾賈人隨時消息。凶人念言。

hộ chúng cổ nhân tùy thời tiêu tức. hung nhân niệm ngôn.

giúp đỡ mọi người buôn bán tùy lúc ẩn hiện. Người ác nghĩ rằng:

今我寧可悉害賈人獨取珍寶。於閻浮提有大導師名曰大哀。

kim ngã ninh khả tất hại cổ nhân độc thủ trân bảo. ư Diêm-phù-đề hữu Đại Đạo sư danh viết Đại ai.

Hôm nay ta thà giết hết mọi người buôn bán một mình chiếm lấy trân báu. Ở nơi Diêm-phù-đề có đại đạo sư tên là Đại Ai,

時寐夢中海神語之。賈眾之中有一賊人興大惡心。

thời寐 mộng trung hải thần ngữ chi. cổ chúng chi trung hữu nhất tặc nhân hung Đại ác tâm.

Lúc ấy trong giấc chiêm bao Thần biển nói: Trong mọi người buôn bán có một người ăn cắp khởi tâm đại ác,

皆欲危沒五百賈人。獨欲取寶。

giai dục nguy một ngũ bách cổ nhân. độc dục thủ bảo.

đều muốn nhân chìm năm trăm người buôn bán, muốn một mình lấy châu báu.

假令事建罪不可量。所以者何。此五百賈人。

giả lệnh sự kiến tội bất khả lượng. sở dĩ giả hà. thù ngũ bách cổ nhân. Nếu khiến cho việc ấy thành lập thì tội không thể lường. Vì sao vậy? Vì năm trăm người buôn bán đó,

皆發無上正真道意立不退轉。設使遇害心不迴還。

giai phát vô thượng chánh chân đạo ý lập bất thoái chuyển. thiết sử ngộ hại tâm bất hồi hoàn.

đều phát ý đạo vô thượng chánh chân lập nguyện không thoái chuyển. Giả sử gặp giết hại tâm không trở lại,

由其殃罪。一一菩薩行得成無上正真之道。

do kỳ ương tội. nhất nhất Bồ-tát hành đắc thành vô thượng chánh chân chi đạo. do ương tội ấy, tất cả hạnh Bồ-tát được thành đạo vô thượng chánh chân.

賊墜地獄若干歲數其罪乃竟。

tặc trụy Địa-ngục nhược can tuế số kỳ tội nãi cánh.

kẻ cướp đọa địa ngục trải qua rất nhiều năm tội ấy mới xong.

今仁導師當行權變。而令此人不更地獄若干之痛。

kim nhân Đạo sư đương hành quyền biến. nhi lệnh thù nhân bất canh Địa-ngục nhược can chi thống.

Hôm nay Nhân Đạo sư sẽ hành quyền biến, để khiến người ấy không rơi vào địa ngục chịu nhiều đau khổ,

使眾賈人不被危害。七日思惟無餘方便。念言。

sử chúng cổ nhân bất bị nguy hại. thất nhật tư duy vô dư phương tiện. niệm ngôn. khiến mọi người buôn bán không bị nguy hại. Suy nghĩ bảy ngày phương tiện vô dư, nghĩ rằng:

唯當取之危其命耳。假語眾賈者則皆興怒。

duy đương thủ chi nguy kỳ mạng nhĩ. giả ngữ chúng cổ giả tắc giai hưng nộ.

Chỉ nên lấy mạng nguy hiểm này thôi, giả nói mọi người lái buôn tức đều làm cho hung khởi lòng oán giận.

當殺此人必墮惡趣。復重自念。設我獨殺亦當受罪。

đương sát thù nhân tất đọa ác thú. phục trọng tự niệm. thiết ngã độc sát diệc đương thọ tội.

Nếu giết người này ắt hẳn đọa đường ác. Lại tự nghĩ rằng: Giả sử một mình ta giết cũng sẽ nhận tội,

吾寧忍之。若百千劫受地獄惱。

ngô ninh nhẫn chi. nhược bách thiên kiếp thọ Địa-ngục não.

ta thà nhẫn nhịn. Hoặc trăm ngàn kiếp nhận lấy địa ngục phiền não,

不令賈人普見危害而令一賊墜地獄也。

bất lệnh cổ nhân phổ kiến nguy hại nhi lệnh nhất tặc trụy Địa-ngục dã.

không làm cho người buôn bán thấy sự nguy hại khắp, mà khiến một tên cướp đọa vào địa ngục.

時大哀師則為說法。令心欣然踊躍臥寐。佛言。族姓子。

thời Đại ai sư tắc vi thuyết Pháp. lệnh tâm hân nhiên dũng dục ngọa mị. Phật ngôn. tộc tính tử.

Lúc đó thầy Đại Ai liền vì họ nói pháp, khiến tâm tự nhiên vui mừng hớn hở nằm ngủ say. Phật nói: Thiện nam tử!

彼大導師由眾賈人興于大哀。

bỉ Đại Đạo sư do chúng cổ nhân hưng vu Đại ai.

Vị Đại Đạo Sư kia vì mọi người buôn bán khởi lòng Đại ai,

以權方便害一賊命。壽終之後生第十二光音天上。

dĩ quyền phương tiện hại nhất tặc mạng. thọ chung chi hậu sanh đệ thập nhị Quang âm Thiên thượng.

dùng phương tiện quyền biến giết hại mạng một tên cướp, sau khi mạng chung sanh trên trời Quang âm thứ mười hai.

時大哀師則吾身也。以斯方便越千劫生死。

thời Đại ai sư tắc ngô thân dã. dĩ tu phương tiện việt thiên kiếp sanh tử. Lúc đó Đại Ai sư chính là thân Ta, dùng phương tiện này vượt qua ngàn kiếp sanh tử,

死則昇天。同船五百賈人。斯賢劫中五百佛興者是。

tử tắc thăng Thiên. đồng thuyền ngũ bách cổ nhân. tu hiền kiếp trung ngũ bách Phật hưng giả thị.

chết tức lên trời, cùng thuyền với năm trăm người buôn bán. Năm trăm Phật ở trong hiền kiếp này chính là đó.

菩薩豈有罪患越除終始。

Bồ-tát khởi hữu tội hoạn việt trừ chung thủy.

Bồ-tát há có tội nạn vượt trừ chung thủy.

彌百千劫不當察佛而有愆咎。如來所現為眾生故。

di bách thiên kiếp bất đương sát Phật nhi hữu khiên cữu. Như-Lai sở hiện vi chúng sanh cố.

Khắp trăm ngàn kiếp không nên quán xét Phật mà có tội lỗi xấu. Như Lai hiện ra là vì chúng sanh,

時以闕漏權現鐵鉞。如來蹈之威神所達。所以者何。

thời dĩ khuyết lậu quyền hiện thiết dặc. Như-Lai đạo chi uy Thần sở đạt. sở dĩ giả hà.

rồi lấy lỗi lầm để quyền biến hiện đỉnh thiếc, Như Lai dùng oai thần đạt đến dẫm lên. Vì sao vậy?

如來之身則金剛也。又族姓子。

Như-Lai chi thân tắc Kim cương dã. hựu tộc tính tử.

Vì thân Như Lai tức là kim cương vậy. Lại nữa, thiện nam tử!

舍衛城中有二十人。復與二十人共為怨敵。

xá vệ thành trung hữu nhị thập nhân. phục dữ nhị thập nhân cộng vi oán

địch. Trong thành Xá vệ có hai mươi người, lại cùng với hai mươi người đều là oán địch,

時二十人各欲攝怨而危害之。為最後世相伺方便。

thời nhị thập nhân các dục nhiếp oán nhi nguy hại chi. vi tối hậu thế tướng tỷ phương tiện.

lúc đó hai mươi người đều muốn thu nhiếp oán địch mà bị nguy hại, vì đời cuối cùng phương tiện dò xét nhau.

彼二十人欲害二十怨者。承佛威神尋詣如來。

bỉ nhị thập nhân dục hại nhị thập oán giả. thừa Phật uy Thần tầm nghê Như-Lai. hai mươi người ấy muốn hại hai mươi người oán địch, thừa oai thần Phật tìm đến Như Lai,

於時世尊化四十人。亦欲勸導一切大眾。

ư thời Thế tôn hóa tứ thập nhân. diệc dục khuyến đạo nhất thiết Đại chúng.

Lúc đó Thế Tôn hóa ra bốn mươi người, cũng muốn khuyến hướng dẫn tất cả đại chúng,

告尊者大目犍連。今於此地當有鐵鉞自然來。

cáo Tôn-Giả Đại mục kiên liên. kim ư thủ địa đương hữu thiết dặc tự nhiên lai. bảo tôn giả Đại Mục Kiên Liên: Hôm nay ở địa phương này sẽ có đỉnh thiếc tự nhiên đến,

出入佛右足大指。語未竟鉢在佛前。目連白佛。

xuất nhập Phật hữu túc Đại chỉ. ngữ vị cánh tại Phật tiền. mục liên bạch Phật. ra vào ngón tay cái, chân phải Phật, nói chưa xong đỉnh ở trước Phật. Mục Liên bạch Phật:

今拔鐵鉢著異世界。佛言不然。

kim bạt thiết đặc trước di thể giới. Phật ngôn bất nhiên. Hôm nay nhỏ đỉnh thiết đặt sang thể giới khác. Phật nói không được như thế. 時大目捷連。以精進力欲拔鐵鉢。

thời Đại mục kiên liên. dĩ tinh tấn lực dục bạt thiết đặc. Lúc ấy Đại Mục Kiên Liên, dùng lực tinh tấn muốn nhỏ đỉnh thiết, là三千大千世界為大震動。不能搖鉢如毛髮也。

thị tam Thiên Đại Thiên thể giới vi Đại chấn động. bất năng diêu đặc như mao phát dã.

làm cho ba ngàn Đại thiên thể giới đó chấn động mạnh, cũng không thể lay động đỉnh một chút nào.

於時世尊則往梵天。鉢輒隨之。如來還坐鉢則住前。

ư thời Thế tôn tắc vãng Phạm Thiên. đặc triếp tùy chi. Như-Lai hoàn tọa đặc tắc trụ tiền.

Lúc đó Thế Tôn liền đến Phạm Thiên, đỉnh lập tức theo, Như Lai trở lại ngồi đỉnh liền ở trước.

是時如來右手取鉢以足踏上。目連白佛。

thị thời Như-Lai hữu thủ thủ đặc dĩ túc đạo thượng. mục liên bạch Phật. Lúc ấy Như Lai dùng tay phải lấy đỉnh dùng chân dẫm lên. Mục Liên bạch Phật: 如來本罪而獲鉢殃。佛時告曰。

Như-Lai bản tội nhi hoạch đặc ương. Phật thời cáo viết.

Như Lai vốn có tội mà được đỉnh tai ương, lúc đó Phật nói rằng:

昔與五百賈人共入大海。時有一人心懷惡意。吾時害之是其餘殃。

tích dĩ ngũ bách cổ nhân cộng nhập Đại hải. thời hữu nhất nhân tâm hoài ác ý. ngô thời hại chi thị kỳ dư ương.

Xưa cùng với năm trăm người buôn bán vào biển lớn, thì có một người tâm ôm lầy ác ý, Ta liền giết hại chính là dư ương đó.

時二十人聞佛說此。轉相謂言。

thời nhị thập nhân văn Phật thuyết thử. chuyển tương vị ngôn.

Lúc đó hai mươi người nghe Phật nói điều đó, cùng nhau bảo rằng:

如來法王已得自在。尚有餘殃不能滅除。

Như-Lai Pháp Vương dĩ đắc tự-tại. thượng hữu dư ương bất năng diệt trừ.

Như Lai Pháp Vương đã được tự tại, còn có dư ương không thể trừ hết,

況於吾等不受罪乎。即來詣佛悔過自首。

huống ư ngô đẳng bất thọ tội hồ. túc lai nghê Phật hồi quá tự thủ.

huống nơi chúng ta không thọ tội ư? liền đi đến Phật tự mình hối lỗi.

如來應時為說經法分別罪福。令四十人入平等慧。

Như-Lai ứng thời vi thuyết Kinh Pháp phân biệt tội phước. lệnh tứ thập nhân nhập bình đẳng tuệ.

Như Lai đúng lúc nên vì họ nói Kinh Pháp phân biệt tội phước, khiến cho bốn mươi người vào tuệ bình đẳng;

三萬二千人遠塵離垢諸法眼淨。因是如來示現鐵鉢。

tam vạn nhị thiên nhân viễn trần ly cấu chu Pháp nhãn tịnh. nhân thị Như-Lai thị hiện thiết đặc.

ba vạn hai ngàn người xa lìa trần cấu vào Pháp nhãn thanh tịnh. Nhân đó Như Lai thị hiện đĩnh thiếc.

是亦菩薩善權方便。

thị diệc Bồ-tát thiện quyền phương tiện.

Đó cũng là Bồ-tát khéo phương tiện quyền biến.

何故世尊已離眾病示有疾病。

hà cố Thế tôn dĩ ly chúng bệnh kì hữu tật bệnh.

Có sao Thế Tôn đã lìa mọi bệnh mà thị hiện có bệnh tật?

使醫王者域而合湯藥。佛時立戒二百五十。

sử y Vương kì vực nhi hợp thang dược. Phật thời lập giới nhị bách ngũ thập.

Giả sử Y Vương nước kì vực mà gom thuốc thang, Phật lúc đó lập giới hai trăm năm mươi,

未久五百比丘在他樹間行道。向欲終畢心懷狐疑。

vị cữu ngũ bách Tỷ-kheo tại tha thụ gian hành đạo. hướng dục chung tất tâm hoài hồ nghi.

không lâu năm trăm Tỷ-kheo hành đạo ở vùng cây khác, ý chí muốn xong hết lòng ôm hồ nghi,

如來有教。唯以一藥療身眾病不得習餘。

Như-Lai hữu giáo. duy dĩ nhất dược liệu thân chúng bệnh bất đắc tập dư.

Như Lai có dạy, chỉ dùng một loại thuốc chữa mọi thứ bệnh của thân không được để thừa.

時佛發念。以何方便令諸比丘得習餘藥。所以者何。

thời Phật phát niệm. dĩ hà phương tiện lệnh chư Tỷ-kheo đắc tập dư dược. sở dĩ giả hà.

Lúc đó Phật phát niệm: do phương tiện nào các Tỷ-kheo được cất thuốc thừa. Tại sao vậy?

假使如來隨意聽者。則後世人毀四賢誠。

giả sử Như-Lai tùy ý thính giả. tắc hậu thế nhân hủy tứ hiền giới.

Giả sử Như Lai tùy ý nghe theo, tức người đời sau hủy bốn Hiền giới,

是以如來行權合藥任于耆域。

thị dĩ Như-Lai hành quyền hợp dược nhâm vu kì vực.

do đó Như Lai hành quyền biến gom thuốc mang đến kì vực,

時淨居天語比丘言。諸賢者。宜更求藥無得危命。則相謂言。

thời tịnh cư Thiên ngữ Tỷ-kheo ngôn. chư hiền giả. nghi canh cầu dược vô đắc nguy mạng. tắc tướng vị ngôn.

Lúc đó Trời Tịnh Cư nói Tỷ-kheo rằng: Các Hiền giả! Nên liền xin thuốc không được để nguy hiểm mạng sống. Liền cùng bảo nhau rằng:

寧自碎身不毀佛誠。天答賢者。

ninh tự toái thân bất hủy Phật giới. Thiên đáp hiền giả.

Thà tự đập vụn thân chứ không hủy giới Phật. Trời đáp Hiền giả:

今者如來則法王也。令置小便更求餘藥。

kim giả Như-Lai tắc Pháp Vương dã. lệnh trí tiểu tiện canh cầu dư dược.

Hôm nay Như Lai tức là Pháp Vương, khiến để tiểu tiện liền cầu thuốc thừa,

可改所習而慕所服。於時比丘離疑猶豫。

khả cải sở tập nhi mộ sở phục. ư thời Tỷ-kheo ly nghi do dự.

Có thể cải đổi thói quen để quyền luyện việc uống thuốc. Lúc đó Tỷ-kheo lìa do dự hồ nghi,

乃求異藥病即除愈。晝夜七日得無著道。假使如來不習湯藥。

nãi cầu dị dược bệnh tức trừ dữ. trú dạ thất nhật đắc Vô trước đạo. giả sử Như-Lai bất tập thang dược.

bèn cầu thuốc khác bệnh liền được tiêu trừ, bảy ngày bảy đêm được đạo vô trước.
Giả sử Như Lai không cất thuốc thang,
此諸比丘不得解脫。將來之世亦當如是。

thử chư Tỷ-kheo bắt đắc giải thoát. tương lai chi thể diệc đương như thị.
thì các Tỷ-kheo này không được giải thoát, đời tương lai cũng nên như vậy.
其身安隱然後得道。是亦菩薩善權方便。

kỳ thân an ổn nhiên hậu đắc đạo. thị diệc Bồ-tát thiện quyền phương tiện.
Thân này an ổn sau mới đắc đạo. Đó là Bồ-tát khéo phương tiện quyền biến.
何故如來眾德普具。

hà cổ Như-Lai chúng đức phổ cụ.
Tại sao Như Lai đầy đủ mọi đức,
又入聚落而行分衛空鉢來出。

hựu nhập tụ lạc nhi hành phân vệ không bát lai xuất.
lại vào tụ lạc mà hành khát bát không đi ra?

如來無殃愍觀後世邊地諸國而興慈哀。其有比丘。

Như-Lai vô ương mẫn quán hậu thế biên địa chư quốc nhi hưng từ ai. kỳ hữu Tỷ-kheo.

Như Lai không có dư ương thương xót quán biên giới các nước đời sau mà khởi lòng từ ai. Lúc ấy có Tỷ-kheo,

入於郡國縣邑丘聚行分衛者。而身薄福所乞不得。心念。

nhập ư quận quốc huyện ấp khâu tụ hành phân vệ giả. nhi thân bạc phước sở khát
bất đắc. tâm niệm.

vào nơi thành ấp quận huyện khâu tụ hành khát thực, nhưng do thân phước mỏng nên xin không được, tâm nghĩ rằng:

如來功德充盛無量福會。時行分衛尚空盂出。

Như-Lai công đức sung thịnh vô lượng phước hội. thời hành phân vệ thượng không
bạt xuất.

Như Lai công đức đầy đủ hội tụ vô lượng phước, lúc hành khát thực còn bát không đi ra,

我等善本所殖不弘。豈可怨捨而不乞乎。故當分衛。

ngã đẳng thiện bản sở thực bất hoàng. khởi khả oán xả nhi bất khát hồ. cổ đương
phân vệ.

chúng ta gốc thiện vốn sinh không lớn, há có thể oán giận bỏ mà không xin ư, Nên phải khát thực.

用是之故入城分衛空鉢來出。又云。

dụng thị chi cố nhập thành phân vệ không bát lai xuất. hựu vân.

Vì vậy cho nên vào thành khát thực bát không đi ra. Lại nói rằng:

弊魔化諸梵志長者家。使不供佛不施眾僧。

tệ ma hóa chư phạm chí Trường-Giả gia. sử bất cung Phật bất thí chúng tăng.

Tệ ma hóa ra các nhà Trường giả Phạm chí, lệnh không cúng dường Phật không bố thí chúng tăng.

未曾有此其魔波旬。未敢作威燒固如來沮廢福意。

vị tăng hữu thử kỳ Ma ba tuần. vị cảm tác uy nhiều cổ Như-Lai tụ phước phúc ý.

Chưa từng có điều đó ma Ba tuần ấy, không dám tạo oai quấy nhiều tan nát phước ý kiên cố của Như Lai,

佛之聖旨所變現也。梵志長者有此異心。

Phật chi Thánh chỉ sở biến hiện dã. phạm chí Trường-Giả hữu thử dị tâm.

thánh chỉ của Phật là chỗ biến hiện vậy. Trường giả Phạm chí có tâm khác đó, không phải bản ý Phật đốn.彼時眾人無所施者。

phi thị bản ý phi Phật tiền phước. bi thời chúng nhân vô sở thí giả.

Không phải bồn ý không phải Phậi ít phước, lúc đó mọi người không có người bố thí.

又見如來空盃來出。魔界天人見不獲餽。

hựu kiến Như-Lai không bát lai xuất. ma giới Thiên Nhơn kiến bất hoạch thiện. Lại thấy Như Lai không bát đi ra, cõi ma thiên nhơn thấy không nhận được đồ an tốt,

世尊得無心懷悵惘。晝夜一心念如來及弟子眾。

Thế tôn đắc vô tâm hoài trướng võng. trú dạ nhất tâm niệm Như-Lai cập đệ-tử chúng.

Thế Tôn được tâm không ôm lòng chán nản. Ngày đêm nhất tâm nghĩ Như Lai cùng với chúng đệ tử,

將必憂悵見佛弟子。心不增減前後適等。

tương tất ưu áp kiến Phật đệ-tử. tâm bất tăng giảm tiền hậu thích đẳng. Ắt sẽ lo lắng. Thấy đệ tử Phật, tâm không tăng giảm trước sau như nhau, 七萬天子自投佛前。

thất vạn Thiên tử tự đầu Phật tiền.

bảy vạn Thiên tử tự qua trước Phật,

如來如應為說經法皆得法眼淨。是亦菩薩善權方便。

Như-Lai như ứng vi thuyết Kinh Pháp giai đắc Pháp nhãn tịnh. thị diệc Bồ-tát thiện quyền phương tiện.

Như Lai ứng theo vì họ nói kinh pháp đều được Pháp nhãn tịnh. Đó là Bồ-tát khéo phương tiện quyền biến.

何以故旃遮摩尼木剋繫腹誹謗如來。

hà dĩ cố Chiên già ma-ni mộc khôi hệ phúc phi bàng Như-Lai.

Vì sao Chiên-già-ma-ni độn gáo vào bụng phi bàng Như Lai,

亦非世尊本之餘殃。佛之威神能取暴意。

diệc phi Thế tôn bản chi dư ương. Phật chi uy Thần năng thủ bạo ý. cũng không phải gốc dư ương của Thế Tôn, oai thần của Phật có thể nhiếp lấy ý tàn bạo,

從置恒沙剎外。如來以權現斯方便。當來比丘。

tòng trí hằng sa sát ngoại. Như-Lai dĩ quyền hiện tu phương tiện. đương lai Tỷ-kheo.

tới để hằng sa cõi khác, Như Lai dùng quyền biến hiện phương tiện này. Tỷ-kheo đời tương lai;

或有出家行作沙門。為人所謗有懷疑者。

hoặc hữu xuất gia hành tác Sa Môn. vi nhân sở bàng hữu hoài nghi giả. nên có người xuất gia làm Sa-môn, bị người chê bai có người hoài nghi,

觀佛世尊雖見譏訕。心不動轉不却宿罪。

quán Phật Thế tôn tuy kiến kị san. tâm bất động chuyển bất khuốc tú tội. quán Phật Thế Tôn dầu thấy quở trách, tâm không lay động không bỏ tội đời trước,念佛如來普勝之德。猶復若茲。況我等而無譏議。

niệm Phật như lai phổ thắng chi đức. do phục nhược tu. huống ngã đẳng nhi vô kị nghị.

Nghĩ Phật Như Lai công đức rộng hơn, vẫn còn như vậy, huống nữa chúng ta mà không quở trách!

思惟此已益加精進。清淨奉戒心不迴轉。

tu duy thử dĩ ích gia tinh tấn. thanh tịnh phụng giới tâm bất hồi chuyển. Suy nghĩ vậy xong tăng thêm tinh tấn, thanh tịnh phụng giới tâm không quay lại.

假使暴意夢中誹謗。壽終之後不離地獄。

giả sử bạo ý mộng trung phi bàng. thọ chung chi hậu bất ly Địa-ngục.

Giả sử trong chiêm bao ý phi báng tàn bạo, sau khi mạng hết không lìa địa ngục.
如來悉知令護禁戒。所以者何。

Như-Lai tất tri lệnh hộ cấm giới. sở dĩ giả hà.
Như Lai đều biết khiến giữ giới cấm, vì sao như vậy?

如來之德不捨眾生。是為如來善權方便。

Như-Lai chí đức bất xả chúng sanh. thị vi Như-Lai thiện quyền phương tiện.
Vì công đức Như Lai không bỏ chúng sanh. Đó là Như Lai khéo phương tiện quyền biến.

何故異道害須多利。埋著勝樹間。

hà cố dị đạo hại tu đa lợi. mai trước thắng thụ gian.
Vì sao đạo khác giết Tu-đa-lợi, chôn cất giữa cây thắng thụ.

佛諸通慧普觀無礙。知當興怒。

Phật chư thông tuệ phổ quán vô ngại. tri đương hưng nộ.
Phật vào thông tuệ, nhìn khắp không ngăn ngại, biết sẽ khởi oán giận,
則以示現如斯比像設不以刃加須多利者。須多利或投餘患。

tắc dĩ thị hiện như tu bi tượng thiết át dĩ nhận gia tu đa lợi giả. tu đa lợi
hoặc đầu du hoạn.
liền dùng thị hiện hình ảnh giống như vậy giả sử không dùng dao giết Tu-đa-lợi,
Tu-đa-lợi có lẽ thoát khỏi hoạn nạn.

佛解知女壽命終盡。是故彼類相教殺之。

Phật giải tri nữ thọ mạng chung tận. thị cố bi loại tướng giáo sát chi.
Phật biết rõ người phụ nữ thọ mạng hết, cho nên loài ấy cùng nhau bảo giết.

緣邪異學身所犯害必反罪辜。

duyên tà dị học thân sở phạm hại tất phản tội cô.
Duyên nơi tà học khác thân phạm sát hại ắt phải chịu tội.

佛以等慧而化立之。由斯所建增益群生功德之本。

Phật dĩ đẳng tuệ nhi hóa lập chi. do tu sở kiến tăng ích quần sanh công đức chi
bổn.

Phật dùng tuệ bình đẳng mà hóa lập, do chỗ tạo lập mà tăng thêm lợi ích quần là
gốc của công đức.

是以如來七日不入城。化六十億諸天入道。

thị dĩ Như-Lai thất nhật bất nhập thành. hóa lục thập ức chu Thiên nhập đạo.
Do đó Như Lai bảy ngày không vào thành, giáo hóa sáu mươi ức chu Thiên vào đạo,
過七日後其四部眾。皆來詣佛聽法。

quá thất nhật hậu kỳ tứ bộ chúng. giai lai nghê Phật thính Pháp.

Qua sau bảy ngày, bốn bộ chúng ấy, đều đi đến Phật nghe Pháp;

八萬四千人獲平等慧。三億人得道跡往來不還果證。

bát vạn tứ thiên nhân hoạch bình đẳng tuệ. tam ức nhân đắc đạo tích vãng lai Bất
hoàn quả chúng.

tám vạn bốn ngàn người được tuệ bình đẳng, ba ức người được dấu tích của đạo
không trở lại quả đã chúng.

是亦菩薩善權方便。

thị diệc Bồ-tát thiện quyền phương tiện.
Đó cũng là Bồ-tát khéo phương tiện quyền biến.

何故如來三月食麥。如來素達。

hà cố Như-Lai tam nguyệt thực mạch. Như-Lai tố đạt.
Vì sao Như Lai ăn lúa tẻ ba tháng, Như Lai luôn thông suốt.

雖梵志請佛不得迷忘佛所興化。所以者何。今五百馬者。

tuy phạm chí tinh Phật bất đắc mê vong Phật sở hưng hóa. sở dĩ giả hà. kim ngũ bách mã giả.

Tuy Phạm chí câu tinh Phật không được lơ mờ quên chỗ Phật khởi hóa, vì sao như vậy? Vì năm trăm con ngựa nay,

昔佛弟子也。所從食已。前世皆學菩薩大乘。

tích Phật đệ-tử dã. sở tông thực dĩ. tiền thế giai học Bồ-tát Đại thừa. xưa là đệ tử Phật, theo chỗ ăn xong; Đời trước đều học Đại thừa Bồ-tát, 供養過去諸世尊矣。

cung dưỡng quá khứ chư Thế tôn hĩ.

quá khứ cúng dưỡng các Thế Tôn,

從惡友教犯眾罪殃墜為畜生。彼時又有五百馬師。有菩薩名日藏。

tông ác hữu giáo phạm chúng tội ương trụ vi súc sanh. bi thời hựu hữu ngũ bách Mã sư. hữu Bồ-tát danh nhật tạng.

Theo bạn ác dạy bảo phạm mọi ương tội đọa làm súc sanh, lúc ấy lại có năm trăm ma sư; có Bồ-tát tên là Nhật Tạng,

本立願生其中。普化斯等令發道意。

bổn lập nguyện sanh kỳ trung. phổ hóa tu đẳng lệnh phát đạo ý.

vốn lập nguyện sanh trong đó, rộng giáo hóa ác hạng ấy khiến phát ý đạo,

使弘大乘化諸馬師。本非馬師。如來護彼。

sử hoằng Đại thừa hóa chư Mã sư. bổn phi Mã sư. Như-Lai hộ bi.

khiến hoằng Đại thừa giáo hóa các mã Sư, vốn không phải mã Sư. Như Lai giúp đỡ điều ấy.

令諸馬畜皆得受決。為緣一切如來不食。

lệnh chư mã súc giai đắc thọ quyết. vi duyên nhất thiết Như-Lai bất thực.

Làm cho các con ngựa đều được thọ quyết, do tất cả duyên nên Như Lai không ăn, 無所志願。威德能化瓦石刀杖為美飲食。

vô sở chí nguyện. uy đức năng hóa ngổa thạch đao trượng vi mỹ ẩm thực.

vô có chí nguyện, oai đức có thể hóa ngổi đá dao gậy làm thức ăn uống ngon;

三千大千世界所有。悉為甘饈奇特之味。所以者何。

tam Thiên Đại Thiên thế giới sở hữu. tất vi cam thiện kì đặc chi vị. sở dĩ giả hà.

chỗ có nơi ba ngàn Đại Thiên thế giới, đều là thức ăn ngon ngọt hương vị của nó rất đặc biệt. Vì sao như vậy?

世尊自然有大人相上味之味。以故當知。

Thế tôn tự nhiên hữu Đại nhân tướng thượng vị chi vị. dĩ cố đương tri.

Vì Thế Tôn tự nhiên có tướng của bậc Đại nhân mùi vị thượng hạng. Do đó nên biết,

如來所化飲食皆美。耆年阿難未得大哀。

Như-Lai sở hóa ẩm thực giai mỹ. kì niên A-nan vị đắc Đại ai.

chỗ thức ăn Như Lai hóa ra đều ngon ngọt. A-nan lâu năm chưa được Đại ai,

心自念言。云何世尊捨轉輪膳今乃服麥。佛知其念。

tâm tự niệm ngôn. vân hà Thế tôn xả chuyển luân thiện kim nãi phục mạch. Phật tri kỳ niệm.

tâm tự nghĩ rằng: Tại sao Thế Tôn bỏ luân chuyển bữa ăn hôm nay bèn ăn lúa tẻ? Phật biết tâm niệm ấy,

以五百馬師之德。

dĩ ngũ bách Mã sư chi đức.

dùng đức của năm trăm Mã Sư.

時五百馬皆識宿命得近道心。五百菩薩發大慈哀往觀如來。

thời ngũ bách mã giai thức tú mạng đắc cận Đạo tâm, ngũ bách Bồ-tát phát Đại từ ai vãng cận Như-Lai.

Lúc đó năm trăm con ngựa đều nhận biết được kiếp trước của mình được gần tâm đạo, năm trăm Bồ-tát phát Đại từ ai đến hầu Như Lai, 五百馬師自減半廩以用供佛。

ngũ bách Mã sư tự giảm bán lã dĩ dụng cúng Phật, năm trăm mã Sư tự bớt nửa kho đụn dùng đem cúng Phật, 捐五百馬穀供五百比丘。馬師及馬皆自悔過。

quyên ngũ bách mã cốc cúng ngũ bách Tỷ-kheo. Mã sư cấp mã giai tự hồi quá, bỏ năm trăm con ngựa dùng lúa cúng năm trăm Tỷ-kheo. Mã Sư và ngựa đều tự hồi lỗi,

見佛眾僧竟三月已。五百馬命終生兜術天。為天所敬。

kiến Phật chúng tăng cánh tam nguyệt dĩ. ngũ bách mã mạng chung sanh đầu thuật Thiên. vì Thiên sở kính.

thấy Phật chúng tăng trọn ba tháng xong, năm trăm con ngựa mạng chết sanh lên cõi trời Đầu-thuật, vì Trời cung kính,

如應說法。得立不退轉地。當成無上正真之道。

như ứng thuyết Pháp. đắc lập bất thối chuyển địa. đương thành vô thượng chánh chân chi đạo.

ứng theo sở nguyện mà nói Pháp, lập được địa bất thối chuyển, sẽ thành đạo vô thượng chánh chân.

阿難得知所施供養。時宮中人得未曾有。

A-nan đắc tri sở thí cúng dưỡng. thời cung trung nhân đắc vị tăng hữu.

A-nan được biết chỗ bố thí cúng dường, lúc đó người trong cung được điều chưa từng có;

來白佛言。我等生長深宮之內。世尊。

lai bạch Phật ngôn. ngã đẳng sanh trường thâm cung chi nội. Thế tôn.

đến bạch Phật rằng: Chúng con lớn lên ở trong cung sâu. Thế Tôn,

阿難未曾習此安隱歡喜。七日不食。族姓子。

A-nan vị tăng tập thử an ổn hoan hi. thất nhật bất thực. tộc tính tử.

A-nan chưa từng quen an ổn hoan hi này; bảy ngày không ăn. Thiện nam tử!

當知如來之身無有罪殃。後世或有持戒之人。

đương tri Như-Lai chi thân vô hữu tội ương. hậu thế hoặc hữu trì giới chi nhân. Nên biết thân của Như Lai không có tội ương. Đời sau nếu có người trì giới,

請諸沙門而不設供。故為彼現。是為如來為人所請。

thỉnh chư Sa Môn nhi bất thiết cúng. cố vi bi hiện. thị vi Như-Lai vi nhân sở thỉnh.

thỉnh các Sa-môn mà không thiết cúng, nên hiện vì người kia. Đó là Như Lai vì người cầu thỉnh,

雖不供辦不令其人墮于罪地。

tuy bất cúng biện bất lệnh kỳ nhân đọa vu tội địa.

tuy không cúng đầy đủ không khiến người đó đọa đến đất tội.

又五百比丘與如來俱三月一夏。

hựu ngũ bách Tỷ-kheo dĩ Như-Lai câu tam nguyệt nhất hạ.

Lại năm trăm Tỷ-kheo cùng với Như Lai trong ba tháng mùa hạ,

四百比丘悉有慾態無清淨想。設得美食慾意遂盛。

tứ bách Tỷ-kheo tất hữu dục thái vô thanh tịnh tưởng. thiết đắc mỹ thực dục ý toại thịnh.

bốn trăm Tỷ-kheo đều có thái độ ham muốn tướng không thanh tịnh, giả sử được thức ăn ngon, ý muốn thoả thích,
用僂食故慾心則薄。三月之中可得羅漢。

dụng thô thực cố dục tâm tắc bạc. tam nguyệt chi trung khả đắc la hán.
dùng thức ăn thô nên tâm ham muốn tức mỏng, trong ba tháng có thể được La hán.
如來以斯諸學比丘及化菩薩。隨時示現非罪殃也。

Nhu-Lai dĩ tu chú học Tỷ-kheo cập hóa Bồ-tát. tùy thời thị hiện phi tội ương
dã.

Nhu Lai do các Học Tỷ-kheo và Hóa Bồ-tát, tùy lúc thị hiện không phải tội ương
vậy.

是亦如來善權方便。

thị diệc Nhu-Lai thiện quyền phương tiện.

Đó cũng là Nhu Lai khéo phương tiện quyền biến.

何故如來告大迦葉曰。汝當說經。吾腰痛。

hà cố Nhu-Lai cáo Đại Ca-diếp viết. nhữ đương thuyết kinh. ngô yêu bối thống.
Vì sao Nhu Lai bảo Đại Ca-diếp rằng: Ông nên nói kinh, lưng vai Ta đau.

時八千天子。本弟子行迦葉所化。

thời bát thiên Thiên tử. bản đệ tử hành Ca-diếp sở hóa.

Lúc đó tám ngàn Thiên tử vốn làm đệ tử của do Ca-diếp hóa ra,

於時來會樂仰三寶。慇懃在行聞說覺意。

ư thời lai hội lạc ngưỡng Tam Bảo. ân cần tại hành văn thuyết giác ý.

Lúc đó đến hội họp thích kính ngưỡng Tam Bảo, ân cần nơi việc nghe nói giác ý.

設百億佛為說經法終不能解。唯迦葉比丘能度之耳。

thiết bách ức Phật vì thuyết kinh Pháp chung bất năng giải. duy Ca-diếp Tỷ-kheo
năng độ chi nhĩ.

Giả sử trăm ức Phật vì họ nói Kinh Pháp trọn không thể hiểu, chỉ có Tỷ-kheo Ca-
diếp có thể mà thôi.

故佛告之分別覺意。八千天子聞義得慧。

cố Phật cáo chi phân biệt giác ý. bát thiên Thiên tử văn nghĩa đắc tuệ.

Nên Phật nói phân biệt giác ý, tám ngàn Thiên tử nghe nghĩa được tuệ,

其疾病者往會聽經。各心念言。

kỳ tật bệnh giả vãng hội thỉnh kinh. các tâm niệm ngôn.

người bị tật bệnh qua hội nghe kinh, đều tâm nghĩ rằng:

如來法王因說覺意病即除愈。吾等云何不聽經乎。何以故。

Nhu-Lai Pháp Vương nhân thuyết giác ý bệnh tức trừ dữ. ngô đẳng văn hà bất thỉnh
kinh hồ. hà dĩ cố.

Nhu Lai Pháp Vương nhân nói giác ý liền trừ hết bệnh. Chúng ta vì sao không nghe
Kinh ư? vì sao vậy?

族姓子。欲化諸天及病比丘使承經道。

tộc tính tử. dục hóa chư Thiên cập bệnh Tỷ-kheo sử thừa kinh đạo.

Vì Thiện nam tử, muốn hóa làm chư Thiên cùng với Tỷ-kheo bệnh tật khiến nhận
kinh đạo,

示現腰痛。故如來曰。迦葉說經令我除病。

thị hiện yêu thống. cố Nhu-Lai viết. Ca-diếp thuyết kinh lệnh ngã trừ bệnh.

thị hiện đau lưng, nên Nhu Lai nói: Ca-diếp nói kinh khiến cho ta bệnh tiêu trừ.

是亦如來善權方便。

thị diệc Nhu-Lai thiện quyền phương tiện.

Đó cũng là Nhu Lai khéo phương tiện quyền biến.

何故如來舍夷國敗而佛頭痛。

hà cố Như-Lai xá di quốc bại nhi Phật đầu thống.
Vì sao Như Lai xả trừ Di quốc mà Phật đau đầu?

眾人悉當念言。如來親屬不盡其壽。護黎庶意坐枯樹下。

chúng nhân tất đương niệm ngôn. Như-Lai thân chúc bất tận kỳ thọ. hộ lê thú ý
tọa khô thụ hạ.

Mọi người đều nên nghĩ rằng: Bà con thân thuộc của Như Lai tuổi thọ không hết,
hộ trì chúng sanh ngồi dưới cây khô héo,

告侍者曰。吾頭甚痛。

cáo thị giả viết. ngô đầu thậm thống.

nói với thị giả rằng: Đầu Ta rất đau!

爾時諸天計有常者三千人會。剎利之眾不可稱數。

nhĩ thời chư Thiên kế hữu thường giả tam thiên nhân hội. sát lợi chi chúng bất
khả xưng số.

Lúc bấy giờ chư Thiên, người thường tính có ba ngàn người hội họp, người Sát lợi
không thể đếm số;

聞告阿難頭痛之咎。念言。如來尚有餘殃。

văn cáo A-nan đầu thống chi cữu. niệm ngôn. như lai thượng hữu dư ương.

nghe nói A-nan lỗi đau đầu, nghĩ rằng: Như Lai còn có dư ương,

聞經尋化天人七千。是亦如來善權方便。

văn Kinh tâm hóa Thiên Nhơn thất thiên. thị diệc Như-Lai thiện quyền phương
tiện.

nghe kinh bỗng hóa bảy ngàn Thiên Nhơn. Đó cũng là Như Lai khéo phương tiện
quyền biến.

何故披羅陀梵志以五百事而罵世尊。

hà cố phi la đà phạm chí dĩ ngũ bách sự nhi mạ Thế tôn.

Cớ sao Phạm chí Phi-la-đà lấy năm trăm việc để mắng chửi Thế Tôn.

時佛默然。後更稱譽。佛亦默然。

thời Phật mặc nhiên. hậu canh xưng dự. Phật diệc mặc nhiên.

Lúc đó Phật yên lặng, sau bèn khen ngợi, Phật cũng yên lặng,

應時自歸一心悔過。無所復言。佛能厭却使不出言。

ứng thời tự quy nhất tâm hồi quá. vô sở phục ngôn. Phật năng yếm khước sử bất
xuất ngôn.

Ngay lúc đó tự trở lại trạng thái nhất tâm hồi lỗi, không còn nói lại, Phật có
thể chán bỏ khiến không nói ra,

投徙置于殊異之土。爾時會中諸天世人無數之眾。

đầu ti trí vu thù dị chi độ. nhĩ thời hội trung chư Thiên thế nhân vô số chi
chúng.

tóm dời đi để cõi đặc biệt khác. Lúc bấy giờ trong hội chúng chư Thiên người đời
vô số,

見佛忍辱慧力平等心柔和雅。

kiến Phật nhẫn nhục tuệ lực bình đẳng tâm nhu hòa nhã.

thấy Phật nhẫn nhục tuệ lực tâm bình đẳng hòa nhã mềm mại,

四千人發無上正真道意。

tứ thiên nhân phát vô thượng chánh chân đạo ý.

bốn ngàn người phát ý đạo vô thượng chánh chân.

如來徹觀當來有所化故現默然。非佛餘殃。是亦如來善權方便。

Như-Lai triệt đồ đương lai hữu sở hóa cố hiện mặc nhiên. phi Phật dư ương. thị
diệc Như-Lai thiện quyền phương tiện.

Như Lai thấy suốt đời sắp đến có chỗ hóa nên hiện sự yên lặng, không phải Phật có dư ương. Đó cũng là Như Lai khéo phương tiện quyền biến.

族姓子。聽調達所生常與菩薩共相燒害。

tộc tính tử, thỉnh điều đạt sở sanh thường dữ Bồ-tát cộng tướng nhiều hại. Thiện nam tử, nghe Điều Đạt sanh ra thường cùng với Bồ-tát nhiều hại lẫn nhau,懷怨憎心欲相危害。是亦如來菩薩方便。

hoài oán tăng tâm dục tướng nguy hại. thị diệc Như-Lai Bồ-tát phương tiện. Ôm lòng oán ghét sắp nguy hại lẫn nhau. Đó cũng là Như Lai Bồ-tát phương tiện quyền biến.

佛告慧上菩薩。諸天往來有所求索。

Phật cáo tuệ thượng Bồ-tát. chư Thiên vãng lai hữu sở cầu tác.

Phật bảo Bồ-tát Tuệ Thượng: Chư Thiên lui tới có chỗ tìm cầu,

則為具弘施度無極。所以者何。

tắc vi cụ hoằng thí độ vô cực. sở dĩ giả hà.

tức vì đây đủ bố thí độ vô cực. Vì sao vậy?

多所饒益覆滿諸願發起一切。以何因緣興斯行乎。

đa sở nhiều ích phúc mãn chư nguyện phát khởi nhất thiết. dĩ hà nhân duyên hưng tu hạnh hồ.

Vì nhiều chỗ đây đủ trùm khắp các nguyện phát khởi tất cả, do nhân duyên gì hương khởi hạnh đó ư?

假使眾生安淨自利。則不解施不知受者。

giả sử chúng sanh an tịnh tự lợi. tắc bất giải thí bất tri thọ giả.

Giả sử chúng sanh an tịnh tự lợi, thì không rõ người bố thí không biết người nhận.

是故諸天化從空來詣菩薩所。

thị cố chư Thiên hóa tòng không lai nghê Bồ-tát sở.

Vì vậy chư Thiên hóa hiện từ hư không đến chỗ Bồ-tát,

試求妻子頭目手足國城丘聚。應時菩薩周滿所欲勇慧無難。

thí cầu thê tử đầu mục thủ túc quốc thành khâu tụ. ứng thời Bồ-tát châu mãn sở dục dũng tuệ vô nan.

thử cầu vợ con đầu mắt chân tay quốc thành tụ lạc, ngay lúc đó Bồ-tát đầy khắp chỗ muốn tuệ dũng mãnh không khó khăn,

眾人見之則効布施。奉尊所行無所矜恪。

chúng nhân kiến chi tắc hiệu bố thí. phụng tôn sở hạnh vô sở căng lẫn.

mọi người thấy vậy liền cùng đến bố thí, tôn kính dâng lên không chỗ thương tiếc.

我等亦當發願求佛。修習禁戒不敢毀失。

ngã đẳng diệc đương phát nguyện cầu Phật. tu tập cấm giới bất cảm hủy thất.

Chúng con cũng sẽ phát nguyện cầu Phật, tu tập cấm giới không dám hủy mất, 順菩薩法未曾違捨。捶罵不恚輕易不恨。

thuận Bồ-tát Pháp vị tăng vi xá. chúy mạ bất nhuế khinh dịch bất hận.

theo pháp Bồ-tát chưa từng trái bỏ, đánh mắng không giận, khinh chê không hận, 則弘忍辱度無極。以斯教化無數之眾。

tắc hoằng nhẫn nhục độ vô cực. dĩ tu giáo hóa vô số chi chúng.

tức hoằng nhẫn nhục độ vô cực, do đó giáo hóa chúng đông vô số.

其諸天人見有怨來詣如來所。則長戒禁。是亦如來善權方便。

kỳ chư Thiên nhân kiến hữu oán lai nghê Như-Lai sở. tắc trường giới cấm. thị

diệc Như-Lai thiện quyền phương tiện.

Chư Thiên nơi đó thấy có oán đi đến chỗ Như Lai, liền nuôi lớn giới cấm. Đó cũng là Như Lai khéo phương tiện quyền biến,

非餘殃罪。所以者何。敢來試者則皆權也。

phi du ương tội. sở dĩ giả hà. cảm lai thí giả tắc giai quyền dã.
không phải tội du ương. Vì sao vậy? Vì dám đến thử tức đều là quyền biến vậy.
尋皆導利無央數人。取要言之。

tầm giai đạo lợi vô ương sở nhân. thử yếu ngôn chi.
Tìm cầu đều là dẫn dắt làm lợi cho vô ương số người, nhận lời quan trọng.
如來所現殘有十殃。皆當知佛行權隨時。

Như-Lai sở hiện tàn hữu thập ương. giai đương tri Phật hành quyền tùy thời.
Như Lai hiện tàn dư có mười tội, đều phải biết Phật tùy lúc hành quyền biến.
眾庶懷惡多崇非法。故為現應。非有殃也。使知去就至無上慧。

chúng thứ hoài ác đa sùng phi Pháp. cố vi hiện ứng. phi hữu ương dã. sử tri khứ
tụ chí vô thượng tuệ.

Mọi người ôm nhớ việc ác phần nhiều sùng tin phi pháp, nên vì đó ương hiện.
Không phải có du ương vậy. Khiến biết đi mới đến Tuệ vô thượng.

如來所歎權宜最尊。皆非殃罪但示現耳。

Như-Lai sở thán quyền nghi tối tôn. giai phi ương tội đản thị hiện nhi.
Như Lai thán quyền nghi tối tôn, đều không phải tội du ương chỉ thị hiện mà
thôi.

作是得是。聞者悚懼不敢為非。又族姓子。

tác thị đắc thị. văn giả tưng cụ bất cảm vi phi. hựu tộc tính tử.
làm vậy được vậy, người nghe sợ hãi không dám làm trái. Lại nữa, Thiện nam tử!
廣宣善權時時乃說。非為下愚薄福祚者。

quảng tuyên thiện quyền thời thời nãi thuyết. phi vi hạ ngu bạc phúc tội giả.
Rộng tuyên thiện quyền luôn luôn nói. Không phải vì người ngu phúc mỏng mới
hung thạnh;

亦非聲聞緣覺所知講也。所以者何。

diệc phi thanh văn duyên giác sở tri giảng dã. sở dĩ giả hà.
cũng không phải vì chỗ biết của Thanh văn, Duyên giác mà giảng giải vậy. Vì sao
vậy?

彼等未曾學善權方便。唯菩薩大士解暢深歸。

bỉ đẳng vị tằng học thiện quyền phương tiện. duy Bồ-tát Đại sĩ giải sướng thâm
quy.

Vì mọi người kia chưa từng học Thiện Quyền Phương Tiện, chỉ Bồ-tát đại sĩ hiểu
rõ chỗ quy tụ sâu xa.

喻如闇夜家中然火。悉照室內妻子眷屬。菩薩如是。

dụ như ám dạ gia trung nhiên hỏa. tất chiếu thất nội thê tử quyền chúc. Bồ-tát
như thị.

Giống như đêm tối lửa sáng trong nhà, soi rõ hết trong phòng vợ con quyền thuộc.
Bồ-tát cũng như vậy,

其有聞善權度無極。則曉達菩薩一切所行。

kỳ hữu văn thiện quyền độ vô cực. tắc hiểu đạt Bồ-tát nhất thiết sở hạnh.
có nghe thiện quyền độ vô cực ấy, liền hiểu rõ tất cả việc làm của Bồ-tát,
當勤順學吾本所習。佛囑累汝。族姓子族姓女。

đương cần thuận học ngô bản sở tập. Phật chúc lụy nữ. tộc tính tử tộc tính nữ.
phải siêng năng theo học chỗ ta tu tập xưa. Đức Phật dạy bảo, các Thiện nam,
Thiện nữ!

欲求佛道。其有講說善權方便。

dục cầu Phật đạo. kỳ hữu giảng thuyết thiện quyền phương tiện.
Muốn cầu Phật đạo, nếu có người giải nói thiện quyền phương tiện đó,
若百千里當往受學。則蒙光明。所以者何。

nhược bách thiên lý đương vãng thọ học. tắc mông quang-minh. sở dĩ giả hà. hoặc trăm ngàn dặm nên đi thọ học, liền được ánh sáng. Vì sao vậy?

假能聽受如斯像法者。則為顯發一切經典。

giả năng thính thọ như tu tượng Pháp giả. tắc vi hiển phát nhất thiết Kinh điển.

Vì giả sử có người năng nghe nhận tượng pháp như thế, tức vì làm hiển phát tất cả kinh điển,

除諸疑網使無結恨。爾時諸天世人四部眾咸皆歎曰。

trừ chư nghi võng sử vô kết hận. nhĩ thời chư Thiên thể nhân tứ bộ chúng hàm giai thán viết.

trừ các lưới nghi khiến không còn kiết hận. Lúc bấy giờ chư Thiên người đời bốn bộ chúng tất cả đều than rằng:

其有聞斯權便經者。非法器人多不信樂。佛說經已。

kỳ hữu văn tu quyền tiện Kinh giả. phi Pháp khí nhân đa bất tín lạc. Phật thuyết Kinh dĩ.

Có người nghe kinh Quyền Tiện này, không phải pháp khí nhiều người không tin vui. Phật nói Kinh xong,

七萬二千人皆發無上正真道意。阿難白佛。

thất vạn nhị thiên nhân giai phát vô thượng chánh chân đạo ý. A-nan bạch Phật. bảy vạn hai ngàn người đều phát ý đạo vô thượng chánh chân. A-nan bạch Phật: 當何名斯經。云何奉持之。佛告阿難。

đương hà danh tu Kinh. vân hà phụng trì chi. Phật cáo A-nan.

Nên gọi kinh này là gì? Làm sao phụng trì? Phật bảo A-nan:

是經名善權方便所度無極隨時品也。當持當行。

thị Kinh danh thiện quyền phương tiện sở độ vô cực tùy thời phẩm dã. đương trì đương hành.

Kinh này tên gọi là Thiện Quyền Phương Tiện Độ Vô Cực Tùy Thời Phẩm, nên phụng trì nên thực hành.

佛說如是。慧上菩薩及比丘眾。

Phật thuyết như thị. tuệ thượng Bồ-tát cập Tỷ-kheo chúng.

Phật nói như vậy, Bồ-tát Tuệ Thượng cùng với chúng Tỷ-kheo,

菩薩大士諸天龍神。阿須倫世人。莫不歡喜。

Bồ-tát Đại sĩ chư Thiên long Thần. a tu luân thể nhân. mạc bất hoan hỷ.

Bồ-tát đại sĩ chư Thiên, rồng, Thần, A-tu-luân, người đời, ai cũng hoan hỷ.

慧上菩薩問大善權經卷下

tuệ thượng Bồ-tát vấn Đại thiện quyền Kinh quyền hạ

Bồ-tát Tuệ Thượng hỏi Đại thiện quyền kinh, quyền hạ.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tấn Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiến Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch
Sun Apr 30 21:54:35 2006

=====